



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

"NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2377 /TH-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2022

V/v Thực hiện công bố thông tin kết quả
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM.
- Địa chỉ liên hệ: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, TP.HCM.
- Điện thoại: (08) 38 558 563 Fax: (08) 39 557 977

II. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Mười - Giám đốc.

- Địa chỉ: 10/9 đường 14A – cư xá Ngân hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.HCM

III. Loại thông tin công bố:

- 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

IV. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa công bố thông tin về kết quả họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa diễn ra vào lúc 08 giờ 50 phút, thứ tư, ngày 27/04/2022 tại Hội trường Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, Số 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, quận 5, TP.HCM.

- Tham dự Đại hội có 88 cổ đông trên tổng số 203 cổ đông và đại diện được mời tham dự. Tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 4.968.080 cổ phần, chiếm 99,4% tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự Đại hội.

❖ Đại hội thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022
3. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022
4. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2021 đã kiểm toán
5. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2022

6. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021
7. Chọn Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
8. Báo cáo thực hiện chi ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch ngân sách hoạt động Ban kiểm soát năm 2022
9. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2021; kế hoạch thù lao năm 2022; Báo cáo tiền lương người quản lý năm 2021, Kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2022
10. Thông qua việc ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV
11. Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị; ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
12. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
13. Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Khương Thảo kể từ ngày 26/01/2022
14. Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 đối với ông Nguyễn Mười kể từ ngày 26/01/2022

V. Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 28/04/2022 tại đường dẫn: www.capnuoctanhhoa.com.vn

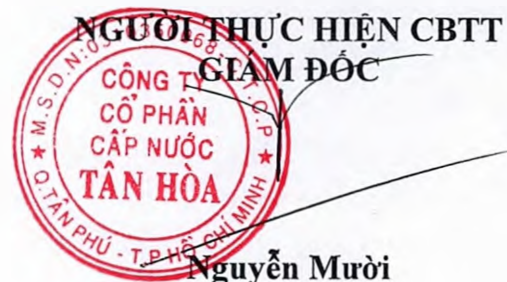
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /.

Nơi nhận

- Như trên.
- Lưu: VT.TCHC

Đính kèm:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Các Báo cáo, Tờ trình.



Số : **003/NQ-TH-ĐHĐCĐ**

Tp.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;
- Căn cứ kết quả biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, được tổ chức vào ngày 27/04/2022 tại Hội trường địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 (tài liệu đính kèm).
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 (tài liệu đính kèm).
3. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (tài liệu đính kèm).
4. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2021 đã kiểm toán (tài liệu đính kèm).
5. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2022	GHI CHÚ
A	SẢN XUẤT- KINH DOANH			
1	Nước tiêu thụ	1.000 m ³	51.500	
2	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	585.038	
3	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	11.360	
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	600	
5	Gắn mới đồng hồ nước cỡ lớn	cái	0	
6	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	30.654	
7	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	44	
8	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	



STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2022	GHI CHÚ
9	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	17,20	
B	TÀI CHÍNH			
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	152.939	
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.910	
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.968	
4	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6,0	

➢ Giao cho Hội đồng quản trị điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2022 tùy thuộc tình hình thực tế của đơn vị (nếu có).

6. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
1	Chia cổ tức (5,9% / mệnh giá cổ phiếu)	47,96	2.948.820.000
2	Trích lập các quỹ		
-	Đầu tư phát triển	4,17	263.046.392
-	Quỹ khen thưởng	21,46	1.353.700.268
-	Quỹ phúc lợi	21,46	1.353.700.268
-	Khen thưởng VCQL	6,16	388.800.000

➢ Giao HĐQT; Ban Điều hành thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định.

7. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt với mức phí kiểm toán là 65.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

➢ Giao Giám đốc công ty ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn, để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

8. Thống nhất phê duyệt:

- Ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 với tổng số tiền là 73.126.919 đồng/năm.

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 với số tiền là 72.830.300 đồng/năm.

➢ Giao cho Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng cân đối chi các khoản không được vượt mức Đại hội đồng cổ đông thông qua.

9. Thông qua báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2021, kế hoạch thù lao năm 2022; Báo cáo tiền lương người quản lý năm 2021, kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2022.

- Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS trong năm 2021:

- + Thành viên HĐQT : 5.500.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

Các thành viên hưởng thù lao theo thời gian đương nhiệm. Tổng cộng thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2021 : **264.000.000 đồng** và Tổng cộng thù lao chi trả cho Ban kiểm soát trong năm 2021 : **96.000.000 đồng**.

– Kế hoạch chi trả thù lao đối với HĐQT, BKS Công ty trong năm 2022:

- + Thành viên HĐQT : 5.500.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

– Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 đối với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty : **3.110.400.000 đồng**.

Trong đó :

- + Mức lương Chủ tịch HĐQT : 51.936.000 đồng / tháng.
- + Mức lương Giám đốc : 51.936.000 đồng / tháng.
- + Mức lương Phó Giám đốc, Trưởng BKS : 39.877.000 đồng / tháng.
- + Mức lương Kế toán trưởng : 35.696.000 đồng / tháng.

– Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 đối với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty : **2.592.000.000 đồng**.

➤ Mức lương của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, KTT, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách được trả theo quy chế trả lương của Công ty.

10. Thông qua việc ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng sau với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV:

10.1 Đối với các hợp đồng có giá trị từ giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất: Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận ủy quyền cho Giám đốc Công ty được thương thảo và ký kết các hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, các hợp đồng này phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

Trường hợp khi có thay đổi về các điều khoản làm ảnh hưởng đến giá trị các hợp đồng (nếu có), Giám đốc có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xem xét, phê chuẩn trước khi ký hợp đồng/ bản thỏa thuận/ phụ lục hợp đồng.

10.2 Đối với các hợp đồng sang nhượng vật tư ngành nước, hợp đồng gắn mới - thay đồng hồ nước, hợp đồng giảm thất thoát nước, : ủy quyền cho Giám đốc Công ty được ký kết hợp đồng và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nội dung này trong các cuộc họp HĐQT định kỳ hằng quý. Đối với các hạng mục nằm ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông giao phải có báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.

10.3 Thời hạn ủy quyền: cho đến kỳ tổ chức Đại hội cổ đông thường niên tiếp theo.

11. Thống nhất phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị; ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa như sau:

11.1 Phê duyệt toàn văn dự thảo Điều lệ (sửa đổi, bổ sung lần 4) gồm 21 chương và 59 điều. Điều lệ sửa đổi có hiệu lực ngay sau thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Điều lệ Công ty đã ban hành ngày 25/05/2018.

11.2 Phê duyệt toàn văn dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị (sửa đổi, bổ sung lần 2) gồm 13 chương và 67 điều. Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi có hiệu lực ngay sau thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Quy chế quản trị Công ty đã ban hành ngày 25/05/2018.

11.3 Phê duyệt toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm 07 chương và 26 điều. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có hiệu lực ngay sau thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11.4 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm ban hành và các vấn đề liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị cũng như việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp các quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

12. Thống nhất phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sửa đổi, bổ sung lần 1) gồm 7 chương và 22 điều. Quy chế sửa đổi có hiệu lực ngay sau thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát đã ban hành ngày 26/10/2015

Giao cho Ban kiểm soát thực hiện việc sửa đổi, bổ sung và ký quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nêu trên kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

13. Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Khương Thảo kể từ ngày 26/01/2022 (do được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV điều động nhận công tác khác).

14. Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Mười kể từ ngày 26/01/2022. Nhiệm kỳ 2020-2025.

Điều 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/04/2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cổ đông;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Hội đồng thành viên Tổng Công ty;
- Tổng giám đốc Tổng Công ty;
- Lưu.VT_HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN**



Trần Thị Ngọc Luyến

Số: **003/BB-ĐHĐCĐ**

Tp.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2022

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Hôm nay, lúc 08 giờ 50 phút ngày 27 tháng 04 năm 2022, tại Hội trường địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, số 95 Phạm Hữu Chí – Phường 12 – Quận 5 – Thành phố HCM. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được tiến hành với các nội dung chính như sau:

I. KHAI MẠC CUỘC HỌP:

1. **Nghi thức khai mạc:** Gồm tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

2. **Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa:**

Ông Lê Trung Thành – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự, với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm 08 giờ 55 phút là 88 cổ đông và người được ủy quyền, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 4.968.080 cổ phần, chiếm 99,4% tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự.

Ban thẩm tra tư cách cổ đông tuyên bố ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

3. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu:

Với 100% số phiếu chấp thuận, Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

▪ **Đoàn chủ tịch** (03 thành viên) gồm:

- Bà Trần Thị Ngọc Luyến – Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa đoàn
- Ông Nguyễn Mười – TV.HĐQT, Giám đốc Công ty - Thành viên
- Ông Lê Minh Châu – Thành viên HĐQT - Thành viên

▪ **Ban Thư ký** (02 thành viên) gồm:

- Bà Lại Thị Thanh Nga - Người phụ trách Quản trị Công ty
- Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Thư ký Công ty

▪ **Ban Kiểm phiếu** (05 thành viên) gồm:

- Ông Nguyễn Trần Lam – Phó Giám đốc Kỹ thuật - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Hải Quý – Trưởng Phòng Khách hàng - Thành viên



- Ông Nguyễn Ngọc Ân – Đội trưởng Đội QLĐHN - Thành viên
- Ông Lê Tấn Đạt – Phó Trưởng Phòng KTCN - Thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Quốc Bảo – Chuyên viên Phòng KTCN - Thành viên

4. Thông qua chương trình; thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội (Tài liệu đính kèm):

Với 100% số phiếu chấp thuận, Đại hội đã thông qua chương trình; thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022:

Bà Trần Thị Ngọc Luyến trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 (tài liệu đính kèm).

2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022:

Ông Vũ Khánh Trùng Dương trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 (tài liệu đính kèm).

3. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Ông Nguyễn Mười đã trình bày Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (tài liệu đính kèm).

4. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2021 đã kiểm toán:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2021 đã kiểm toán (tài liệu đính kèm)

5. Tờ trình về một số nội dung xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông:

Bà Trần Thị Ngọc Luyến trình bày Tờ trình về một số nội dung xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông (tài liệu đính kèm), trong đó có:

5.1 Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2022	GHI CHÚ
A	SẢN XUẤT- KINH DOANH			
1	Nước tiêu thụ	1.000 m ³	51.500	
2	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	585.038	
3	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	11.360	
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	600	
5	Gắn mới đồng hồ nước cỡ lớn	cái	0	

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2022	GHI CHÚ
6	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	30.654	
7	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	44	
8	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	
9	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	17,20	
B	TÀI CHÍNH			
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	152.939	
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.910	
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.968	
4	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6,0	

➤ Giao cho Hội đồng quản trị điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2022 tùy thuộc tình hình thực tế của đơn vị (nếu có).

5.2 *Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021 với các chỉ tiêu dự kiến trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2021:*

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021:

Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	:	8.068.615.388	đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	1.760.548.460	đồng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	:	6.308.066.928	đồng
Tổng lợi nhuận phân phối và chia cổ tức	:	6.308.066.928	đồng

Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định phân chia phần lợi nhuận đạt được của năm 2021 như sau:

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
1	Chia cổ tức (5,9% /mệnh giá cổ phiếu)	46,75	2.948.820.000
2	Trích lập các quỹ		
-	Đầu tư phát triển	4,17	263.046.392
-	Quỹ khen thưởng	21,46	1.353.700.268
-	Quỹ phúc lợi	21,46	1.353.700.268
-	Khen thưởng VCQL	6,16	388.800.000

5.3 *Lựa chọn đơn vị kiểm toán:*

– Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt với mức phí kiểm toán là 65.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

– Giao Giám đốc công ty ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn, để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

5.4 Ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:

– Ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 với tổng số tiền là 73.126.919 đồng/năm.

– Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 với số tiền là 72.830.300 đồng/năm.

➤ Giao cho Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng cân đối chi các khoản không được vượt mức Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5.5 Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2021; kế hoạch thù lao năm 2022; Báo cáo tiền lương người quản lý năm 2021, Kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2022.

– Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS trong năm 2021:

+ Thành viên HĐQT : 5.500.000 đồng/người/tháng

+ Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

➤ Các thành viên hưởng thù lao theo thời gian đương nhiệm. Tổng cộng thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2021: **264.000.000 đồng** và Tổng cộng thù lao chi trả cho Ban kiểm soát trong năm 2021: **96.000.000 đồng**.

– Kế hoạch chi trả thù lao đối với HĐQT, BKS Công ty trong năm 2022:

+ Thành viên HĐQT : 5.500.000 đồng/người/tháng

+ Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

– Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 đối với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty: **3.110.400.000 đồng**.

Trong đó :

+ Mức lương Chủ tịch HĐQT :51.936.000 đồng / tháng.

+ Mức lương Giám đốc :51.936.000 đồng / tháng.

+ Mức lương Phó Giám đốc, Trưởng BKS :39.877.000 đồng / tháng.

+ Mức lương Kế toán trưởng :35.696.000 đồng / tháng.

– Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 đối với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty: **2.592.000.000 đồng**.

➤ Mức lương của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, KTT, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách được trả theo quy chế trả lương của Công ty.

5.6 Ủy quyền cho Giám đốc việc ký các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

a. Đối với các hợp đồng có giá trị từ giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất: Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận ủy quyền cho Giám đốc Công ty được thương thảo và ký kết các hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV; các hợp đồng này phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

Trường hợp khi có thay đổi về các điều khoản làm ảnh hưởng đến giá trị các hợp đồng (nếu có), Giám đốc có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xem xét, phê chuẩn trước khi ký hợp đồng/ bản thỏa thuận/ phụ lục hợp đồng.

b. Đối với các hợp đồng sang nhượng vật tư ngành nước, hợp đồng gắn mới - thay đồng hồ nước, hợp đồng giảm thất thoát nước, : ủy quyền cho Giám đốc Công ty được ký kết hợp đồng và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nội dung này trong các cuộc họp HĐQT định kỳ hằng quý. Đối với các hạng mục nằm ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông giao phải có báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.

c. Thời hạn ủy quyền: cho đến kỳ tổ chức Đại hội cổ đông thường niên tiếp theo.

6. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ và các Quy chế:

Bà Lại Thị Thanh Nga trình bày Tờ trình về một số nội dung xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông (tài liệu đính kèm), trong đó có:

a. Thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ (sửa đổi, bổ sung lần 4) gồm 21 chương và 59 điều. Điều lệ sửa đổi có hiệu lực ngay sau thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Điều lệ Công ty đã ban hành ngày 25/05/2018.

b. Thông qua toàn văn dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị (sửa đổi, bổ sung lần 2) gồm 13 chương và 67 điều. Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi có hiệu lực ngay sau thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Quy chế quản trị Công ty đã ban hành ngày 25/05/2018.

c. Thông qua toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm 07 chương và 26 điều. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có hiệu lực ngay sau thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm ban hành và các vấn đề liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị cũng như việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp các quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

7. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa:

Ông Vũ Khánh Trùng Dương trình bày Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (tài liệu đính kèm).

8. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Ông Lê Minh Châu trình bày Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (tài liệu đính kèm).

III. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI; KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

1. Thảo luận về nội dung các báo cáo, tờ trình đã được trình bày: Đại hội không có ý kiến.

2. Cập nhật báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông trước khi tiến hành biểu quyết:

Ông Lê Trung Thành – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo cập nhật kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm 10 giờ 15 phút là 97 cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 4.979.799 cổ phần, chiếm 99,64% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông được mời tham dự.

3. Công bố kết quả biểu quyết:

Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm 100% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm 100% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 3: Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm 100% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 4: Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2021 đã kiểm toán

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm 100% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 5: Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2022

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm 100% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 6: Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm **100%** trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 7: Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm **100%** trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 8: Thông qua Báo cáo thực hiện chi ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch ngân sách hoạt động Ban kiểm soát năm 2022

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm **100%** trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 9: Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2021; kế hoạch thù lao năm 2022; Báo cáo tiền lương người quản lý năm 2021, Kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2022

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm **100%** trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 10: Thông qua việc ký kết các Hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm **100%** trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 11: Thống nhất phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị; ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm **100%** trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 12: Thống nhất phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm **100%** trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

Nội dung 13: Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Khương Thảo kể từ ngày 26/01/2022

- Đồng ý : 4.979.799 cổ phần (chiếm 100% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Không đồng ý: 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)
- Phiếu trắng : 0 cổ phần (chiếm 0% trên tổng số cổ phần dự họp)

4. Công bố kết quả bầu cử:

▪ Kết quả bầu chọn ông Nguyễn Mười tham gia vào thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 26/01/2022.

▪ Tổng số cổ phần đồng ý: **4.975.016** cổ phần đạt **99,9%** trên tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

⇒ Với kết quả như trên, ông Nguyễn Mười chính thức là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (nhiệm kỳ 2020-2025) từ ngày 26/01/2022.

IV. GIỚI THIỆU NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

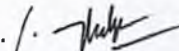
▪ Ban Thư ký đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

▪ Bà Trần Thị Ngọc Luyến điều khiển Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết và toàn văn Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

➤ Với 100% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội đồng ý, Đại hội đã thông qua Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

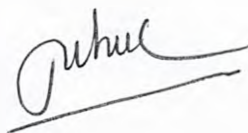
V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Bà Trần Thị Ngọc Luyến – Chủ tọa đoàn, thay mặt Đoàn chủ tịch tuyên bố bế mạc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa năm 2022.

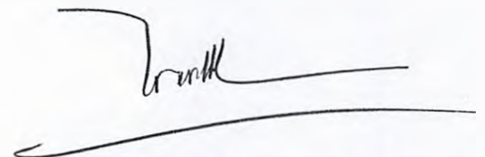
Đại hội kết thúc vào lúc: 11 giờ 15 phút cùng ngày. / . 

TM. BAN THƯ KÝ

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA



Nguyễn Thị Hồng Phúc



Trần Thị Ngọc Luyến



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa điểm kinh doanh: 95 Phạm Hữu Chí Phường 12, Quận 5

Điện thoại: 028 3955 7877 Fax: 028 3955 7977

Email: capnuoctanhua@capnuoctanhua.com.vn

Website: www.capnuoctanhua.com.vn

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ CÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(Quý cổ đông vui lòng mang theo tài liệu này khi tham dự Đại hội)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2022

**DANH MỤC TÀI LIỆU****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

(Ngày 27 tháng 04 năm 2022)

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	- Chương trình Đại hội.	
2	- Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.	
3	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng năm 2022.	
4	- Báo cáo tóm tắt hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Tân Hòa năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.	
5	- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.	
6	- Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2021 (đã kiểm toán).	
7	- Tờ trình về một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính năm 2022; + Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021; + Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2022; + Báo cáo thực hiện chi ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và đề xuất ngân sách hoạt động Ban kiểm soát năm 2022; + Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021, kế hoạch thù lao năm 2022; Báo cáo tiền lương người quản lý năm 2021, Kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2022; + Thông qua việc ủy quyền ký các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. 	
8	- Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động; sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị và thông qua Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.	
9	- Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát.	
10	- Tờ trình về miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.	
11	- Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị)	
12	- Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	



TÂN HÒA
- NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Thời gian: 08 giờ 00 phút ngày 27 tháng 04 năm 2022

**Địa điểm: Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
Số 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, TP.HCM**

Stt	Nội dung	Thời gian
I	KHAI MẠC ĐẠI HỘI – NGHỊ THỨC (BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ)	
1	- Đón tiếp đại biểu, kiểm tra thủ tục, phát tài liệu	8g00' - 8g30'
2	- Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu	8g30' - 8g45'
3	- Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông	
4	- Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, ban Kiểm phiếu; Ban Thư ký	
5	- Thông qua chương trình, thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội	
II	NỘI DUNG CHÍNH: ĐẠI HỘI THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT	8g45' – 10g00'
6	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng năm 2022	
7	- Báo cáo tóm tắt hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Tân Hòa năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.	
8	- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.	
9	- Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2021 (đã kiểm toán);	
10	- Tờ trình về một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông + Kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính năm 2022; + Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021; + Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2022; + Báo cáo thực hiện chi ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và đề xuất ngân sách hoạt động Ban kiểm soát năm 2022;	

Stt	Nội dung	Thời gian
	<ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021, kế hoạch thù lao năm 2022; Báo cáo tiền lương người quản lý năm 2021, Kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2022; + Thông qua việc ủy quyền ký các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. 	
11	- Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động; sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị và thông qua Quy chế hoạt động HĐQT; Quy chế Công bố thông tin	
12	- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	
13	- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025	
14	- Cổ đông phát biểu ý kiến	
15	- Hội đồng quản trị trả lời và tiếp thu ý kiến của cổ đông	
16	- Báo cáo cập nhật thăm tra tư cách cổ đông trước khi biểu quyết	
17	- Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung bằng thẻ biểu quyết.	
18	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị + Giới thiệu Quy chế bầu cử + Thông qua danh sách đề cử, ứng cử + Đại hội bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT 	
19	GIẢI LAO (15 phút)	10g15' – 10g30'
III	THẢO LUẬN VÀ PHÁT BIỂU Ý KIẾN CỦA CẤP TRÊN	10g30' – 10g45'
20	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết	
21	Thành viên Hội đồng quản trị mới ra mắt	
22	Trao hoa cho thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm	
23	Đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 và Biên bản Đại hội.	
24	Biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 và Biên bản Đại hội	
IV	BẾ MẠC ĐẠI HỘI	10g45' – 10g50'
25	Tuyên bố bế mạc đại hội	



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

" NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2022

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Đề Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây :

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa theo danh sách cổ đông chốt ngày **29/03/2022** được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022.

2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tại Đại hội. Việc phát biểu ý kiến trong Đại hội, cổ đông phải đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn chủ tịch (thông qua Ban thư ký), khi phát biểu hoặc tranh luận phải giơ tay, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

3. Cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa đoàn điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.

4. Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết bầu cử, trên đó ghi mã số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Hình thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết hay Phiếu biểu quyết do chủ tọa quyết định và được sự đồng ý của cổ đông tham dự, bao gồm nội dung biểu quyết bầu cử một thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp chỉ có một ứng cử viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

4.1 Thẻ biểu quyết được sử dụng đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban Kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản và Nghị quyết Đại hội; miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; Một số báo cáo, Tờ trình xin ý kiến Đại hội cổ đông và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất khi biểu quyết thông qua. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết, bao gồm: *Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến.*

Chủ tọa hoặc người điều khiển đại hội sẽ xác định trên cơ sở kiểm tra của Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu sẽ chịu trách nhiệm về tính chính xác của số phiếu biểu quyết. Mỗi cổ đông có quyền biểu quyết thông qua việc giơ một (01) trong ba (03) loại Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc người điều khiển như sau:



- a. Thẻ màu xanh: Đồng ý
- b. Thẻ màu hồng: Không đồng ý
- c. Thẻ màu trắng: Không có ý kiến

4.2 Phiếu biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với nội dung bầu cử một thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp chỉ có một ứng cử viên được ứng cử hoặc đề cử tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 này, bằng cách đánh dấu (X/✓) vào ô *Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến* của ứng cử viên được nêu trong Phiếu biểu quyết.

Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Phiếu biểu quyết đã biểu quyết lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về.

Nội dung lấy Phiếu biểu quyết: bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025, kể từ ngày 26/01/2022 (Đính kèm tài liệu họp Đại hội).

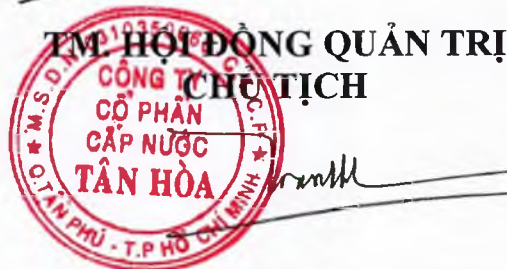
5. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu *Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến* của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.

6. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, ngoại trừ nội dung: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt việc ký kết các hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (*sở hữu 65% cổ phần có quyền biểu quyết*) sẽ được thông qua khi đạt ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông không có lợi ích liên quan dự họp chấp thuận. Trong trường hợp Đại hội phát sinh các vấn đề khác cần biểu quyết, tỷ lệ biểu quyết thông qua căn cứ theo quy định của pháp luật.

8. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

9. Thẻ lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ 51 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông. /.



TRẦN THỊ NGỌC LUYẾN



BÁO CÁO

Về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Thực hiện theo Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 (đã kiểm toán); Hội đồng quản trị công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Ngay từ đầu năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty đã nhận thức đây là một năm có nhiều khó khăn, thách thức, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong nước và thế giới đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ du lịch, lưu trú trong hoạt động SXKD. Trải qua các đợt giãn cách xã hội toàn thành phố ... , Hội đồng quản trị đã lãnh đạo Công ty nỗ lực thực hiện cấp nước an toàn, liên tục, đảm bảo chất lượng nước, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất kinh doanh trên địa bàn Quận Tân Bình và Tân Phú.

– Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chi đạo và giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

– Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi. Đã triển khai chủ trương không thu tiền nước bằng tiền mặt.

– Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa ống mục, nâng cấp mạng lưới cấp nước; dò tìm điểm bể và sửa bể nhanh chóng; sửa chữa 58/60 đồng hồ tổng... góp phần kiểm tra chặt chẽ tỷ lệ thất thoát, giảm đáng kể lượng nước thất thoát thất thu, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình giảm nước thất thoát thất thu bền vững trong những năm tiếp theo.

– Về các chỉ tiêu: cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2021

Số TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện so với kế hoạch
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m ³	51.100	49.698	97,26
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	156.000	153.008	98,08
3	Thuế và nộp NSNN	Tr đồng	1.150	1.760	153,04
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	7.300	8.068	110,52
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	6.150	6.308	102,56
6	Cổ tức	%	5,9	5,9	100,0

– Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn; Bên cạnh đó các chính sách chăm lo cho người lao động luôn được Ban Giám đốc quan tâm thực hiện đúng pháp luật.

– Việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

⇒ Nhìn chung, về ngành nghề chính là dịch vụ cấp nước, Công ty đã duy trì được dịch vụ cấp nước ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn công ty quản lý. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nên thành phố phải thực hiện giãn cách toàn xã hội trong thời gian dài, các khách hàng kinh doanh, dịch vụ, nhà hàng, sân bay, khu công nghiệp, .. ngưng hoạt động nhiều tháng vì vậy ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ, giá bán bình quân, doanh thu tiền nước, công tác xây dựng cơ bản. Điều này kéo theo chỉ tiêu tài chính về mặt doanh thu không đạt. Tuy nhiên, do Công ty chủ trương tiết giảm chi phí để tăng lợi nhuận nên đảm bảo được tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 cho cổ đông dự kiến đạt 100% so với kế hoạch là 5,9% trên mệnh giá cổ phiếu.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Thông qua các báo cáo của Ban Giám đốc, HĐQT thường xuyên chỉ đạo rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và định hướng thực hiện kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. HĐQT định hướng Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành cũng như phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác hiện hành. Từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, HĐQT đã có những đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty như sau:

– Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Giám đốc (BGĐ) Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ giao để điều hành và theo dõi sát kết quả

thực hiện thông qua các cuộc họp định kỳ: họp giao ban mỗi tháng; họp khối (kinh doanh, kỹ thuật) và các cuộc họp về công tác giảm nước không doanh thu, công tác phủ mạng để đưa 100% các hộ dân được sử dụng nước máy, ... Đặc biệt, sau giai đoạn giãn cách xã hội, Ban Giám đốc đã triển khai phương án tiếp cận đồng hồ nước thông qua việc đọc chỉ số đồng hồ nước bằng smartphone để đọc chính xác, hạn chế các sai sót cũng như khiếu nại từ khách hàng.

– Trong năm, Ban Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện tốt việc điều tra về giá biểu, định mức đem lại hiệu quả nhất định và đã truy thu 825 địa chỉ tương đương với 43.134m³ nước và đã điều tra, điều chỉnh định mức cho 10.131 địa chỉ.

– Giám đốc đã phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng thành viên BGD. Các thành viên BGD chủ động trong chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD hàng ngày, mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin vào các mặt hoạt động của đơn vị.

– Trong năm, đã triển khai áp dụng hóa đơn điện tử, tiến tới không thu tiền nước tại nhà. Việc chú trọng khâu quản lý doanh thu tiền mặt để hạn chế sai sót trong việc thu tiền nước.

– Bên cạnh việc xem xét, quyết định các công việc thuộc thẩm quyền, Ban Giám đốc cũng đã đề xuất với Hội đồng quản trị những vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức bộ máy, cụ thể là việc sáp nhập hai Đội Thi công Tu bổ và Đội Thi công Xây lắp thành Đội Thi công – Tu bổ để tinh gọn bộ máy quản lý nội bộ Công ty.

Nói chung, năm 2021 tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do dịch Covid-19 kéo, nhưng với tinh thần đoàn kết nhất trí cao, sự điều hành linh hoạt và tâm huyết của Ban Giám đốc đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Tuy chưa hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty như sản lượng, doanh thu tiền nước, giá bán bình quân, ... nhưng kết quả thực hiện của Công ty cũng đạt trên 90% so với kế hoạch. Trong đó, Công ty cũng đã nỗ lực thực hiện vượt kế hoạch chỉ tiêu thay đồng hồ nước, triển khai các giải pháp tiết kiệm chi phí để đạt lợi nhuận tài chính, đảm bảo tỷ lệ cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 giao là 5,9% trên mệnh giá cổ phiếu.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hoạt động của HĐQT:

– Năm 2021, việc quản lý điều hành được thực hiện thông qua việc tổ chức các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty (04 lần), lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản (02 lần).

– Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành 23 Nghị quyết và 01 Quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

– HĐQT luôn đảm bảo tính đồng thuận cao trong việc ra quyết định. Đối với các vấn đề mà có ý kiến khác biệt sẽ được cân nhắc, làm rõ và điều chỉnh để được sự thống nhất trong tất cả các cuộc họp của HĐQT.

– Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ Công ty (trong đó: sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; và xây dựng mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Công bố thông tin) được Hội đồng quản trị thảo luận, thống nhất đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155, Thông tư 166, Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng Công ty và các văn bản liên quan.

– Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị định hướng thực tế các vấn đề về tiền lương Người lao động gắn với yêu cầu nâng cao năng suất lao động và kế hoạch Sản xuất - Kinh doanh - Tài chính của Công ty.

– Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 lựa chọn đơn vị kiểm toán đảm bảo công tác kiểm toán định kỳ đầy đủ và đúng quy định.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 đã tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành Công ty dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty.

❖ Công tác tổ chức, nhân sự:

– Trong năm, để tinh gọn bộ máy và hợp lý hóa sản xuất, Hội đồng quản trị thông qua chủ trương sáp nhập hai Đội Thi công Tu bổ và Đội Thi công Xây lắp thành một

– Hội đồng Quản trị thường xuyên theo dõi, đánh giá và có những quyết định phù hợp, kịp thời về nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT. Số cán bộ do HĐQT bổ nhiệm hoặc ủy quyền cho Giám đốc bổ nhiệm đều hoàn thành nhiệm vụ được giao.

– HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý Công ty nhằm phục vụ tốt việc điều hành nhiệm vụ SXKD của Công ty.

– Luôn quan tâm đến đội ngũ người lao động trong Công ty, thường xuyên có những chỉ đạo kịp thời với Ban điều hành trong việc sử dụng nguồn nhân lực; sắp xếp và bố trí lao động cho phù hợp; tìm các giải pháp tăng năng suất lao động, tăng thu thập nhằm đảm bảo cho người lao động có thu nhập ổn định, gắn bó lâu dài với Công ty.

❖ Về công tác kế toán – tài chính:

Hàng quý, Giám đốc lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tài chính của Công ty. Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; Hội đồng quản trị chưa tìm thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động tài chính của Ban Điều hành.

❖ Chú trọng thực hiện công tác cải cách hành chính; triển khai chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, thực hiện mục tiêu “Hướng về cộng đồng, phát triển

để phục vụ tốt hơn”; ứng dụng tốt một số quy trình, nghiệp vụ đã cải tiến nhằm rút ngắn thời gian giải quyết yêu cầu khẩn cấp, nâng đời, đổi cỡ đồng hồ nước của khách hàng.

❖ Đối với việc mua sắm vật tư, trang thiết bị; kiểm kê tài sản, vật tư và xử lý tài sản, vật tư sau kiểm kê đều được thông qua sự soát xét của Ban Kiểm soát Công ty và báo cáo với Hội đồng quản trị; trong năm 2021 chưa tìm thấy các sai sót trong quá trình thực hiện.

❖ Công tác quản lý mạng lưới cấp nước:

– Quản lý và vận hành an toàn hệ thống mạng lưới cấp nước, đảm bảo cấp nước liên tục, ổn định cho khách hàng; kiểm tra và đấu nối tăng áp cho các khu vực nước yếu; tư vấn thiết kế cỡ đồng hồ nước phù hợp để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng; tích cực đẩy mạnh công tác cải tạo mạng lưới cấp nước theo kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo lượng nước cung cấp cho khách hàng.

– Năm 2021, Công ty đã hoàn tất công tác sửa chữa 58/60 đồng hồ tổng. Các đồng hồ tổng được sửa chữa hoàn tất và vận hành sẽ góp phần vào việc kiểm tra chặt chẽ hơn tỷ lệ giảm thất thoát nước trên các DMA của Công ty; duy trì, triển khai nhiều biện pháp chống thất thoát nước và ứng số hóa trên họa đồ nền Autocard, ... Tuy đã cố gắng nỗ lực trong việc giảm tỷ lệ thất thoát nước nhưng năm 2021 với diễn biến phức tạp của dịch covid-19 nên sản lượng tiêu thụ nước bị giảm đáng kể, đồng thời công tác dò bể, sửa bể bị gián đoạn và công tác vận hành các đồng hồ tổng sửa chữa hoàn chỉnh nên tỷ lệ thất thoát nước bị ảnh hưởng rất lớn.

2. Thù lao của Hội đồng quản trị:

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27/04/2021, Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua mức thù lao của HĐQT và trong năm 2021 Công ty đã chi trả thực tế đúng mức đã quy định với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Thành viên HĐQT : 5.500.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/tháng

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Trên cơ sở thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và định hướng phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

– Tuân thủ các quy định về quan hệ của Đảng bộ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc được nêu tại Điều 8 của Quy định số 48-QĐ/TW ngày 20/12/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về chức năng nhiệm vụ của Đảng bộ, Chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước, cụ thể:

+ Triển khai, thực hiện các chỉ đạo Đảng ủy Công ty theo các Nghị quyết, kết luận trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp.

+ Báo cáo, đề xuất với Đảng ủy Công ty về việc thực hiện chiến lược phát triển, sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn, kế hoạch năm; các chủ trương đầu tư, cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư của Nhà nước trong doanh nghiệp; chủ trương phát triển sản xuất, kinh doanh quan trọng của Công ty.

+ Các nội dung khác của Quy định.

- Chỉ đạo, triển khai Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022. Tăng cường công tác quản trị, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. Vận động, động viên người lao động cùng gia đình tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và sống an toàn, tuyệt đối không lơ là, mất cảnh giác trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn Công ty; phấn đấu đạt sản lượng nước cung cấp, doanh thu và lợi nhuận theo chỉ tiêu đã đề ra.

- Thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành đối với chế độ tài chính – kế toán doanh nghiệp, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. Đẩy mạnh các thủ tục đầu tư, tiến độ thực các dự án theo kế hoạch năm 2022 đề ra; nâng cao hiệu quả vốn đầu tư; các giải pháp tài chính, thực hiện các phân kỳ đầu tư, cân đối các nguồn lực trong điều kiện tài chính của Công ty nhằm tăng cường tình hình tài chính lành mạnh, đảm bảo đạt kế hoạch tài chính năm 2022.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn; quản lý và vận hành an toàn hệ thống cấp nước; cung cấp nước liên tục, ổn định cho khách hàng; xây dựng kế hoạch và triển khai đồng bộ các biện pháp phù hợp nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước năm 2022 còn 17,2%.

- Rà soát, kiểm tra thực tế, nghiên cứu các giải pháp và kiên quyết giảm tỷ lệ số lượng đồng hồ nước $0m^3 - 4m^3$. Phối hợp chặt chẽ với địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước sạch, hạn chế khai thác nước ngầm tại các khu vực có tỷ lệ đồng hồ từ $0m^3 - 4m^3$; tuyên truyền về nguy cơ, tác hại của việc khai thác nước ngầm không kiểm soát.

- Tiếp tục theo dõi việc triển khai chủ trương ứng dụng hóa đơn điện tử và thực hiện chủ trương không thu tiền nước tại nhà khách hàng. Mở rộng các kênh thu hộ, thanh toán tiền nước qua ngân hàng để tăng tỉ lệ thực thu, đảm bảo doanh thu tiền nước.

- Tiếp tục cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, văn phòng điện tử, tiện ích công nghệ và dịch vụ,... thực hiện cải cách hành chính, công tác quản trị ngành cấp nước hướng đến cấp nước thông minh, nâng cao hiệu quả

quản lý và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; duy trì thường xuyên tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước.

– Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác truyền thông doanh nghiệp. Chú trọng việc cải thiện, nâng cao chất lượng hình ảnh công nhân ngành cấp nước qua việc triển khai thực hiện Bộ quy chuẩn về giao tiếp khách hàng quy định chức năng, phân cấp, khung giao tiếp, ... để nâng cao năng lực giao tiếp và hình ảnh của Công ty.

– Cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh, công tác quản lý và nâng cao năng suất lao động; tiết kiệm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

– Xây dựng đội ngũ CB-CNV lao động tận tâm, nhiệt tình, có phong cách làm việc chuyên nghiệp, giàu nhiệt huyết, giỏi chuyên môn.

– Kiện toàn, củng cố và hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy; phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại

– Thực hiện đúng các quy định nghiệp vụ về sản xuất kinh doanh nước sạch, về quản lý lao động tiền lương.

– Xây dựng Công ty phát triển bền vững, thực hiện trách nhiệm xã hội trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của cổ đông, đối tác, khách hàng; đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động.

– Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới cổ đông một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Ngọc Luyện



TP. HCM, ngày 14 tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA****Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông.**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020,
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm theo Quyết định số 005/QĐ-TH-HĐQT ngày 25/05/2018 của Hội đồng quản trị Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt (Vietvalues);

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về những hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021 sau:

I. Về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021:**1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình thay mặt các cổ đông giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty thông qua các hoạt động sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty.
- Giám sát việc quản lý điều hành SXKD của Ban Giám đốc.
- Giám sát hoạt động, đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và năm của Công ty.
- Tham gia và đóng góp ý kiến trong các phiên họp của HĐQT.
- Kiểm tra, giám sát, góp ý trình tự thủ tục công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.
- Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

2. Về thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, quỹ lương, thù lao Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- Mức lương Trưởng Ban: 39.876.923 đồng/tháng
- Thù lao thành viên: 4.000.000 đồng/người/tháng



– Chi phí hoạt động : 73.126.919 đồng.

3. Hợp định kỳ ban kiểm soát:

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp để có ý kiến đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, và các nội dung khác liên quan đến hoạt động của Công ty.

4. Về giám sát hoạt động SXKD, hoạt động tài chính năm 2021:

Mặt dù có những ảnh hưởng nhất định do dịch Covid-19, Công ty cổ phần cấp nước Tân Hòa trong năm 2021 đã nỗ lực đạt được kết quả như sau:

- Sản lượng nước: tiêu thụ được 49.697.670 m³ nước theo chuẩn thu sau xử lý, đạt tỷ lệ 97,26% kế hoạch và đạt 99,24% so với năm 2020 (50.076.443 m³).

- Doanh thu tiền nước: thực hiện 519.206 triệu đồng, đạt 92,85% kế hoạch, đạt 100,31% so với năm 2020 (517.626 triệu đồng).

- Giá bán bình quân: 10.447 đồng/m³ đạt 95,47% kế hoạch, đạt 101,06% so với năm 2020 (10.337 đồng/m³).

- Thông qua việc vận hành 92 DMA, Công ty xác định khu vực có tỷ lệ thất thoát nước cao để lập kế hoạch tập trung giảm thất thoát nước theo từng quý, hàng tháng có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện, tìm giải pháp khắc phục các tồn tại cho tháng kế tiếp. Trong năm 2021, Công ty đã hạ tỷ lệ nước thất thoát thất thu xuống 18,63% đạt 96,62% so với kế hoạch, tăng 0,40% so với năm 2020 (18,23%). Tuy đã cố gắng nỗ lực trong việc giảm tỷ lệ thất thoát nước nhưng năm 2021 với diễn biến phức tạp của dịch covid-19 nên sản lượng tiêu thụ nước bị giảm đáng kể đồng thời công tác dò bể, sửa bể bị gián đoạn và công tác vận hành các đồng hồ tổng sửa chữa hoàn chỉnh nên tỷ lệ thất thoát nước bị ảnh hưởng rất lớn

Tuy nhiên trong năm 2021, việc giãn cách xã hội theo các chỉ thị của Chính phủ và Thành phố từ đầu tháng 7/2021 đến hết tháng 9/2021, công tác tiếp cận khách hàng đều không thực hiện được nên việc ghi nhận chính xác chỉ số tiêu thụ nước cũng như các công tác khác liên quan đến khách hàng (kiểm tra định mức, giá biểu; phát hiện rò rỉ nước và sửa bể đối với các đồng hồ nước có chỉ số tiêu thụ cao bất thường,...) đều bị gián đoạn không triển khai được. Điều này đã tác động rất lớn đến sản lượng tiêu thụ thực tế đồng thời phát sinh nhiều khách hàng có hóa đơn từ 0 – 4 m³ từ đó kéo theo doanh thu tiền nước và giá bán bình quân giảm.

Chúng tôi nhất trí với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán của Công ty và nhận xét cụ thể như sau:

Công ty đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về chế độ kế toán, tài chính, thuế.

Báo cáo tài chính lập đúng quy định về biểu mẫu và thời gian.

Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm toán.

Thực hiện tốt chế độ báo cáo thông tin đối với Công ty đại chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa với nhận định chung là phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

	CHỈ TIÊU		KẾ HOẠCH NĂM 2021	NĂM 2021	NĂM 2020
-	Tổng doanh thu:	:	156.000.000.000	153.008.856.260	155.958.050.516
-	Tổng chi phí:	:	148.700.000.000	144.940.240.872	148.666.996.484
-	Lợi nhuận trước thuế	:	7.300.000.000	8.068.615.388	7.291.054.032
-	Thuế TNDN	:	1.150.000.000	1.760.548.460	1.142.931.098
-	Lợi nhuận sau thuế	:	6.150.000.000	6.308.066.928	6.148.122.934
-	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	:	4,68%	5,27%	4,68%
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	:	3,94%	4,12%	3,94%

Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021
A. Tài sản ngắn hạn	110.029.165.935	105.412.125.266
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	26.464.733.730	9.341.887.946
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11.000.000.000	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	60.180.796.194	69.411.064.213
IV. Hàng tồn kho	12.367.112.788	12.641.208.713
V. Tài sản ngắn hạn khác	16.523.223	17.964.394
B. Tài sản dài hạn	10.233.038.744	12.772.335.019
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
II. Tài sản cố định	8.936.440.688	11.748.762.082
VI. Tài sản dài hạn khác	1.296.598.056	1.023.572.937
Tổng cộng tài sản	120.262.204.679	118.184.460.285

Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021
A. Nợ phải trả	62.741.304.853	61.079.880.991
B. Vốn chủ sở hữu	57.520.899.826	57.104.579.294
1. Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000	50 000 000 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	50.000.000.000	50 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	93.553.000	93 553 000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	(27.200.000)	(27.200.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	1.146.479.898	890 103 360
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.308.066.928	6 148 122 934
Tổng cộng nguồn vốn	120.262.204.679	118.184.460.285

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong năm 2021:

1. Giám sát đối với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Tất cả các phiên họp được tiến hành đúng quy định của Điều lệ Công ty. Nội dung các phiên họp bàn về những vấn đề thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT.

Giữa các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị, khi cần giải quyết các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, có thông tin cho Ban Kiểm soát.

2. Giám sát Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự đoàn kết trong tập thể Ban Giám đốc và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Công ty đã từng bước khắc phục các tồn tại, đảm bảo kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

II. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý điều hành Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty được thực hiện phù hợp với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022:

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 được thực hiện thực hiện theo các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, trong đó tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Triển khai thực hiện quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát được ĐHĐCĐ thông qua.

- Giám sát việc tuân thủ quy định Pháp luật, quy định của Công ty, sự cẩn trọng HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và hợp lý của công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính của Công ty; Thẩm định, soát xét các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2022.

- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD

- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc khi nhận thấy có rủi ro trong công tác quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. Kết luận:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong quản lý điều hành SXKD, điều quán triệt chủ trương của Tổng Công ty và Công ty nên rất tích cực trong việc hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, duy trì 100% hộ dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trên địa bàn Công ty quản lý

- Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch .

Mặc dù còn nhiều khó khăn mang tính đặc thù, nhưng nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành và trực tiếp tham gia tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với NSNN và người lao động; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ với các cổ đông.

Trong thời gian tới, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty cần quan tâm xây dựng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính phù hợp, đồng thời có những giải pháp trong quản lý, điều hành đối với hoạt động để đạt được các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021, đệ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Vũ Khánh Trùng Dương



**BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021.

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2020, trong năm 2021 lãnh đạo Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa cùng toàn thể CB-CNV Công ty luôn đoàn kết và quyết tâm thực hiện kế hoạch của Tổng Công ty giao. Công ty tiếp tục duy trì và thực hiện chỉ tiêu 100% hộ dân thành phố được sử dụng nước sạch trên địa bàn quản lý; sử dụng nhiều biện pháp để tăng sản lượng và doanh thu.

Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới đã làm ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh, dịch vụ du lịch, lưu trú của Thành phố. Điều này đã tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặc dù có những ảnh hưởng nhất định do dịch Covid-19, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa trong năm 2021 đã nỗ lực đạt được kết quả như sau:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021:

1. Công tác sản xuất kinh doanh: (phụ lục đính kèm)

– **Sản lượng nước:** tiêu thụ được **49.697.670 m³** nước theo chuẩn thu sau xử lý, đạt tỷ lệ **97,26%** kế hoạch và đạt **99,24%** so với năm 2020 (50.076.443 m³).

– **Doanh thu tiền nước:** thực hiện **519.206 triệu đồng**, đạt **92,85%** kế hoạch, đạt **100,31%** so với năm 2020 (517.626 triệu đồng).

– **Giá bán bình quân:** **10.447 đồng/m³** đạt **95,47%** kế hoạch, đạt **101,06%** so với năm 2020 (10.337 đồng/m³).

➤ Để đạt được kết quả này, Công ty đã quan tâm chỉ đạo sâu sát đến các công tác sau:

+ Tiếp cận đồng hồ nước, đọc chính xác cụ thể qua việc đọc chỉ số đồng hồ nước bằng smartphone hạn chế các sai sót cũng như khiếu nại từ khách hàng.

+ Thường xuyên thông kê báo cáo hàng tháng số lượng hóa đơn có chỉ số tiêu thụ = 0m³ để có kế hoạch vận động nhân dân sử dụng nước. Công nhân đọc số, thu tiền trong địa bàn phụ trách để tuyên truyền, vận động, giải thích lợi ích của việc sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh... Kết quả đến cuối năm 2021 số lượng hóa đơn từ 0 – 4m³ còn 25.257 cái chiếm 16,85% so với lượng đồng hồ nước trên toàn mạng Công ty quản lý.

+ Năm 2021, Công ty đã tổ chức kiểm tra định mức, giá biểu của các hộ sản xuất kinh doanh. Kết quả Công ty đã truy thu 825 địa chỉ tương ứng với 43.134 m³ và đã kiểm tra, điều chỉnh định mức nước cho 10.131 địa chỉ.

+ Công ty chú trọng khâu quản lý doanh thu tiền mặt, hạn chế sai sót dẫn đến thất thu tiền nước. Công ty còn mở thêm nhiều kênh giao dịch thu tiền nước qua ngân hàng, liên kết MoMo, VnPay, Payoo, Viettelpay thu hộ tiền nước nhằm làm tăng tỷ lệ thực thu đương niên. Công ty đã triển khai hóa đơn điện tử và không thu tiền nước tại nhà.

+ Thường xuyên kiểm tra các địa chỉ có chỉ số tiêu thụ bất thường, nhằm bảo đảm lưu lượng qua đồng hồ chính xác, phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng tiêu cực, gian lận trong quá trình sử dụng nước của khách hàng.

➤ Tuy nhiên trong năm 2021, việc giãn cách xã hội theo các chỉ thị của Chính phủ và Thành phố từ đầu tháng 7/2021 đến hết tháng 9/2021, công tác tiếp cận khách hàng đều không thực hiện được nên việc ghi nhận chính xác chỉ số tiêu thụ nước cũng như các công tác khác liên quan đến khách hàng (kiểm tra định mức, giá biểu; phát hiện rò rỉ nước và sửa bể đối với các đồng hồ nước có chỉ số tiêu thụ cao bất thường,...) đều bị gián đoạn không triển khai được. Điều này đã tác động rất lớn đến sản lượng tiêu thụ thực tế đồng thời phát sinh nhiều khách hàng có hóa đơn từ 0 – 4 m³ từ đó kéo theo doanh thu tiền nước và giá bán bình quân giảm.

Kết quả đạt được: Không đạt kế hoạch về sản lượng, doanh thu và giá bán bình quân do Tổng Công ty giao

2. Công tác gắn đồng hồ nước:

Trong năm 2021 gắn đồng hồ nước cỡ nhỏ được **736 cái**; đạt **73,60%** so với kế hoạch; cỡ lớn được **02 cái**, đạt **66,67%** kế hoạch. Công ty tiếp tục phối hợp với địa phương vận động người dân gắn đồng hồ nước để sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trên địa bàn quản lý. Công ty đã duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch và tiếp tục giải quyết các trường hợp phát sinh như: khu dân cư mới, khách hàng có nhu cầu tách thửa, tách hộ, những hộ trước kia chưa có nhu cầu sử dụng nước,... Việc gắn mới đồng hồ nước thực hiện theo nhu cầu thực tế của khách hàng; tuy nhiên trong các đợt giãn cách xã hội theo các chỉ thị của Chính phủ và Thành phố từ đầu tháng 7/2021 đến hết tháng 9/2021, công tác gắn mới đồng hồ nước không triển khai được do các công việc liên quan đến công tác này (khảo sát - thiết kế, xin phép đào đường và thi công gắn mới) hầu như bị gián đoạn

➤ *Kết quả đạt được: Không đạt kế hoạch so với kế hoạch Tổng Công ty giao.*

3. Công tác thay đồng hồ nước:

Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác thay đồng hồ nước nhằm góp phần giảm tỷ lệ thất thoát nước. Trong năm 2021 công tác thay đồng hồ nước cỡ nhỏ thực hiện được **34.447 cái** đạt **100,25%**. Thay đồng hồ nước cỡ lớn thực hiện được **39 cái** - hoàn thành vượt mức kế hoạch TCT giao **114,71%**.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý công tác thay đồng hồ nước cụ thể bằng việc sử dụng phần mềm quản lý ĐHN trong công tác báo thay và hoàn công thay nhằm tăng hiệu quả giải quyết công tác thay ĐHN.

➤ *Kết quả đạt được: Vượt kế hoạch Tổng Công ty giao.*

4. Công tác đầu tư xây dựng:

+ *Phát triển mạng lưới cấp nước:*

Thực hiện thi công: 70 / 70 m, đạt 100,00% kế hoạch; giá trị giải ngân: 753 / 2.064 triệu đồng, đạt 36,48% kế hoạch.

+ *Đầu tư nâng cấp, sửa chữa ống mục:*

Thực hiện thi công: 2.739/ 2.739m đạt 100% kế hoạch; giá trị giải ngân: 9.710/ 10.288 triệu đồng, đạt 94,38% kế hoạch.

➤ *Kết quả đạt được: Chưa đạt kế hoạch do Tổng Công ty giao.*

5. Công tác giảm nước không doanh thu:

Thông qua việc vận hành 92 DMA, Công ty xác định khu vực có tỷ lệ thất thoát nước cao để lập kế hoạch tập trung giảm thất thoát nước theo từng quý, hàng tháng có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện, tìm giải pháp khắc phục các tồn tại cho tháng kế tiếp. Trong năm 2021, Công ty đã hạ tỷ lệ nước thất thoát thất thu xuống **18,63%** đạt **96,62%** so với kế hoạch, tăng **0,40%** so với năm 2020 (18,23%). Để đạt được kết quả trên, Công ty đã tập trung triển khai các công tác sau:

- Thường xuyên theo dõi biến động về áp lực và lưu lượng ban đêm tối thiểu của từng DMA.
- Triển khai đặt bút dò bể (leak-pen) đối với các tuyến đường mật độ xe lưu thông đông khó dò tìm rò rỉ, kết hợp với công tác đặt leak-pen các DMA với công tác kiểm tra nước nhằm kiểm tra đồng hồ nước và áp lực tại nhà khách hàng.
- Thường xuyên triển khai công tác đóng van bước khoanh vùng rò rỉ với những DMA có tỷ lệ thất thoát cao nhằm xác định khu vực thất thoát nhiều.
- Công tác sửa bể dứt điểm theo từng DMA, hạn chế tình trạng điểm bể tồn đọng.
- Phối hợp tốt với các cơ quan chức năng trong việc xin phép đào đường sửa bể.
- Công ty tuân thủ chỉ dẫn bảo trì vận hành các trang thiết bị trong DMA, hạn chế sự cố hư hỏng trang thiết bị. Tuân thủ chỉ dẫn thực hiện vận hành các trang thiết bị máy móc dò bể.
- Tăng cường công tác giám sát chất lượng sửa bể trên mạng lưới, đảm bảo chất lượng thi công trong quá trình sửa bể.
- Đối với khách hàng xin gắn mới, Công ty chủ động lắp đặt ĐHN bên ngoài bắt động sản có kèm theo hộp bảo vệ để thuận tiện quản lý. Đối với các tuyến ống tại khu vực có tỷ lệ thất thoát nước cao, Công ty đã đăng ký kế hoạch sửa chữa, thay mới kết hợp với việc thay ống nhánh bị lão hóa; nâng hộp đồng hồ nước bị âm sâu, khuất lấp. Nhờ đó, một số khu vực có tỷ lệ thất thoát nước giảm nhanh và ổn định.
- Thực hiện dò bể 1.980.000 m, đặt leakpen cho 114.000 TLK, thực hiện sửa bể kịp thời 3.776 điểm trong đó có 2.917 điểm bể nổi và 859 điểm bể ngầm.
- Thực hiện sửa chữa coi van 659 cái.

– Công ty đã hoàn tất công tác sửa chữa 58/60 đồng hồ tổng. Các đồng hồ tổng được sửa chữa hoàn tất và vận hành sẽ góp phần vào việc kiểm tra chặt chẽ hơn tỷ lệ giảm thất thoát nước trên các DMA của Công ty.

– Công ty chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm cải tiến quy trình sản xuất – kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, cụ thể:

▪ Cập nhật số hóa mạng lưới cấp nước trên họa đồ nền Autocad và hệ thống TANHOAGIS, cập nhật kịp thời hồ sơ hoàn công các công trình PTML, cải tạo ống mục và xử lý sự cố; theo dõi ĐHN trong các DMA; sử dụng hệ thống TANHOAGIS để quản lý cơ sở dữ liệu và liên thông dữ liệu giữa các Phòng, Ban, Đội; tích hợp phần mềm GIS và dữ liệu PMAC để theo dõi lưu lượng và áp lực tại các nút đồng hồ tổng và CMP; sử dụng chương trình quản lý DMA, sản lượng trên phần mềm PMAC trong tính toán và báo cáo, theo dõi các điểm bể và tình hình sửa bể trong DMA.

➤ Tuy đã cố gắng nỗ lực trong việc giảm tỷ lệ thất thoát nước nhưng năm 2021 với diễn biến phức tạp của dịch covid-19 nên sản lượng tiêu thụ nước bị giảm đáng kể đồng thời công tác dò bể, sửa bể bị gián đoạn và công tác vận hành các đồng hồ tổng sửa chữa hoàn chỉnh nên tỷ lệ thất thoát nước bị ảnh hưởng rất lớn.

Kết quả đạt được: Không đạt kế hoạch so với kế hoạch Tổng Công ty giao..

6. Công tác chăm sóc khách hàng:

– Phòng Khách hàng của Công ty là đầu mối để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng về chất lượng nước, tiến độ giải quyết hồ sơ cho khách hàng...

– Tiếp nhận cuộc gọi của khách hàng qua tổng đài 24/7 1900 6489 giải đáp thắc mắc về tình hình sử dụng nước và tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng đối với Công ty.

– Sử dụng phần mềm Quản trị khách hàng Tân Hòa CRM để đảm bảo giải quyết nhanh chóng các thắc mắc, phản ánh của khách hàng.

– Sử dụng mã QR để khách hàng có thể quét, tra cứu thông tin, lịch ghi chỉ số, thu tiền, theo dõi lịch sử thanh toán hóa đơn tiền nước và biểu đồ sử dụng nước của nhà khách hàng.

– Với các hóa đơn tạm tính đã bị lỗi của khách hàng, Công ty chủ động điều chỉnh và chặn để nhân viên không thực hiện việc nhắc nợ tại nhà khách hàng cho đến khi điều chỉnh xong.

7. Công tác đào tạo, hoàn thiện quy chế:

– Tổ chức cho CB-CNV Công ty tham gia các lớp đào tạo, thi tay nghề, tập huấn nghiệp vụ như tối ưu hóa kỹ năng quản lý mạng lưới, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, an toàn vệ sinh lao động, tập huấn các chế độ chính sách về BHXH, tập huấn nghiệp vụ đấu thầu.

– Hàng năm, Công ty đăng ký danh sách với Tổng Công ty thi tay nghề để nâng bậc cho các công nhân thuộc khối kỹ thuật và khối kinh doanh.

– Bổ sung các quy trình, quy định nhằm hoàn thiện, cải tiến và nâng cao hiệu quả thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

– Phát động phong trào thi đua nước rút hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

8. Công tác đoàn thể:

❖ Công đoàn:

– Tổ chức một số hoạt động Xã hội từ thiện và thăm hỏi như: chúc Tết các gia đình chính sách và công nhân có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Khen tại xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi; phối hợp với Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức tặng bồn rửa tay chân đập và 600 quyển tập (trị giá 24.000.000 đồng) cho các học sinh tại trường tiểu học Tân Trụ Phường 15 Quận Tân Bình, thuộc địa bàn do Công ty quản lý mạng lưới cấp nước; ủng hộ chương trình giải cứu nông sản tỉnh Sóc Trăng với số tiền 6.480.000 đồng; ủng hộ quỹ chung một tấm lòng của Đài truyền hình TP.Hồ Chí Minh với số tiền 12.440.000 đồng; tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo, vận động được 50 Đoàn viên Công đoàn tại đơn vị đăng ký tham gia.

– Chăm lo đời sống cho người lao động: Công đoàn phối hợp với chính quyền tổ chức chăm lo Tết cho toàn thể người lao động nhân dịp Tết 2021; thực hiện nâng và chuyển xếp lương năm 2021 theo niên hạn cho người lao động; duy trì tặng quà sinh nhật cho Đoàn viên Công đoàn 200.000 đồng/người, tặng quà kết hôn theo chế độ 500.000 đồng/người/lần; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định. Duy trì gói bảo hiểm sức khỏe cho toàn thể CB-CNV bên cạnh Bảo hiểm Y tế theo quy định. Tổ chức thăm hỏi và hỗ trợ các trường hợp Đoàn viên Công đoàn và tư thân phụ mẫu bị ảnh hưởng dịch Covid-19, hỗ trợ cho 241 trường hợp CB-CNV với số tiền 125.600.000 đồng, vượt qua giai đoạn khó khăn.

– Công ty cũng đã tổ chức hội nghị tuyên dương 05 tập thể và 41 cá nhân thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 19/5/2016 – 19/5/2021 và tuyên dương 05 tập thể và 25 cá nhân có thành tích thực hiện tốt phong trào “Dân vận khéo” nhân kỷ niệm 91 năm ngày truyền thống công tác dân vận của Đảng.

– Công đoàn phối hợp với chính quyền tổ chức hội nghị người lao động, xây dựng thỏa ước lao động tập thể; có quy chế trả lương, trả thưởng phù hợp, đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ, tổ chức đối thoại tại đơn vị mỗi quý; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, kịp thời giải quyết dứt điểm các trường hợp khiếu nại, thắc mắc của khách hàng.

❖ Đoàn Thanh niên:

– Thực hiện công trình: “Công trình thanh niên: **“Vệ sinh hầm ĐHT, dán cách nhiệt, sơn tủ tín hiệu hầm đồng hồ tổng DMA”** nhằm vệ sinh van giảm áp để bảo dưỡng thiết bị và vệ sinh, tân trang tủ tín hiệu đồng hồ tổng: vệ sinh tủ, sơn cách nhiệt lại tủ tín hiệu. đồng thời ứng dụng biện pháp chống nóng cho tủ tín hiệu đồng hồ tổng: thực hiện sơn cách nhiệt chống nóng tủ tín hiệu, dán tấm chống nóng bên trong tủ.

– Thực hiện công tác **“Duy trì tỷ lệ người dân được cấp nước sạch là 100%”**: liên hệ với các Phường cung cấp, thu thập các thông tin về mạng lưới, từ đó đề xuất cho Chính quyền có biện pháp, kế hoạch vận động khách hàng gắn mới đồng hồ nước trên

địa bàn quận Tân Bình, Tân Phú. Trong đợt Kỳ Nghi Hồng năm 2021, đã tiếp cận được 578 địa chỉ khách hàng chưa gắn đồng hồ nước; vận động 181 khách hàng đủ điều kiện gắn đồng hồ nước.

– Đoàn cơ sở duy trì “**Đội hình thanh niên tình nguyện tham gia thực hiện công tác giảm tỷ lệ ĐHN có chỉ số tiêu thụ từ 0 m³ đến 4 m³ tại đơn vị**” với số lượng Đoàn viên tham gia 25 bạn nhằm tuyên truyền việc nâng cao ý thức sử dụng nước sạch, hạn chế sử dụng nước giếng khoan không đủ tiêu chuẩn sử dụng bằng nhiều biện pháp như: treo băng rôn, phát tờ rơi, phiếu bướm, vận động người dân trên địa bàn Phường Tân Quý. Trong năm 2021 Đoàn cơ sở đã có tổ chức 01 lượt ra quân tuyên truyền; phát hơn 250 tờ rơi, phiếu bướm đồng thời xây dựng chương trình “Cấp định mức nước cho người lao động tại các khu nhà trọ, ký túc xá trên địa bàn” qua đó đã thực hiện cấp định mức tại địa chỉ 30 Lý Thánh Tông, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú với 372 m³ có hiệu lực từ kỳ 12-2021.

III. NHẬN XÉT- ĐÁNH GIÁ:

1. Kết quả đạt được:

Trong năm 2021, mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đã nỗ lực đạt được kết quả như sau: Công tác thay đồng hồ nước cỡ nhỏ thực hiện được 34.447 cái, đạt 100,25% kế hoạch. Thay đồng hồ nước cỡ lớn thực hiện được 39 cái, đạt 114,71% kế hoạch được giao.

2. Thuận lợi:

– Được sự chỉ đạo kịp thời của Ban Tổng Giám đốc, sự hỗ trợ của Phòng Ban Tổng Công ty đồng thời được sự chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ, Ban Giám đốc Công ty, toàn thể CB-CNV đều quán triệt chủ trương của Tổng Công ty và Công ty nên rất tích cực trong việc hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

– Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc cấp phép đào đường, cùng phối hợp với các dự án làm đường tại địa phương cũng như công tác giám sát chất lượng công trình, công tác tái lập mặt đường; cùng vận động gắn đồng hồ nước nhằm giải quyết và duy trì 100% hộ dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trên địa bàn Công ty quản lý.

3. Khó khăn:

– Do tình hình dịch covid-19 diễn biến phức tạp và việc thực hiện giãn cách xã hội kéo dài nhiều tháng làm hoạt động kinh doanh của các khách hàng như nhà hàng, khách sạn, các cơ sở sản xuất... bị trì trệ; các đơn vị có sản lượng tiêu thụ lớn (Sân bay Tân Sơn Nhất, các khu công nghiệp,...) bị sụt giảm sản lượng tiêu thụ nước. Điều này làm sản lượng tiêu thụ nước giảm đáng kể do đó kéo theo doanh thu cũng bị ảnh hưởng giảm tương ứng với sản lượng nước tiêu thụ.

– Nhiều tuyến ống bị chôn sâu do nâng cấp đường, bị xâm hại của các công trình ngầm khác (điện lực, điện thoại, cống thoát nước ...), chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa

công tác cơ sở lắp, sửa bể với công tác duy tu, nâng cấp hạ tầng giao thông, chỉnh trang đô thị làm ảnh hưởng đến kế hoạch giảm tỷ lệ thất thoát nước. Mặt khác một số DMA chưa gắn bổ sung thêm van để chia bước dẫn đến việc khoanh vùng rò rỉ ở một số DMA không thực hiện được.

- Số lượng hóa đơn từ 0 m³ - 4 m³ trên địa bàn của đơn vị còn cao.
- Một bộ phận khách hàng còn sử dụng hai nguồn nước (nước máy + nước giếng) làm ảnh hưởng đến sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Công tác đầu tư xây dựng, thi công các công trình bị gián đoạn kéo dài do các đơn vị quản lý và địa phương thực hiện giãn cách xã hội phòng chống dịch Covid-19 và các công tác phê duyệt hồ sơ dự án cũng bị ảnh hưởng làm tiến độ các dự án bị chậm trễ so với kế hoạch đề ra.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

- Trong năm 2021, nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty nên đã huy động được sức mạnh của tập thể vào việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nhờ sự hỗ trợ nhiệt tình của địa phương, của đơn vị bạn, của các Phòng Ban Tổng Công ty đã tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành nhiệm vụ được tốt hơn.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo kết quả công việc và làm cơ sở cho việc phát triển bền vững của Công ty.
- Xây dựng đào tạo nguồn nhân lực kế thừa và đủ kinh nghiệm quản lý Công ty.
- Xây dựng kế hoạch và phương án thực hiện khi có yếu tố rủi ro (dịch covid-19) xảy ra theo các kịch bản cụ thể.

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022.

1. Mục tiêu:

- Bảo đảm chất lượng nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà nước, cấp nước an toàn liên tục.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng xem đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục tạo ra hiệu ứng tích cực góp phần vào định hướng chung của Tổng Công ty là hướng về cộng đồng để phục vụ tốt hơn.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phấn đấu đạt chỉ tiêu sản lượng, doanh thu theo kế hoạch Tổng Công ty giao, đảm bảo tỷ lệ thực thu tiền nước trên 99%, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách.
- Quản lý và vận hành hệ thống cấp nước an toàn.

– Phối hợp thực hiện đồng bộ và tích cực chương trình giảm nước thất thoát thất thu, thực hiện mục tiêu của Tổng Công ty là giảm nước thất thoát thất thu trên toàn mạng lưới. Phân đấu đạt tỷ lệ thất thất nước do Tổng Công ty giao.

2. Nhiệm vụ chủ yếu:

– Triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt tới tất cả các bộ phận của Công ty và địa phương trên địa bàn quản lý.

– Tiếp tục thực hiện nghị quyết của Thành phố đảm bảo chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch.

– Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Tổng Công ty giao. Hạn chế tối đa việc không tiếp cận đồng hồ nước, không để khách hàng khiếu nại về biên đọc chỉ số.

– Bảo đảm tính đúng, tính đủ để nâng cao giá bán bình quân tăng doanh thu.

– Đẩy nhanh công tác đầu tư xây dựng và giải ngân kịp thời theo kế hoạch vốn được giao. Đặc biệt là các dự án cải tạo, sửa chữa ống mục nhằm hạn chế thất thoát nước rò rỉ ngầm qua đường ống lâu năm cũ mục.

– Từng bước giảm thiểu tỷ lệ nước thất thoát thất thu trên mạng lưới đảm bảo theo kế hoạch Tổng Công ty giao hàng năm và hướng đến tỷ lệ thất thoát nước kinh tế, bền vững trên địa bàn Công ty quản lý.

– Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các yêu cầu, kiến nghị, nguyện vọng của người dân trong thời gian nhanh nhất; nâng cao năng lực công tác của CB-CNV, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ GIS vào quản lý mạng lưới cấp nước, quản lý khách hàng và vật tư tài sản. ..

3. Các chỉ tiêu chủ yếu: (phụ lục đính kèm).

4. Giải pháp thực hiện:

– Tiếp tục vận hành giảm thất thoát nước trên 92 DMA đã tiếp nhận bàn giao đặc biệt là các 58 DMA vừa được sửa chữa trong năm 2021. Vận hành hiệu quả các DMA để phát hiện, khoanh vùng khu vực DMA có tỷ lệ thất thoát cao để có phương án giảm thiểu tỷ lệ thất thoát nước tập trung và hiệu quả. Đồng thời tiếp cận các điểm bể bằng nhiều kênh thông tin và khắc phục các điểm bể với thời gian nhanh nhất.

– Tiếp tục tuyên truyền vận động khách hàng sử dụng nước máy, hạn chế sử dụng nước giếng khoan. Đồng thời kết hợp với địa phương trên địa bàn Công ty quản lý khảo sát, đánh giá nguyên nhân và đưa ra giải pháp giảm thiểu việc sử dụng nước giếng khoan đối với khu vực còn sử dụng nước giếng đồng thời từng bước giảm số lượng hóa đơn tiêu thụ thấp từ 0 đến 4 m³.

– Tiếp tục cập nhật và hoàn thiện dữ liệu khách hàng để từng bước nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

– Phối hợp tốt với địa phương trong công tác kết hợp mở rộng, nâng cấp đường để phối hợp đồng bộ nhằm tiết kiệm chi phí trong đầu tư xây dựng.

- Tiếp tục hoàn chỉnh bộ máy tổ chức; hợp lý hóa từng bộ phận; xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy trình làm việc tại Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra các địa chỉ có chỉ số tiêu thụ bất thường, kiểm tra và rà soát các đồng hồ nước cỡ lớn có tiêu thụ thấp để hạ cỡ phù hợp nhằm bảo đảm lưu lượng qua đồng hồ chính xác, phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng tiêu cực, gian lận trong quá trình sử dụng nước của khách hàng.
- Tập trung triển khai các dự án phát triển, tăng áp, hoàn thiện mạng lưới để tăng số lượng khách hàng và sản lượng nước tiêu thụ đồng thời đẩy nhanh việc cải tạo nâng cấp đường ống cấp nước, đầu tư thay mới, sửa chữa ống mục để thực hiện giảm thất thoát nước trên địa bàn quản lý.
- Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, bàn giao và thanh quyết toán các dự án đã hoàn thành trong năm.
- Phát động thi đua phát huy sáng kiến, hiến kế, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất cũng như trong sinh hoạt.
- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin một cách đồng bộ và thống nhất trong các Phòng, Đội nhằm nâng cao hiệu suất và chất lượng giải quyết công việc.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Lưu (VT, HDQT).



Nguyễn Mười



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

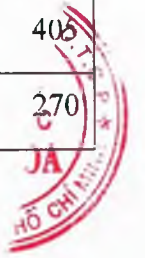
- NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**PHỤ LỤC****KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2021
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2022**

(Kèm báo cáo số: 1762 /BC-TH-KHĐT ngày 01 tháng 4 năm 2022)

Stt	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2021			KẾ HOẠCH NĂM 2022
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ (%)	
	A. SẢN XUẤT – KINH DOANH	B	1	2	3=2/1	4
1	Nước cung cấp	1.000m ³	51.100	49.698	97,26	51.500
2	Doanh thu tiền nước	Tr.đồng	559.184	519.206	92,85	585.038
3	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	10.943	10.447	95,47	11.360
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	1.000	736	73,60	600
5	Gắn mới đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	3	2	66,67	0
6	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	34.361	34.447	100,25	30.654
7	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	34	39	114,71	44
8	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100	100
9	Tỷ lệ thất thoát nước	%	18,00	18,63	96,62	17,20
	B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG					
1	<i>Phát triển mạng lưới cấp nước</i>					
	– Khối lượng	m	70	70	100,00	3.631
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	125	125	100,00	9.694
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	2.064	753	36,48	6.884
2	<i>Tăng áp và cải thiện mạng lưới</i>					
	– Khối lượng	Mét	1.188	0	0	4.530
	– Giá trị khối lượng	Tr.đồng	3.133	0	0	10.869
	– Giá trị giải ngân	Tr.đồng	3.319	221	6,66	7.584
3	<i>Đầu tư thay mới, sửa chữa ống mục</i>					
	– Khối lượng	Mét	2.739	2.739	100,00	1.281

Stt	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2021			KẾ HOẠCH NĂM 2022
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	Tỷ lệ (%)	
	- Giá trị khối lượng	Tr.đồng	9.871	9.538	96,63	5.249
	- Giá trị giải ngân	Tr.đồng	10.288	9.710	94,38	6.245
4	<i>Di dời, xử lý giao cắt hệ thống cấp nước hiện hữu</i>					
	- Khối lượng	Mét	72	0	0	72
	- Giá trị khối lượng	Tr.đồng	586	0	0	812
	- Giá trị giải ngân	Tr.đồng	81	97	119,75	518
5	<i>Dự án khác</i>					
	- Khối lượng	Mét	0	0	0	0
	- Giá trị khối lượng	Tr.đồng	87	0	0	405
	- Giá trị giải ngân	Tr.đồng	87	82	94,25	270



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2021 (sau kiểm toán)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	TÀI SẢN	Năm 2021	Năm 2020
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	110.029.165.935	105.412.125.266
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	26.464.733.730	9.341.887.946
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11.000.000.000	14.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	60.180.796.194	69.411.064.213
4	Hàng tồn kho	12.367.112.788	12.641.208.713
5	Tài sản ngắn hạn khác	16.523.223	17.964.394
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	10.233.038.744	12.772.335.019
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	8.936.440.688	11.748.762.082
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>7.342.160.245</i>	<i>9.214.589.553</i>
	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>1.594.280.443</i>	<i>2.534.172.529</i>
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Tài sản dở dang dài hạn	0	0
5	Đầu tư tài chính dài hạn	0	0
6	Tài sản dài hạn khác	1.296.598.056	1.023.572.937
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	120.262.204.679	118.184.460.285
	NGUỒN VỐN	Năm 2021	Năm 2020
C	NỢ PHẢI TRẢ	62.741.304.853	61.079.880.991
1	Nợ ngắn hạn	62.741.304.853	61.079.880.991
2	Nợ dài hạn	0	0
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	57.520.899.826	57.104.579.294
I	Vốn chủ sở hữu	57.520.899.826	57.104.579.294
1	Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	93.553.000	93.553.000
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		
4	Vốn khác của chủ sở hữu		
5	Cổ phiếu quỹ (*)	(27.200.000)	(27.200.000)
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
8	Quỹ đầu tư phát triển	1.146.479.898	890.103.360
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.308.066.928	6.148.122.934
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		
	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	6.308.066.928	6.148.122.934
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB		
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	120.262.204.679	118.184.460.285

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHI TIÊU	Năm 2021	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.288.129.484	153.587.881.696
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.288.129.484	153.587.881.696
4	Giá vốn hàng bán	127.417.207.992	125.702.897.544
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.870.921.492	27.884.984.152
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.183.624.321	1.334.550.699
7	Chi phí tài chính		
8	Chi phí bán hàng		

STT	CHI TIÊU	Năm 2021	Năm 2020
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.232.281.482	22.500.605.602
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.822.264.331	6.718.929.249
11	Thu nhập khác	537.102.455	1.035.618.121
12	Chi phí khác	290.751.398	463.493.338
13	Lợi nhuận khác	246.351.057	572.124.783
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.068.615.388	7.291.054.032
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.760.548.460	1.142.931.098
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.308.066.928	6.148.122.934

MỘT SỐ CHI TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHI TIÊU	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020
1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	91,49	89,19
	Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	8,51	10,81
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	52,17	51,68
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	47,83	48,32
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng TS / Tổng nợ phải trả)	lần	1,92	1,93
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSNH / NN-I)	lần	1,75	1,73
	Khả năng thanh toán nhanh (Tiền và tương đương tiền / Nợ NH)	lần	0,42	0,15
4	Tỷ suất sinh lời			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5,33	4,75
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,17	4,00
5	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	6,77	6,89
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	5,29	5,81
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,35	11,21

Người lập biểu



Hoàng Thị Xuân Trang

Kế Toán Trưởng

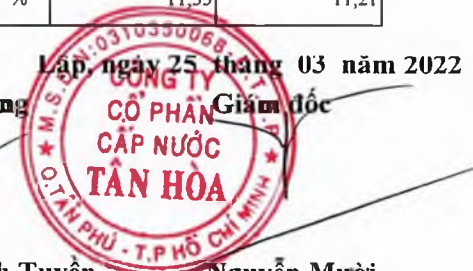


Nguyễn Thị Thanh Tuyên

Giám đốc



Nguyễn Mươi





WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

"NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 034 /TTr-TH-HĐQT

TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về một số nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ Phần cấp Nước Tân Hòa kính trình và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về một số nội dung như sau:

I. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2022:

Thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

ST T	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2022	GHI CHÚ
A	SẢN XUẤT- KINH DOANH			
1	Nước tiêu thụ	1.000 m ³	51.500	
2	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	585.038	
3	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	11.360	
4	Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	600	
5	Gắn mới đồng hồ nước cỡ lớn	cái	0	
6	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	30.654	
7	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	44	
8	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	
9	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	17,20	
B	TÀI CHÍNH			
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	152.939	
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.910	
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.968	
4	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6,0	



➤ Đầu năm 2022, Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh để trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến sản lượng, doanh thu, giá bán bình quân, ... và các chỉ tiêu tài chính của đơn vị. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua một số chỉ tiêu cơ bản trên, đồng thời, ủy quyền Hội đồng quản trị điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2022 (nếu có) tùy thuộc tình hình thực tế của đơn vị.

II. Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty đạt được như sau:

- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	:	8.068.615.388	đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	1.760.548.460	đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	:	6.308.066.928	đồng
- Tổng lợi nhuận phân phối và chia cổ tức	:	6.308.066.928	đồng

Căn cứ quy định của Điều lệ công ty và tình hình kinh doanh thực tế của Công ty cũng như kế hoạch năm 2021, Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định phân chia phần lợi nhuận đạt được của năm 2021 như sau:

1 Chia cổ tức 5,9% /mệnh giá cổ phiếu (46,75 %)	:	2.948.820.000	đồng
2 Quỹ đầu tư phát triển (4,17 %)	:	263.046.392	đồng
3 Quỹ thưởng Ban điều hành và HĐQT (6,16%)	:	388.800.000	đồng
4 Quỹ khen thưởng (21,46 %)	:	1.353.700.268	đồng
5 Quỹ phúc lợi (21,46 %)	:	1.353.700.268	đồng

➤ Giao HĐQT, Ban Điều hành thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định.

III. Chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

Theo đề nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 là **Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt** vì :

- Là đơn vị có mức phí kiểm toán thấp nhất với mức phí kiểm toán là 65.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%) sẽ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 (Gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ thời điểm 30/6 và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12).

- Là đơn vị có đội ngũ Kiểm toán viên và Chuyên viên giàu kinh nghiệm đang làm việc tại các Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh.

➤ Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao cho Giám đốc công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn, để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

IV. Báo cáo thực hiện chi ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch ngân sách hoạt động Ban kiểm soát năm 2022:

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội cổ đông thông qua *Báo cáo việc chi ngân sách Ban kiểm soát năm 2021: 73.126.919 đồng* và *Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022* bao gồm chi phí xăng xe, đồng phục, card điện thoại, chi phí học tập khác... với tổng số tiền là *72.830.300 đồng/năm*. Giao cho Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty cân đối chi các khoản không được vượt mức Đại hội đồng cổ đông thông qua.

V. Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2021, kế hoạch thù lao năm 2022; Báo cáo tiền lương người quản lý năm 2021, Kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2022:

1. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HDQT và BKS trong năm 2021:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đồng / tháng)	Thời gian hưởng (tháng)
I - Hội đồng quản trị :				
1	Phạm Khương Thảo	Giám đốc Thành viên HDQT	5.500.000	01/2021 – 12/2021
2	Nguyễn Thanh Sử	Thành viên HDQT	5.500.000	01/2021 – 12/2021
3	Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên HDQT	5.500.000	01/2021 – 12/2021
4	Lê Minh Châu	Thành viên HDQT	5.500.000	01/2021 – 12/2021
Tổng cộng thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị trong năm 2021 : 264.000.000 đồng				
Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đồng / tháng)	Thời gian hưởng (tháng)
II - Ban kiểm soát :				
1	Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	4.000.000	01/2021 – 12/2021
2	Trần Thị Châu Giang	Thành viên BKS	4.000.000	01/2021 – 12/2021
Tổng cộng thù lao chi trả cho Ban kiểm soát trong năm 2021 : 96.000.000 đồng				

2. Kế hoạch chi trả thù lao đối với HDQT, BKS Công ty trong năm 2022: 360.000.000 đồng

- Thành viên HDQT : 5.500.000 đồng/người/tháng.
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng.

3. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 đối với Chủ tịch HDQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty : 3.110.400.000 đồng.

Trong đó :

- Mức lương Chủ tịch HDQT : 51.936.000 đồng / tháng.

- Mức lương Giám đốc : 51.936.000 đồng / tháng.
- Mức lương Phó Giám đốc, Trưởng BKS : 39.877.000 đồng / tháng.
- Mức lương Kế toán trưởng : 35.696.000 đồng/ tháng.

4. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 đối với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng BKS chuyên trách Công ty : 2.592.000.000 đồng.

VI. Thông qua việc ký các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

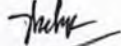
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng sau với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV:

1. Đối với các hợp đồng có giá trị từ giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất: Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận ủy quyền cho Giám đốc Công ty được thương thảo và ký kết các hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV; các hợp đồng này phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

Trường hợp khi có thay đổi về các điều khoản làm ảnh hưởng đến giá trị các hợp đồng (nếu có), Giám đốc có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xem xét, phê chuẩn trước khi ký hợp đồng/ bản thỏa thuận/ phụ lục hợp đồng.

2. Đối với các hợp đồng sang nhượng vật tư ngành nước, hợp đồng gắn mới - thay đồng hồ nước, hợp đồng giảm thất thoát nước, : ủy quyền cho Giám đốc Công ty được ký kết hợp đồng và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nội dung này trong các cuộc họp HĐQT định kỳ hằng quý. Lưu ý, đối với các hạng mục nằm ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông giao phải có báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.

3. Thời hạn ủy quyền: cho đến kỳ tổ chức Đại hội cổ đông thường niên tiếp theo.

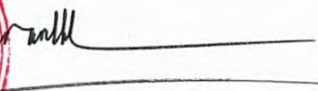
Trân trọng kính trình. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.VT.HĐQT (P).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Trần Thị Ngọc Luyến

Số: **037/TT-TH-HĐQT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị;
Ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021); Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021); Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 15/02/2021) và một số văn bản khác liên quan;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 004/QĐ-TH-HĐQT ngày 25 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 005/QĐ-TH-HĐQT ngày 25 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành của Công ty,

Vừa qua, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản mới có hiệu lực từ năm 2021 liên quan đến việc quản trị và điều hành của mô hình Công ty Cổ phần. Trong đó, một số văn bản tác động trực tiếp đến các hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Trên cơ sở tuân thủ, phù hợp và đáp ứng với các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát các quy định mới của pháp luật so với Điều lệ và các quy chế hiện hành tại Công ty. Qua đó, Hội đồng quản trị Công ty đã thuê đơn vị tư vấn (Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á) dự thảo, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cũng như xây mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Các nội dung dự thảo đã được Hội đồng quản trị xem xét và lấy ý kiến thống nhất.

Để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kính trình Đại hội đồng xem xét:

1. Thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ (sửa đổi, bổ sung lần 4) gồm 21 chương và 59 điều. Dự thảo Điều lệ sửa đổi và chi tiết nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung được thể hiện tại Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ đính kèm Tờ trình này. Điều lệ sửa

đôi có hiệu lực ngay sau thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Điều lệ Công ty đã ban hành ngày 25/05/2018.

2. Thông qua toàn văn dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị (sửa đổi, bổ sung lần 2) gồm 13 chương và 67 điều. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi và chi tiết nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung được thể hiện tại Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị đính kèm Tờ trình này. Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi có hiệu lực ngay sau thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Quy chế Quản trị Công ty đã ban hành ngày 25/05/2018.

3. Thông qua toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm 07 chương và 26 điều. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm Tờ trình này. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có hiệu lực ngay sau thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm ban hành và các vấn đề liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị cũng như việc ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kể cả việc bổ sung, làm rõ, tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp các quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu.

Đính kèm:

- Dự thảo Điều lệ và các quy chế.
- Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Ngọc Luyến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Tp. HCM, ngày ... tháng ... năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 10	
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ..	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	32
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 34. Người điều hành Công ty	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	33
Điều 36. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc.....	34
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	35
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	35
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	36
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	36
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	37
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	38
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	38
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	40
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	41
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	41
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	41
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	41
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	42

Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 49. Năm tài chính.....	43
Điều 50. Chế độ kế toán.....	43
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	43
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	43
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	43
Điều 53. Kiểm toán.....	43
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	44
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	44
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	44
Điều 55. Giải thể công ty.....	44
Điều 56. Thanh lý.....	44
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 58. Điều lệ công ty.....	45
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	45
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm ...

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Công ty mẹ* là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là Tổng Công ty) do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con. Có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 85/QĐ/QĐ-UBND ngày 24 tháng 05 năm 2005 và chuyển đổi theo Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 08 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; là doanh nghiệp có vốn góp trên 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa
- h) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng;
- i) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;
- k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể:

Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp,

gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- m) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
- n) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;
- o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- q) *Đại hội trực tuyến* là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;
- r) *Đại hội truyền thống* là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại điểm q khoản này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định 14h hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **TAN HOA WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên Công ty viết tắt: **TAN HOA WATER SUPPLY JSC**
 - Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (028) 3955 5840 – (028) 3855 8563
 - Fax: (028) 3955 7977
 - E-mail: capnuoctanhua@capnuoctanhua.com.vn
 - Website: www.capnuoctanhua.com.vn
4. Địa điểm kinh doanh của Công ty:
- Tên địa điểm kinh doanh: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**
 - Địa chỉ: 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ngoài ra, Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp khuyết chức danh Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị làm người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi có Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:
 - a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty.
 - b) Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - c) Ký kết các hợp đồng, văn bản, báo cáo, chứng từ của Công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật.
 - d) Thuê mướn, tuyển dụng, điều động, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động.
 - đ) Ký thỏa ước lao động tập thể, ban hành các quy chế khác theo thẩm quyền.
 - e) Ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của

Công ty, nhưng người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền này. Đồng thời, những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.

- g) Quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật.
- h) Các quyền khác theo quy định pháp luật, quy định nội bộ Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- a) Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất.
- b) Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước.
- c) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác
- d) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Lập dự án các công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Khảo sát địa hình công trình xây dựng. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình Cấp thoát nước theo tuyến. Tư vấn xây dựng. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn cho dự án liên quan kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Tư vấn đầu thầu.
- đ) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn các loại vật liệu khác trong xây dựng.
- e) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước.
- g) Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt, hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và các công trình xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- h) Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- i) Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe ô tô, xe tải.
- k) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy dầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc;
- b) Từng bước mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 (năm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng/cổ phần).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty không có cổ đông sáng lập.
Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
8. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 25%.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở

hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - e) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán

số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

Trường hợp thực hiện biểu quyết theo hình thức này, cổ đông công nhận các kết quả đăng ký dự họp, kết quả bỏ phiếu đã thực hiện và có trách nhiệm tuân thủ các nghĩa vụ liên quan đến việc dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan (nếu có).
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, quy chế bầu cử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập Đại hội.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với vốn đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

đ) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản

trị nội bộ và văn bản khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội

đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự

hợp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày liền trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở

giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại

khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết và/hoặc thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức truyền thống và trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và các phương thức quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nội dung và hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết

thức cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại quy chế quản trị nội bộ, quy chế bầu cử;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên

đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến 80% (tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% (tám mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau đây:

- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện vốn góp của pháp nhân khi có văn bản thay đổi người đại diện vốn góp (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Hội đồng quản trị mặc nhiên được miễn nhiệm và chính thức được bãi nhiệm tại đại hội cổ đông gần ngay sau đó.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và

Điều lệ này;

- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp này theo quy định;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Hội đồng quản trị quyết định các nội dung sau:
 - Ban hành hoặc giao Giám đốc ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp quy định của pháp luật hiện hành;
 - Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Quyết định sau khi có ý kiến của Công ty mẹ các nội dung về người lao động: Định mức lao động, kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện hàng năm của người lao động; hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương

mới. Báo cáo Công ty mẹ sau khi ban hành và thực hiện;

- Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, mức lương và lợi ích khác đối với Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.
 - t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số

phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp tình hình Công ty nhưng nên có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Tùy vào thực tế nhân sự của công ty, các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
4. Người phụ trách quản trị công ty được hưởng thù lao nếu kiêm nhiệm. Mức thù lao do Hội đồng quản trị xem xét quyết định và được tính vào chi phí của Công ty.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty gồm có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và Bộ máy giúp việc. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Báo cáo với Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư;
 - j) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm.
 - k) Tổ chức công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, 6 (sáu) tháng, hàng năm, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo chung tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ của Công ty.
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được

phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản.

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Tổng Công ty. Tổng Công ty có thể giới thiệu bổ nhiệm Phó Giám đốc trong trường hợp luân chuyển cán bộ theo quy định về tổ chức, cán bộ. Phó Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn tối đa không quá 05 (năm) năm và có thể bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật liên quan.

Số lượng Phó Giám đốc không quá 02 (hai) người. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp cần nhiều hơn 02 (hai) Phó Giám đốc, Hội đồng quản trị đề nghị Tổng Công ty xem xét, chấp thuận.

2. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc. Kế toán trưởng có tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về Tài chính, Kế toán và pháp luật có liên quan. Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Kế toán trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công của Công ty phù hợp với pháp luật về tài chính, kế toán và quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Bộ máy giúp việc gồm các Phòng – Đội, bộ phận chuyên môn – nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty đối với các doanh nghiệp khác.

Cơ cấu tổ chức của Bộ máy giúp việc Công ty do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

4. Chế độ lương, các khoản phụ cấp, tiền thưởng của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Bộ máy giúp việc thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này và quy định sau đây:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Thành viên Ban kiểm soát là người do pháp nhân cử khi có văn bản thôi cử (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm tại đại hội đồng cổ đông gần ngay sau đó.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
2. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.
7. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật, phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
12. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và

kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
14. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
15. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
16. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
17. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
18. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
19. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm)

hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của

mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cụ thể:
 - a. Lợi nhuận của Công ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính và bù lỗ năm trước theo quy định pháp luật, sẽ được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông do Hội đồng quản trị lập và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định từng năm.
 - b. Thứ tự phân phối lợi nhuận cụ thể như sau:
 - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
 - Lợi nhuận sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp được tiếp tục phân phối:^(*)
 - Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);
 - Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;

** Theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 (các nội dung có liên quan đến Nghị định 140/2020/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).*

- Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp. Tỷ lệ trích lập quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
 - Trích Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý Công ty^(**). Tỷ lệ trích lập quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - Quỹ công tác xã hội cộng đồng, quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan và quỹ khác do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
 3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
 4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
 5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
 6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

*** Thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 (các nội dung có liên quan đến khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).*

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký

kết;

- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở

chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>Phần mở đầu</p>	<p><u>Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được lập dựa trên các quy định sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;</u> - <u>Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> - <u>Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</u> - <u>Các quy định pháp luật hiện hành.</u> <p><u>Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Tân Hòa quyết định sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số: 017/NQ-TH-ĐHCĐCĐ ngày 20/04/2018;</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p> <p><u>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm ...</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“TT 116/2020/TT-BTC”) và khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 1. Giải thích từ ngữ	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. <u>Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều 5 Điều lệ công ty;</u></p>	<p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán <u>và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 112 Luật doanh nghiệp số số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (“LDN 2020”); sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>b. <u>Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp Điểm b khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội thông qua vào ngày 26/11/2014;</p>	<p>c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp thông tin LDN 2020.</i></p>
	<p>c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p>	<p>d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số <u>54/2019/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp ngày ban hành Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“LCK 2019”).</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>đ) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p><i>Chuyển lên từ điểm k phù</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>hợp điểm đ Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;	e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	<i>Bổ sung phù hợp điểm e Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	e. " <u>Người quản lý Công ty</u> " là <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty</u> ;	Chuyển xuống quy định tại điểm h.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	g) Công ty mẹ là <u>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là Tổng Công ty) do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con. Có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 85/QĐ/QĐ-UBND ngày 24 tháng 05 năm 2005 và chuyển đổi theo Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18 tháng 08 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; là doanh nghiệp có vốn góp trên 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.</u>	<i>Điều lệ Khung không quy định nội dung này, tuy nhiên Công ty bổ sung để làm rõ thuật ngữ nêu trong Điều lệ.</i>
	f. " <u>Người điều hành Công ty</u> " là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty;	h) Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 1 Điều lệ mẫu</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	i) <u>Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;</u>	<i>Chuyển xuống từ điểm e và sửa đổi phù hợp điểm h khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <u>Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</u>	k. <u>Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể:</u> <u>Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây</u> <ul style="list-style-type: none">- <u>Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;</u>- <u>Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;</u>- <u>Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc</u>	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LCK 2019 và khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;</u> - <u>Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;</u> - <u>Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;</u> - <u>Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u> 	
	Chưa có.	l. <u>Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điểm k khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	m. <u>“Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điểm l khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>h. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;</u>	<u>n. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;</u>	<i>Sửa đổi phù hợp hướng dẫn tại khung Điều lệ CTCP</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>của Tổng công ty và khoản 18 Điều 4 LCK 2019.</i>
	i. <u>“Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty.</i>
	j. <u>“Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</u>	o. <u>“Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;</u>	<i>Sửa đổi phù hợp thực tế doanh nghiệp (có thời hạn hoạt động là vô thời hạn nên không cần gia hạn).</i>
	k. <u>“Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</u>	Hủy bỏ.	<i>Đã chuyển lên quy định tại điểm đ.</i>
	Chưa có.	p. <u>“Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm o khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	q. <u>“Đại hội trực tuyến” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo</u>	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<u>dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.</u>	
	Chưa có.	r. “Đại hội truyền thống” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại điểm q khoản này.	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
	2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.	2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, <u>bổ sung</u> hoặc văn bản thay thế.	<i>Khoản 2 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
CHƯƠNG II	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, <u>ĐIA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</u>	<i>Bổ sung phù hợp Mục II Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 2.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, <u>địa điểm kinh doanh</u> và thời hạn hoạt động của Công ty	<i>Bổ sung tiêu đề phù hợp Điều 2 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Tên Công ty a. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA b. Tên tiếng Anh: TAN HOA WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY c. <u>Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA</u>	1. Tên Công ty - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN HOA WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY - Tên Công ty viết tắt: TAN HOA WATER SUPPLY JSC	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 2 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>d. <u>Tên viết tắt: TAN HOA WATER SUPPLY JSC</u></p>	<p>- <u>Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA</u></p>	
	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>a. Địa chỉ: <u>Số 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh</u></p> <p>b. Điện thoại: <u>(08) 3955 5840 – (08) 3855 8563</u></p> <p>c. Fax: <u>(08) 3955 7977</u></p> <p>d. <u>Website:</u> <u>www.capnuoctanhua.com.vn</u></p> <p>e. <u>Email:</u> <u>capnuoctanhua@capnuoctanhua.com.vn</u></p>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: <u>Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh</u></p> <p>- Điện thoại: <u>(028) 3955 5840 – (028) 3855 8563</u></p> <p>- Fax: <u>(028) 3955 7977</u></p> <p>- <u>E-mail:</u> <u>capnuoctanhua@capnuoctanhua.com.vn</u></p> <p>- <u>Website:</u> <u>www.capnuoctanhua.com.vn</u></p>	<p><i>Sửa đổi thông tin phù hợp thực tế DN.</i></p>
	<p>4. <u>Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Chuyển xuống quy định tại Điều 3 dự thảo Điều lệ.</i></p>
	<p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p>	<p>4. <u>Địa điểm kinh doanh của Công ty:</u></p> <p>- <u>Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA</u></p> <p>- <u>Địa chỉ: 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</u></p> <p><u>Ngoài ra, Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</u></p>	<p><i>Bổ sung theo ý kiến DN, phù hợp với mô hình thực tế.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn <u>theo Khoản 2 Điều 51</u>, thời hạn hoạt động của Công ty <u>bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</u></p>	<p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn <u>quy định tại khoản 2 Điều 55</u>, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.</p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</u></p> <p>1. <u>Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trưởng hợp khuyết chức danh Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị làm người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi có Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Công ty.</u></p> <p>2. <u>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:</u></p> <p>a) <u>Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty.</u></p> <p>b) <u>Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>c) <u>Ký kết các hợp đồng, văn bản, báo cáo, chứng từ của Công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật.</u></p> <p>d) <u>Thuê mướn, tuyển dụng, điều động, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 12 LDN 2020; Điều 3 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC. Đồng thời, để đảm bảo không gián đoạn hoạt động doanh nghiệp, Công ty lựa chọn bổ sung trường hợp khuyết chức danh Giám đốc thì Chủ tịch HĐQT làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Nội dung này phù hợp tình hình thực tế và không trái quy định pháp luật.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>đ) <u>Ký thỏa ước lao động tập thể, ban hành các quy chế khác theo thẩm quyền.</u></p> <p>e) <u>Ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty, nhưng người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền này. Đồng thời, những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.</u></p> <p>g) <u>Quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật.</u></p> <p>h) <u>Các quyền khác theo quy định pháp luật, quy định nội bộ Công ty.</u></p>	
<p>Điều 3.</p>	<p><u>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</u></p> <p>1. <u>Lĩnh vực</u> kinh doanh của Công ty là:</p> <p>g. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt, hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và các công trình xây dựng khác.</p> <p>h. Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống.</p>	<p><u>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</u></p> <p>1. <u>Ngành, nghề</u> kinh doanh của Công ty:</p> <p>g) <u>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt, hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và các công trình xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi ma điện tại trụ sở).</u></p> <p>h) <u>Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 2 Điều 24 LDN 2020 và cập nhật ngành nghề theo ghi nhận trên website của Sở kế hoạch đầu tư.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: ...	<p><u>công cơ khí, tái chế phế thải, xi ma điện tại trụ sở).</u></p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: ...</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 4 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 4.	<p><u>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</u></p> <p>1. Công ty được phép <u>lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</u></p> <p>2. Công ty kinh doanh những ngành nghề được Đại hội đồng cổ đông thông qua mà pháp luật không cấm.</p>	<p><u>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</u></p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã <u>đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</u> Trường hợp Công ty kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan</p>	Điều 5 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 5.	<p><u>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</u></p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của</p>	<p><u>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</u></p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (<u>bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng</u>).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 (<u>năm triệu</u>) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (<u>mười ngàn đồng/cổ phần</u>).</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Các quyền và</p>	<p>Bổ sung phù hợp Điều 6 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và ý kiến DN.</p> <p>Sửa đổi phù hợp chủ thể của quyền và nghĩa vụ.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	cổ phần phổ thông được quy định tại Điều <u>11</u> Điều lệ này.	nghĩa vụ của cổ <u>đông</u> được quy định tại Điều <u>12</u> , <u>Điều 13</u> Điều lệ này.	
	<p>5. Công ty không có cổ đông sáng lập.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. <u>Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u></p>	<p>5. Công ty không có cổ đông sáng lập.</p> <p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, <u>số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 124 LDN 2020, Khoản 5 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</u></p>	<p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	<p><i>Theo quy định tại khoản 5 Điều 36 LCK 2019, khoản 2 Điều 134 LDN 2020, công ty đại chúng sau khi mua lại cổ phần theo các quy định này phải thực hiện giảm vốn điều lệ, không còn cổ phiếu quỹ như hiện nay.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>8.</u> Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác <u>khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</u>	<u>7.</u> Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác <u>theo quy định của pháp luật.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>9.</u> Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty tối đa là 25%	<u>8.</u> Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 25%.	<i>Theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán như sau: “Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>Điều lệ công ty”.</p> <p>Theo đó, nội dung này đã được thông qua tại Điều lệ hiện hành. Do đó, Công ty giữ nội dung này để hạn chế cổ đông nước ngoài có thể nắm giữ tỷ lệ vốn khác so với đã quy định, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông nhà nước (Sawaco).</p>
Điều 6.	<p>Điều 6. Cổ phiếu</p> <p>Chưa có.</p> <p><u>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p><u>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</u></p> <p><u>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC, khoản 1 Điều 121 LDN 2020.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính <u>của</u> cổ đông là tổ chức;</p> <p>e. <u>Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần</u>;</p> <p>f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật <u>và dấu của công ty (nếu có)</u>;</p> <p>g. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>h. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	<p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính <u>đối với</u> cổ đông là tổ chức;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật <u>của công ty</u>;</p> <p>e) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	
	<p><u>2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 7 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 7 Điều lệ mẫu TT</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>hoặc trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</u></p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại <u>hoặc bị hư hỏng</u> dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại <u>hoặc bị hư hỏng</u> dưới hình thức khác; <u>trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;</u></p> <p>b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p><u>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</u></p>	<p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị <u>hư hỏng hoặc bị hủy hoại</u> dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải <u>bao gồm</u> các nội dung sau đây:</p> <p>a) <u>Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại</u> dưới hình thức khác;</p> <p>b) <u>Cam kết chịu</u> trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 121 LDN 2020, Khoản 4 Điều 7 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>Điều 7.</p>	<p><u>Điều 7.</u> Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc <u>các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự)</u> được phát hành có <u>đấu và chữ ký mẫu</u> của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p><u>Điều 8.</u> Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của <u>người đại diện theo pháp luật và dấu</u> của Công ty.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 8 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 8.</p>	<p><u>Điều 8.</u> Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>2. Việc <u>chuyển nhượng</u> được thực hiện bằng hợp đồng theo <u>cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường</u></p>	<p><u>Điều 9.</u> Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. <u>Tất cả các</u> cổ phần được tự do chuyển nhượng <u>trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ <u>không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>Hủy bỏ 2 → 7.</p>	<p><i>Các khoản tại Điều này được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ phù hợp Điều 9 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</u></p> <p><u>3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.</u></p> <p><u>4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</u></p> <p><u>5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.</u></p> <p><u>6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</u></p> <p><u>7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</u></p>		
Điều 9	<u>Điều 9. Thu hồi cổ phần</u>	<u>Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)</u>	<i>Điều 10 Điều lệ mẫu TT</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí</u> phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ <u>gây ra cho Công ty.</u></p>	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả <u>để</u> mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>và chịu trách nhiệm</u> tương ứng với <u>tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty</u> phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p>	<p>116/2020/TT-BTC. <i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối <u>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác</u> theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <u>quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</u> Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <u>thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm)</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <u>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty</u> <u>phát sinh</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 10.</p>	<p><u>Điều 10.</u> Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p>	<p><u>Điều 11.</u> Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p>	<p><i>Điều chỉnh cách ghi nhận phù hợp Điều</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. <u>Hội đồng quản trị</u>; 3. <u>Ban kiểm soát</u>; 4. Giám đốc. 	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. <u>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u>. 3. Giám đốc. 	<p>11 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty.</p>
Điều 11.	<u>Điều 11. Quyền của cổ đông</u>	<u>Điều 12. Quyền của cổ đông</u>	
	<p>1. <u>Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. <u>Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</u></p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hội nghị trực tuyến, qua điện thoại hoặc bằng các hình thức khác mà pháp luật cho phép;</p>	<p>1. <u>Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</u></p> <p>a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>c. <u>Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</u></p>	<p>Chuyển xuống quy định tại điểm d.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>d. <u>Được tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</u></p>	<p>c. <u>Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</u></p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 1 Điều</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			115 LDN 2020.
	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;	Sửa đổi phù hợp điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	Hủy bỏ phù hợp khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;	Sửa đổi phù hợp điểm g khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.
Chưa có.		i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.	Bổ sung phù hợp điểm i, k, l khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p><i>116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p> <p><u>Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm m khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định dự phòng đối với loại cổ phần khác (nếu có).</i></p>
	<p><u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</u></p> <p><u>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;</u></p>	<p><u>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</u></p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2, 5 Điều 115 LDN 2020.</i></p> <p><i>Hủy bỏ phù hợp khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p><u>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>c. <u>Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</u></p>	<p>b. <u>Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 2 Điều 115 LDN 2020.</i></p>
	<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải <u>thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u></p>	<p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>d. <u>Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	e. Các quyền khác <u>được</u> quy định tại Điều lệ này.	đ. Các quyền khác <u>theo</u> quy định của pháp luật và Điều lệ này.	<i>Sửa đổi phù hợp điểm đ khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<p><u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</u></p> <p>a) <u>Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>b) <u>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này.</u></p>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 12.	<u>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</u>	<u>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</u>	
	Cổ đông có các nghĩa vụ sau:	Cổ đông <u>phổ thông</u> có các nghĩa vụ sau:	
	Chưa có.	<u>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p><u>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><u>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</u></p> <p><u>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3, 4 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	Chưa có.	<p><u>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 119 LDN 2020, khoản 5 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc các hình thức khác theo Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p><u>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</u></p> <p><u>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></p> <p><u>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>c) <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p><u>Trường hợp thực hiện biểu quyết theo hình thức này, cô đồng công nhân các kết quả đăng ký dự họp, kết quả bỏ phiếu đã thực hiện và có trách nhiệm tuân thủ các nghĩa vụ liên quan đến việc dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan (nếu có).</u></p> <p>d) <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</u></p> <p>đ) <u>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, quy chế bầu cử.</u></p>	<p><i>Bổ sung cơ sở quy định về ĐHDCĐ trực tuyến.</i></p>
	<p><u>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo quy định.</u></p>	<p>Chuyển lên quy định tại khoản 2.</p>	
	<p><u>4. Cung cấp thông tin, địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<p>Chuyển xuống quy định tại khoản 8.</p>	
	<p><u>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</u></p>	<p><u>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 13 Điều lệ mẫu TT</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>...</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <u>nguy cơ</u> tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>...</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước <u>các rủi ro</u> tài chính đối với Công ty.</p> <p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p><u>Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</u></p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p> <p><i>Bổ sung phù hợp khoản 8 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung dự phòng quy định đối với các loại cổ phần khác (nếu có).</i></p>
Điều 13.	<p><u>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên <u>mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng</u> kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng</u> kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p> <p><u>Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>thông hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập Đại hội.</u></p>	<p><i>ĐHĐCĐ trực tuyến.</i></p>
	<p>2. Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua <u>các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</u></p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trong yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><u>Đổi với quy định tại điểm</u></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p><u>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba số thành viên quy định trong Điều lệ;</u></p> <p><u>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</u></p> <p><u>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u></p> <p><u>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	<p>hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với vốn đầu kỳ;</p> <p><u>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</u></p> <p><u>đ. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ và văn bản khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u></p>	<p><u>b:</u> Căn cứ khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC, pháp luật cho phép công ty bổ sung quy định về trường hợp Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường. Do đó, Công ty giữ lại nội dung này từ Điều lệ hiện hành do phù hợp và có lợi cho doanh nghiệp trong quá trình quản lý, tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Sửa đổi phù

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>ba mươi (30) ngày</u> kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <u>Điểm c Khoản 3 Điều 13</u> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13</u>;</p>	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>30 (ba mươi) ngày</u> kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc thành viên Ban Kiểm soát</u> còn lại như quy định tại <u>điểm b khoản 3 Điều này</u> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>điểm c và điểm d khoản 3 Điều này</u>;</p>	<p><i>hợp điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điểm a Khoản 4 Điều 13</u> thì trong thời hạn <u>ba mươi (30) ngày</u> tiếp theo, Ban kiểm soát <u>phải</u> thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>;</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>điểm a khoản 4 Điều này</u> thì trong thời hạn <u>30 (ba mươi) ngày</u> tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điểm b Khoản 4 Điều 13</u> thì <u>trong thời hạn ba mươi (30) ngày</u> tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông <u>có yêu cầu</u> quy định tại <u>Điểm d Khoản 3 Điều này</u> có quyền <u>thay thế Hội đồng quản trị</u>, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>có quyền</u> đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc</p>	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>điểm b khoản 4 Điều này</u> thì cổ đông <u>hoặc nhóm cổ đông</u> quy định tại <u>điểm c khoản 3 Điều này</u> có quyền <u>đại diện Công ty</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>có thể</u> đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp điểm d khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 14.</p>	<p><u>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p><u>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u></p>	
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p><u>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</u></p> <p><u>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</u></p> <p><u>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p><u>đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Lưu ý: Đối với nội dung về quyết định mua lại cổ phần tại điểm g: Điều lệ mẫu quy định ĐHĐCĐ chỉ quyết định mua lại trên 10% tổng số CP đã bán mỗi loại, dưới mức này sẽ do HĐQT quyết định. Tuy nhiên, căn cứ điểm a khoản</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>g. Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p><u>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</u></p> <p><u>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</u></p> <p><u>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p><u>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</u></p>	<p><i>1 Điều 36 Luật Chứng khoán, việc mua lại CP của Công ty đại chúng phải luôn được ĐHĐCĐ thông qua, trừ một số trường hợp được liệt kê tại khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán 2019 (mua lại CP của người lao động, mua lại CP theo yêu cầu của CĐ). Do đó, việc điều chỉnh nội dung như dự thảo Điều lệ là phù hợp quy định pháp luật.</i></p> <p><i>(tránh sai sót cho quá trình thực hiện).</i></p>
	<p><u>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền</u> thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động</p>	<p><u>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u></p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động</p>	<p><i>Các nội dung tại khoản này được bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ phù hợp khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; <u>Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</u></p> <p>e. <u>Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</u></p> <p><u>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</u></p> <p>a. <u>Thông qua các báo cáo tài chính năm;</u></p> <p>b. <u>Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>c. <u>Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d. <u>Lựa chọn công ty kiểm toán;</u></p> <p>e. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p>f. <u>Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p><u>đ. Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>e. <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></p> <p>g. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm k.</p> <p>h. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p>i. <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p>k. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận;</u></p>	<p><u>Lưu ý:</u> <i>Đối với nội dung về quyết định mua lại cổ phần tại điểm q (mới): Điều lệ mẫu quy định ĐHĐCĐ chỉ quyết định mua lại trên 10% tổng số CP đã bán mỗi loại, dưới mức này sẽ do HĐQT quyết định. Tuy nhiên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 36 Luật Chứng khoán, việc mua lại CP của Công ty đại chúng phải luôn được ĐHĐCĐ thông qua, trừ một số trường hợp được liệt kê tại khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán 2019 (mua lại CP của người lao động, mua lại CP theo yêu cầu của CĐ). Do đó, việc điều chỉnh nội dung như dự thảo Điều lệ là phù hợp quy định pháp</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. <u>Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</u></p> <p>l. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</u></p> <p>m. <u>Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</u></p> <p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn</p>	<p><u>quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>p. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p>q. <u>Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi</p>	<p>luật.</p> <p><i>(tránh sai sót cho quá trình thực hiện).</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p><u>o.</u> Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p><u>lăm phần trăm</u>) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p><u>s.</u> Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p><u>t.</u> Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p><u>u.</u> Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	
	<p><u>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</u></p> <p><u>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo</u></p>	<p><u>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 15 Điều</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	luận và biểu quyết tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông.	lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
<u>Điều 15.</u>	<u>Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. <u>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</u> 2. <u>Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</u> a. <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> b. <u>Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u> c. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> d. <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</u>	<u>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u> Hủy bỏ.	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Hủy bỏ phù hợp Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	3. <u>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo</u>	2. <u>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 144 LDN</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u></p> <p>a. <u>Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>b. <u>Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>c. <u>Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</u></p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p><u>khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <u>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u></p>	<p><i>2020, khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: ...</p>	<p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: ...</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>4. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</p>	<p><i>Bổ sung quy định về ĐHDCĐ trực tuyến.</i></p>
<p>Điều 16.</p>	<p><u>Điều 16. Thay đổi các quyền</u></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p><u>Điều 17. Thay đổi các quyền</u></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu <u>hai (02)</u> cổ đông (hoặc đại diện <u>được</u> ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu <u>một phần ba (1/3)</u> giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong <u>vòng ba mươi (30)</u> ngày <u>sau đó</u> và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện <u>được</u> ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p><u>đồng ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p><u>2.</u> Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu <u>02 (hai)</u> cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu <u>1/3 (một phần ba)</u> giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong <u>thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo</u> và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện <u>theo</u> ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	
	<p><u>2.</u> Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <u>Điều 18 và Điều 20</u> Điều lệ này.</p>	<p><u>3.</u> Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <u>Điều 19, 20 và 21</u> Điều lệ này.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 17 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>Điều 17.</p>	<p><u>Điều 17.</u> Triệu tập <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><u>Điều 18.</u> Triệu tập <u>họp</u>, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập <u>Đại hội đồng cổ đông</u> hoặc <u>Đại hội đồng cổ đông</u> được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>Điểm b</u> hoặc <u>Điểm c</u> Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không <u>sớm hơn năm (05)</u> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>...</p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập <u>họp Đại hội đồng cổ đông</u> thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập <u>họp Đại hội đồng cổ đông</u> bất thường theo các trường hợp quy định tại <u>khoản 3</u> Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không <u>quá 10 (mười)</u> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày liên trước ngày đăng ký cuối cùng;</u></p> <p>...</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 140, khoản 1 Điều 141 LDN 2020, khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, Tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều 9 Quy chế Thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-VSD ngày 02/01/2020 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp <u>Đại hội đồng cổ đông</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, <u>được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</u>). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p>	<p>3. Thông báo <u>mời</u> họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức <u>đề bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</u>, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán <u>nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử</u>. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>21 (hai mươi một) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc <u>và</u> đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1, 3 Điều 143 LDN 2020, khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về ĐHDCĐ trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>d. <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>Hủy bỏ.</p> <p>d) <u>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p>	
	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp <u>Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u></p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. <u>Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 142 LDN 2020; khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i></p>
	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p>	
	<p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, <u>không đúng nội dung;</u></p>	<p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <u>năm (5)% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 11 Điều lệ</u> này;</p>	<p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <u>5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên</u> theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 12 Điều lệ</u> này;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 18.</p>	<p><u>Điều 18.</u> Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p>	<p><u>Điều 19.</u> Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <u>Cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 145 LDN 2020, khoản 1</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		(năm mươi phân trăm) tổng số phiếu biểu quyết.	<i>Điều 19 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì <u>được triệu tập lần thứ hai</u> trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông <u>triệu tập lần thứ hai chỉ</u> được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp <u>lần</u> thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì <u>thông báo mời họp lần thứ hai được gửi</u> trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phân trăm) tổng số phiếu biểu quyết <u>trở lên</u> .	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 145 LDN 2020, khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	3. Trường hợp cuộc họp <u>triệu tập lần thứ hai</u> không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì <u>được triệu tập họp lần thứ ba</u> trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. <u>Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông</u> được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu của các cổ đông dự họp.	3. Trường hợp cuộc họp <u>lần</u> thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì <u>thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi</u> trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba</u> được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu <u>biểu quyết</u> của các cổ đông dự họp.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 145 LDN 2020, khoản 3 Điều 19 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <u>Điều 139</u> của Luật doanh nghiệp.	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại <u>Điều 142</u> của Luật doanh nghiệp.	<i>Nội dung này Khung Điều lệ không nêu, Công ty bổ sung để phù hợp quy định tại Khoản 4 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020: “Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p><i>chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật này”. Nội dung này cũng đang được sử dụng tại Điều lệ hiện hành.</i></p>
<p>Điều 19.</p>	<p><u>Điều 19.</u> Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><u>Điều 20.</u> Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại <u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng <u>cổ đông</u>, Công ty phải <u>thực hiện</u> thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải <u>tiến hành</u> thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết <u>theo trình tự sau</u>:</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện <u>được uỷ quyền</u> có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, <u>họ và tên đại diện được uỷ quyền</u> và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề</u> được Chủ toạ thông báo sau khi tiến hành biểu quyết. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng</p>	<p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện <u>theo uỷ quyền</u> có quyền biểu quyết một <u>phiếu biểu quyết và/hoặc</u> thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.</u> Việc biểu quyết được tiến hành bằng <u>biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</u> Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay <u>trước khi bế mạc cuộc họp.</u> Đại hội bầu những người chịu trách</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; khoản 5 Điều 146 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>cô đồng quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng <u>không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<p>nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ <u>cuộc họp;</u></p>	
	<p><u>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</u></p>	<p><u>b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p> <p><u>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.</u></p> <p><u>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội</u></p>	<p><u>2. Việc bầu Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</u></p> <p><u>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;</u></p> <p><u>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 2 Điều 146 LDN 2020, điểm a khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>điều hành đề</u> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có <u>số</u> phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p><u>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</u></p> <p><u>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u></p>	<p><i>hợp điểm b khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp điểm c, d khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p><u>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</u></p>	<p>Chuyển xuống quy định tại khoản 8.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</u></p> <p><u>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</u></p>	<p><i>Bổ sung, sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>c. <u>Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u></p>	
	<p>Chưa có.</p>	<p>5. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>6. <u>Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>8. <u>Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục</u></p>	<p>7. <u>Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</u></p> <p>a) <u>Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</u></p> <p>b) <u>Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</u></p>	<p><u>tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
	<p><u>9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</u></p> <p><u>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</u></p> <p><u>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</u></p> <p><u>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Nội dung này đã được ghi nhận tại khoản 4 điều này phù hợp khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</u></p> <p><u>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</u></p> <p><u>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</u></p> <p><u>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</u></p>		
	<p><u>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</u></p> <p><u>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	Hủy bỏ.	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	Chưa có.	<p><u>8. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</u></p> <p><u>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</u></p> <p><u>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp Khoản 8 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	Chưa có.	<p><u>9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp Khoản 9</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</u></p>	<p><i>Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp Khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>11. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức truyền thống và trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</u></p>	<p><i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i></p>
<p>Điều 20.</p>	<p><u>Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p><u>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 148 LDN 2020, Điều 21 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số</p>	<p><i>Bổ sung, sửa đổi phù hợp</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>được thông qua khi có đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành;</u></p> <p>...</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e. <u>Tổ chức lại, giải thể công ty;</u></p>	<p><u>cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>...</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ. <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty;</u></p>	<p><i>khoản 1 Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH1 5 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự.</i></p>
	<p>2. Các nghị quyết <u>khác</u> được thông qua khi được số cổ đông <u>đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</u></p>	<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông <u>sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH1 5 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi,</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p><i>bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đầu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự.</i></p>
	<p>3. <u>Việc biểu quyết</u> bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số</p>	<p>3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và các phương thức quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	<p><i>Nội dung này Khung Điều lệ không nêu, tuy nhiên Công ty giữ lại và sửa đổi để phù hợp quy định Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</u></p>		
	<p><u>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 21.</p>	<p><u>Điều 21.</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><u>Điều 22.</u> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	
	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 <u>Điều 143</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 <u>Điều 147</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và hướng dẫn tại khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. <u>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</u> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này..</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết <u>và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.</u> Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 149 LDN 2020; khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	
	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</u></p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 3 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>c. Họ, tên, địa chỉ <u>thường trú</u>, quốc tịch, số <u>Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p>	<p>c. Họ, tên, địa chỉ <u>liên lạc</u>, quốc tịch, số <u>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 3 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p>	<p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <u>quyết định;</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 3 Điều</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p>	<p>đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p>	<p>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp khoản 3 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p><u>Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nội dung và hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</u></p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm g khoản 3 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</p>
	<p>4. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</u></p>	<p>Hủy bỏ</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</u></p> <p>a. <u>Gửi thư:</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. <u>Gửi fax hoặc thư điện tử:</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty <u>nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</u></p>	<p><u>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</u></p> <p>a. <u>Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p>b. <u>Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</u></p> <p>c. <u>Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p>d. <u>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 149 LDN 2020; khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i></p>
	<p><u>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ</u></p>	<p><u>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 149 LDN 2020; khoản 5</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. <u>Các vấn đề đã được thông qua;</u></p> <p>f. <u>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</u></p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số <u>phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết</u>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ. <u>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>e. <u>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</u></p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p><i>Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u></p>	<p><u>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 149 LDN 2020; khoản 6 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p><u>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 8 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; khoản 4 Điều 148 LDN 2020.</i></p>
<p>Điều 22.</p>	<p><u>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p><u>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông có thể được ghi âm và</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Các nội dung tại khoản này được phân bổ vào các điều khoản bổ sung</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản Đại hội cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau (trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng), có chữ ký xác nhận của Chủ toạ đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Biên bản họp Đại hội phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>		<p><i>1, 2, 3, 4 phù hợp Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p><u>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p><u>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>d. <u>Họ, tên chủ tọa và thư ký;</u></p> <p>đ. <u>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</u></p> <p>e. <u>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p>g. <u>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p>h. <u>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>i. <u>Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p>	
	Chưa có.	<p>2. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u></p> <p>3. <u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u></p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p></p> <p><i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 23.</p>	<p><u>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp</p>	<p><u>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được <u>ngợi quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>ngợi quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u> trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp</p>	<p></p> <p><i>Sửa đổi, hủy bỏ phù hợp Điều 24 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng theo</u> quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp</u>;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc <u>Điều lệ công ty</u>.</p> <p><u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>	<p>và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 4 Điều 21 Điều lệ này</u>.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc <u>Điều lệ này</u>.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	
<p>Điều 24.</p>	<p><u>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p>1. Trường hợp đã xác định được <u>trước</u> ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên <u>Hội đồng quản trị</u> được đưa vào tài liệu <u>họp Đại hội đồng cổ đông và công bố</u> tối thiểu <u>mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc <u>cuộc</u> họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. <u>Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được</u></p>	<p><u>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên <u>Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố</u> thông tin liên quan đến các ứng <u>cử viên</u> tối thiểu 10 (<u>mười</u>) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng <u>cử viên</u> này trước khi bỏ phiếu, <u>ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến</u></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>công bố bao gồm <u>các nội dung tối thiểu sau đây</u>:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. <u>Trình độ học vấn</u>;</p> <p>c. <u>Trình độ chuyên môn</u>;</p> <p>d. <u>Quá trình công tác</u>;</p> <p>e. <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác</u>;</p> <p>f. <u>Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có)</u>;</p> <p>g. <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có)</u>;</p> <p>h. <u>Các thông tin khác (nếu có)</u>.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>b. <u>Trình độ chuyên môn</u>;</p> <p>c. <u>Quá trình công tác</u>;</p> <p>d. <u>Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác)</u>;</p> <p>đ. <u>Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty</u>;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>e. <u>Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại quy chế quản trị nội bộ, quy chế bầu cử</u>;</p> <p>g. <u>Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)</u>.</p>	
	<p>2. Các cổ đông <u>nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị</u>. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>5%</u> đến dưới <u>10%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ <u>10%</u> đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây:</p> <p><u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và điều chỉnh tỷ lệ phù hợp khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p><u>đồng quản trị</u>. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10% (mười phần trăm)</u> đến dưới <u>20% (hai mươi phần trăm)</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ <u>20% (hai mươi phần trăm)</u> đến dưới 30% <u>(ba mươi phần trăm)</u> được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% <u>(ba mươi phần trăm)</u> đến dưới 40% <u>(bốn mươi phần trăm)</u> được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% <u>(bốn mươi phần trăm)</u> đến dưới 50% <u>(năm mươi phần trăm)</u> được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% <u>(năm mươi phần trăm)</u> đến dưới 60% <u>(sáu mươi phần trăm)</u> được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% <u>(sáu mươi phần trăm)</u> đến dưới 70% <u>(bảy mươi phần trăm)</u> được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% <u>(bảy mươi phần trăm)</u> đến 80% <u>(tám mươi phần trăm)</u> được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% <u>(tám mươi phần trăm)</u> trở lên được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.</p>	<p><i>(Điều lệ mẫu không quy định tỷ lệ cụ thể mà chỉ ghi thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Công ty có thể quy định phù hợp tình hình hoạt động tại doanh nghiệp).</i></p>
	<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>có thể đề cử</u> thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo <u>cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông</u></p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>giới thiệu</u> thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại <u>Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.	<u>đồng quản trị</u> theo quy định của pháp luật.	
	Chưa có.	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 25 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 25.	<u>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</u> 1.Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>năm</u> (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá <u>năm</u> (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u>	<u>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (<u>năm</u>) người. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (<u>năm</u>) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u> 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1, 2, 3 Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp <u>sau</u>:</p> <p>Chưa có.</p> <p>a. <u>Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b. <u>Có đơn từ chức;</u></p> <p>c. <u>Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p>d. <u>Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>e. <u>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>f. <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>g. <u>Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện vốn góp của pháp nhân khi có văn bản thay đổi người đại diện vốn góp (do nghi</u></p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp <u>bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau đây</u>:</p> <p>a) <u>Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</u> - <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> - <u>Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm b khoản này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện vốn góp của pháp nhân khi có văn bản thay đổi</u> 	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 160 LDN 2020.</i></p> <p><i>Ghi chú thêm: Khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 cho phép Công ty quy định các điều kiện miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Công ty đã bổ sung các điều kiện khác theo yêu cầu của doanh nghiệp</i></p> <p><i>Điều kiện do doanh nghiệp bổ sung (pháp luật cho phép công ty quy định): điều kiện “Bị rối loạn tâm thần..” là không trái quy định pháp luật; điều kiện “Cổ đông thay đổi người đại diện...” là phù hợp với mô hình thực tế.</i></p> <p><i>Nội dung tại điểm này DAS giữ lại theo ý</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Hội đồng quản trị mặc nhiên được miễn nhiệm và chính thức được bãi nhiệm tại đại hội cổ đông gần ngay sau đó.</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>người đại diện vốn góp (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Hội đồng quản trị mặc nhiên được miễn nhiệm và chính thức được bãi nhiệm tại đại hội cổ đông gần ngay sau đó.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</u> <p><u>b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> - <u>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> - <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u> - <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</u> 	<p><i>kiến DN. Tuy nhiên, DN lưu ý hiện nay pháp luật quy định việc bãi nhiệm TV HĐQT phải do ĐHĐCĐ thông qua, chưa có quy định theo hướng mở “chậm dứt trước, thông qua sau” như dự thảo. Do đó, có thể xảy ra các rủi ro liên quan đến tính hiệu lực của quy định, hoặc ý kiến của cơ quan có thẩm quyền hoặc khiếu nại của cổ đông nhé.</i></p>
	<p><u>3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u></p>		<p>116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>5. <u>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</u></p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p>
	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không <u>nhất thiết</u> phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>Điều 26.</p>	<p><u>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</u></p>	<p><u>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u></p>	
	<p>1. <u>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 27 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và Người điều hành khác.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Chuyển xuống quy định tại khoản 2 dự thảo Điều này.</i></p>
<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</u></p> <p>b. <u>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>c. <u>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và Người điều hành khác (theo đề nghị của Giám đốc), quyết định mức lương của họ;</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</u></p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>b. <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p>	<p><i>Các điểm tại khoản này được sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><u>Lưu ý:</u></p> <p><i>- Đối với nội dung về quyết định mua lại cổ phần tại điểm đ: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 36 Luật Chứng khoán, việc mua lại CP của Công ty đại chúng phải luôn được ĐHĐCĐ</i></p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p><u>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ</u></p>	<p><u>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p><u>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</u></p> <p><u>đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và Điều lệ này;</u></p> <p><u>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p><u>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm I khoản này.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>thông qua, trừ một số trường hợp được liệt kê tại khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán 2019 (mua lại CP của người lao động, mua lại CP theo yêu cầu của CĐ). Do đó, việc điều chỉnh nội dung như dự thảo Điều lệ là phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ (trừ quy định về thẩm quyền quyết định mua lại cổ phần của Đại hội đồng cổ đông).</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>tục pháp lý đối với Người điều hành đó;</u></p> <p><u>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u></p> <p><u>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u></p> <p><u>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u></p> <p><u>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, Người điều hành khác, người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>Chuyển lên quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm d khoản này.</p> <p><u>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p><u>k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</u></p> <p><u>l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp</u></p>	<p><i>Đối với nội dung quy định tại điểm l: Hiện nay LDN và Khung Điều lệ mẫu đều không ghi</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p><u>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;</u></p> <p><u>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tương ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</u></p> <p><u>l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</u></p> <p><u>m. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;</u></p> <p>n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>quyết định;</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>tại các doanh nghiệp này theo <u>quy định;</u></p> <p><u>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>nghị quyết;</u></u></p> <p><u>n. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>Hủy bỏ.</p> <p><u>o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p><u>p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</u></p> <p><u>q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</u></p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm m khoản này.</p> <p><u>s) Hội đồng quản trị quyết định các nội dung sau:</u></p>	<p><i>nhận cụ thể thẩm quyền quyết định việc thoái vốn tại Công ty mà DN có cổ phần, vốn góp. Do đó, nội dung dự thảo vào Điều lệ doanh nghiệp để có cơ sở thực hiện khi phát sinh nhu cầu thoái vốn, việc thực hiện đảm bảo quy định.</i></p> <p><i>Đối với nội dung tại điểm</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Ban hành hoặc giao Giám đốc ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp quy định của pháp luật hiện hành;</u> - <u>Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</u> - <u>Quyết định sau khi có ý kiến của Công ty mẹ các nội dung về người lao động: Định mức lao động, kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện hàng năm của người lao động; hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương mới. Báo cáo Công ty mẹ sau khi ban hành và thực hiện;</u> - <u>Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, mức lương và lợi ích khác đối với Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.</u> <p>t. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>s: <i>Khung Điều lệ mẫu không nêu nội dung này, Công ty bổ sung để phù hợp với mô hình thực tế, nhất là các nội dung này đều được Người đại diện vốn xin ý kiến Hội đồng thành viên trước khi họp HĐQT theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TCT-HĐTV ngày 10/03/2022.</i></p>
	4. <u>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</u></p> <p><u>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</u></p> <p><u>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</u></p> <p><u>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</u></p> <p><u>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</u></p> <p><u>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u></p> <p><u>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</u></p> <p><u>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công</u></p>		<p><i>TT</i> <i>116/2020/TT-BTC không còn ghi nhận nội dung này.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>		
	<p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và những Người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhân thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên</p>	<p>Chuyển xuống quy định tại Điều 28 dự thảo Điều lệ.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</u>		
	<u>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</u>	Chuyển xuống quy định tại Điều 28 dự thảo Điều lệ.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công tron gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u>	Chuyển xuống quy định tại Điều 28 dự thảo Điều lệ.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</u>	Chuyển xuống quy định tại Điều 28 dự thảo Điều lệ.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p><u>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công tron</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lai, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	
Điều 27.	<p><u>Điều 27.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị <u>phải lựa chọn</u> trong số các thành viên Hội đồng quản trị <u>đề bầu ra một Chủ tịch.</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 29.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	<p><u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>a. <u>Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b. <u>Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. <u>Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d. <u>Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>đ. <u>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>e. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u></p>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 29 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn <u>mười (10) ngày.</u>	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>có đơn</u> từ chức hoặc bị <u>miễn nhiệm</u> , bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (<u>mười</u>) ngày <u>kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p><u>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 29 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	Chưa có.	<p><u>6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>a) <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u></p> <p>b) <u>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u></p>	<p><i>Bổ sung theo góp ý của DN, phù hợp khoản 5 Điều 156 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>c) <u>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</u></p> <p>d) <u>Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u></p> <p>đ) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u></p>	
Điều 28.	<u>Điều 28.</u> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	<u>Điều 30.</u> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	
	<p>1. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.</u> Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.</u> Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.</u> Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào</p>	<p>2. <u>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</u></p> <p>3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</u></p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên <u>điều hành của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (<u>năm</u>) người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 (<u>hai</u>) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Trường hợp khác do Quy chế quản trị nội bộ công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị quy định.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>4. <u>Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>4. <u>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về</u></p>	<p>5. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (<u>bảy</u>) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị <u>tổ chức cuộc họp</u> được đề cập đến ở <u>Khoản 3 Điều 28</u> có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	<u>trị</u> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị <u>có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
	5. <u>Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã <u>đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng</u>	6. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u> Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng <u>giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>phải</u> bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>từ hoặc phương thức khác do <u>Điều lệ công ty quy định</u> và bảo đảm đến được địa chỉ <u>liên lạc</u> của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</u></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, <u>cuộc họp phải được triệu tập lại</u> trong thời hạn <u>bảy (07) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp <u>triệu tập lại</u> được tiến hành nếu có hơn một nửa (<u>1/2</u>) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p><u>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 9 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	
	Chưa có.	<p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 10 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	Chưa có.	<p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>9. Biểu quyết.</u></p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội</p>	Hủy bỏ.	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</u></p> <p><u>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</u></p> <p><u>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</u></p> <p><u>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ này</u></p>		

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</u>		
	<u>10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</u>	<u>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 12 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></p> <p><u>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u></p> <p><u>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u></p> <p><u>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</u></p> <p><u>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u></p>		
	<p><u>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</u></p> <p>14. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p> <p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT</i> 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 29.</p>	<p><u>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có <u>ít nhất ba (03) người</u> bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. <u>Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu</u></p>	<p><u>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định <u>phù hợp tình hình Công ty</u> nhưng nên có <u>tối thiểu là 03 (ba) người</u> bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. <u>Tùy vào thực tế nhân sự của công ty, các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 31 Điều lệ mẫu TT</i> 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban <u>là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị <u>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u></p>	<p>thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, <u>hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 31 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 30.	<p><u>Điều 30.</u> Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm</u> Người phụ trách quản trị công ty <u>đề hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty <u>phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</u></p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có <u>các quyền và nghĩa vụ sau:</u> e. <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù</u></p>	<p><u>Điều 32.</u> Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty <u>phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty đề hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm</u> Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho <u>tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u></p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau: đ. <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 32 Điều lệ mẫu TT</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và <u>Kiểm soát viên</u>;</p> <p>...</p> <p>Chưa có.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và <u>Điều lệ công ty.</u></p>	<p>hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và <u>thành viên Ban kiểm soát</u>;</p> <p>...</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, <u>Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p> <p><i>Bổ sung đầy đủ hơn các tham chiếu về quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>4. Người phụ trách quản trị công ty được hưởng thù lao nếu kiêm nhiệm. Mức thù lao do Hội đồng quản trị xem xét quyết định và được tính vào chi phí của Công ty.</u></p>	<p><i>Bổ sung theo góp ý của DN: Phù hợp với mô hình thực tế.</i></p>
<p>CHƯƠNG VIII</p>	<p>CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p><i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Mục VIII Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 31.</p>	<p><u>Điều 31.</u> Tổ chức bộ máy quản lý</p>	<p><u>Điều 33.</u> Tổ chức bộ máy quản lý</p>	
	<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng</p>	<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 33 Điều lệ mẫu</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	quản trị và <u>trực thuộc sự lãnh đạo</u> của Hội đồng quản trị. Công ty có <u>một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng</u> và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị <u>được thông qua một cách hợp thức.</u>	quản trị và <u>chịu sự giám sát, chỉ đạo</u> của Hội đồng quản trị <u>trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</u> Công ty <u>gồm có</u> Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh <u>quản lý</u> khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và <u>Bộ máy giúp việc.</u> Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 32.	<p><u>Điều 32. Người điều hành công ty</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm <u>mẫn cán</u> để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. <u>Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</u></p>	<p><u>Điều 34. Người điều hành Công ty</u></p> <p>1. <u>Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.</u></p> <p>2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. <u>Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</u></p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	4. <u>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 33.	<p><u>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</u></p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>2. <u>Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều</u></p>	<p><u>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</u></p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.</u></p> <p>2. <u>Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</u></p> <p>3. <u>Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ công ty.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>kiện theo quy định của pháp luật và <u>Điều lệ công ty.</u></p>		
	<p><u>3.</u> Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: Chưa có.</p>	<p><u>4.</u> Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: <u>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Báo cáo với Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý;</u></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ phù hợp khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Đối với nội dung tại điểm a: Công ty bổ sung phù hợp yêu cầu của Công ty (ghi nhận tại điểm b khoản 3 Điều 33 Điều lệ hiện hành) và phù hợp khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 (do pháp luật cho phép Công ty quy định).</i></p>
	<p><u>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p>	<p><u>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u> <u>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</u></p>	
	<p><u>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</u></p>	<p>Chuyển lên quy định tại điểm a khoản này.</p>	
	<p><u>c. Kiến nghị số lương và người điều hành khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành khác để Hội đồng quản trị quyết định;</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lương người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	
	<p><u>e. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</u></p>	<p>Chuyển xuống quy định tại điểm j khoản này.</p>	
	<p><u>f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</u></p> <p><u>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ</p>	
	<p><u>h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;</u></p>	<p>Chuyển xuống quy định tại điểm l khoản này.</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>i. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</u></p>	<p><u>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u></p>	
	<p>Chưa có đ → l.</p>	<p><u>đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</u></p> <p><u>g. Tuyển dụng lao động;</u></p> <p><u>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p><u>i. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư;</u></p> <p><u>j. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm.</u></p> <p><u>k. Tổ chức công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, 6 (sáu) tháng, hàng năm, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo chung tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ của</u></p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>Công ty.</p> <p><u>1. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
	<p><u>4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị <u>đur</u> họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm <u>một</u> Giám đốc mới thay thế.</u></p>	<p><u>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết <u>đur</u> họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, Điều 162 LDN 2020.</i></p>
<p>Điều 34.</p>	<p><u>Điều 34. Thư ký Công ty</u></p> <p><u>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</u></p> <p><u>1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu</u></p>	<p>Hủy bỏ</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, Điều 162 LDN 2020 và khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>câu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</u></p> <p><u>3. Tham dự các cuộc họp.</u></p> <p><u>4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</u></p> <p><u>5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>		
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 36. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc</u></p> <p><u>1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản.</u></p> <p><u>Hội đồng quản trị giới thiệu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Tổng Công ty. Tổng Công ty có thể quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc trong trường hợp luân chuyển cán bộ theo quy định về</u></p>	<p>Về nội dung “Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc <u>sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Tổng Công ty. Tổng Công ty có thể quyết định bổ nhiệm Phó</u></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>tổ chức, cán bộ. Phó Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn tối đa không quá 05 (năm) năm và có thể bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật liên quan.</u></p> <p><u>Số lượng Phó Giám đốc không quá 02 (hai) người. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp cần nhiều hơn 02 (hai) Phó Giám đốc, Hội đồng quản trị đề nghị Tổng Công ty xem xét, chấp thuận.</u></p> <p><u>2. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc. Kế toán trưởng có tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về Tài chính, Kế toán và pháp luật có liên quan. Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.</u></p> <p><u>Kế toán trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công của Công ty phù hợp với pháp luật về tài chính, kế toán và quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.</u></p> <p><u>3. Bộ máy giúp việc gồm các Phòng – Đội, bộ phận chuyên</u></p>	<p><u>Giám đốc trong trường hợp luân chuyển cán bộ theo quy định về tổ chức, cán bộ.</u></p> <p>Nội dung này không quy định trong Luật Doanh nghiệp 2020 và không có trong Khung Điều lệ. Tuy nhiên, nội dung này được bổ sung để phù hợp với mô hình thực tế và thực hiện đúng theo Quy trình bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ do Đảng ủy Tổng Công ty quản lý.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>môn – nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công ty đối với các doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>Cơ cấu tổ chức của Bộ máy giúp việc Công ty do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.</u></p> <p><u>4. Chế độ lương, các khoản phụ cấp, tiền thưởng của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Bộ máy giúp việc thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.</u></p>	
Điều 35.	<p><u>Điều 35.</u> Ứng cử, đề cử <u>Kiểm soát viên</u></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử <u>Kiểm soát viên</u> được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 <u>Điều 24</u> Điều lệ này.</p> <p>2. Các cổ đông <u>nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số <u>quyền biểu quyết</u> để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>5%</u> đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối</p>	<p><u>Điều 37.</u> Ứng cử, đề cử <u>thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</u></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử <u>thành viên Ban kiểm soát</u> được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 <u>Điều 25</u> Điều lệ này và <u>quy định sau đây: ...</u></p> <p>Các cổ đông có quyền gộp số <u>phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau</u> để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <u>10%</u> (mười phần trăm) đến dưới 20% (<u>hai mươi phần trăm</u>) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% (<u>hai mươi phần trăm</u>) đến dưới (<u>ba mươi phần trăm</u>) 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ</p>	<p><i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 36 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 36 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>(Điều lệ mẫu không quy định tỷ lệ cụ thể mà chỉ dẫn chiếu đến Điều 24 Điều lệ. Do đó, để thuận tiện cho công tác thực hiện, DAS kiến nghị ghi nhận lại tỷ</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên</p>	<p>30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.</p>	<p><i>lệ cụ thể được đề cử, ứng cử ứng viên như dự thảo.</i></p>
	<p><u>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p>	<p><u>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 36.</p>	<p><u>Điều 36. Kiểm soát viên</u></p> <p>1. Số lượng <u>Kiểm soát viên</u> của Công ty là <u>ba (03) thành viên</u>. Nhiệm kỳ của <u>Kiểm soát viên</u> không quá <u>năm (05) năm</u> và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. <u>Kiểm soát viên</u> phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 164</u></p>	<p><u>Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát</u></p> <p>1. Số lượng <u>thành viên Ban kiểm soát</u> của Công ty là <u>03 (ba) người</u>. Nhiệm kỳ của <u>thành viên Ban kiểm soát</u> không quá <u>05 (năm) năm</u> và có thể <u>được bầu lại</u> với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. <u>Thành viên Ban kiểm soát</u> phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều 169</u></p>	<p><i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 37 Điều</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong <u>ba (03) năm</u> liền trước đó.</p>	<p><u>Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong <u>03 (ba) năm</u> liền trước đó.</p>	<p><i>lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p> <p>a. <u>Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u></p> <p>c. <u>Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>Chuyển xuống quy định tại Điều 39 dự thảo Điều lệ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm <u>Kiểm soát viên</u> theo quy định tại <u>Luật doanh nghiệp</u>;</p> <p>b. <u>Thành viên đó bị rớt loan tâm thần và các thành viên khác của</u></p>	<p><u>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm <u>thành viên Ban kiểm soát</u> theo quy định tại <u>khoản 2 Điều này</u>;</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p><u>c. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p><u>d. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u></p> <p><u>e. Thành viên Ban kiểm soát là đại diện vốn góp của pháp nhân khi có văn bản thay đổi người đại diện vốn góp (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban kiểm soát mặc nhiên được miễn nhiệm và chính thức được bãi nhiệm tại đại hội cổ đông gần ngay sau đó.</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>Hủy bỏ.</p> <p><u>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u></p> <p><u>c. Thành viên Ban kiểm soát là người do pháp nhân cử khi có văn bản thôi cử (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm tại đại hội đồng cổ đông gần ngay sau đó.</u></p> <p><u>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</u></p>	<p><i>Nội dung tại điểm c dự thảo Khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020 cho phép Công ty quy định các điều kiện miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát. Công ty đã bổ sung các điều kiện khác theo yêu cầu của doanh nghiệp (các điều kiện bổ sung được ghi nhận theo khoản 4 Điều 36 Điều lệ hiện hành của Công ty Tân Hòa). Do đó, Công ty bổ sung nội dung "<u>Thành viên Ban Kiểm soát là người do pháp nhân cử</u></i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>khi có văn bản <u>thôi cử (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban Kiểm soát được bãi nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông gần ngay sau đó" để phù hợp với mô hình thực tế và thuận tiện cho doanh nghiệp trong quản lý.</u></i>
	<p>5. <u>Kiểm soát viên</u> bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>Chưa có.</p> <p>b. <u>Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u></p> <p>c. Theo <u>quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>c. <u>Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</u></p> <p>d. <u>Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	Chưa có	<p><u>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát</u></p> <p>1. <u>Trưởng Ban kiểm soát do Ban</u></p>	<p>Bổ sung phù hợp Điều 38</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</u></p> <p><u>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</u></p> <p><u>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p><i>Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 37.	<p><u>Điều 37. Ban kiểm soát</u></p> <p><u>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</u></p>	<p><u>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u></p> <p>Ban kiểm soát có <u>các quyền, nghĩa vụ</u> sau:</p>	<p><i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC và ý kiến DN.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p>1. <u>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</u></p> <p>2. <u>Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</u></p> <p>3. <u>Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trong trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</u></p> <p>4. <u>Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>5. <u>Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</u></p> <p>6. <u>Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp Điều 170 LDN 2020 theo ý kiến DN và khoản 5 Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Đối với nội dung tại khoản 1: Nội dung này Công ty bổ sung từ nội dung của Điều lệ hiện hành nhằm thuận hơn cho doanh nghiệp trong quản lý, điều hành được chặt chẽ.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.</u></p> <p><u>7. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p> <p><u>8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</u></p> <p><u>9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật, phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</u></p> <p><u>10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</u></p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>11. <u>Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</u></p> <p>12. <u>Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
	<p>a. <u>Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</u></p>	<p>12. <u>Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>b. <u>Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</u></p> <p>c. <u>Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</u></p> <p>d. <u>Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</u></p> <p>e. <u>Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</u></p>	<p>Hủy bỏ b → h.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</u></p> <p><u>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</u></p> <p><u>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;</u></p>		
	<p><u>i. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</u></p> <p><u>j. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;</u></p> <p><u>k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u></p>	Hủy bỏ i → k.	<i>Hủy bỏ theo ý kiến DN.</i>
	Chưa có.	<u>13. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>14. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 6</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.
	1. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.	15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	Bổ sung phù hợp khoản 8 Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.	Bổ sung phù hợp khoản 9 Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung đầy đủ các tài liệu quy định về quyền, nghĩa vụ của BKS.
	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người điều hành khác khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</u></p>		
	<p><u>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</u></p>	<p>Chuyển xuống quy định tại Điều 41.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</u></p>	<p>Chuyển xuống quy định tại Điều 42.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Chưa có.</p>		<p><u>Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát</u></p> <p><u>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm</u></p>	<p><i>Chuyển xuống từ Điều 40 dự thảo Điều lệ sửa đổi (Điều 37 Điều lệ cũ) và sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 40 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>của từng thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</u></p>	
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</u></p> <p><u>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</u></p> <p><u>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u></p> <p><u>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh</u></p>	<p><i>Chuyển xuống từ Điều 40 dự thảo Điều lệ sửa đổi (Điều 37 Điều lệ cũ) và bổ sung phù hợp Điều 41 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC, Điều 172 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</u></p>	
CHƯƠNG X	<p><u>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u></p>	<p><u>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp mục X Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 38.	<p><u>Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng</u></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Giám đốc và <u>Người điều hành khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích <u>cao nhất của Công ty</u> và với mức độ <u>cẩn trọng mà một người thân trong phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</u></p>	<p>Hủy bỏ tiêu đề.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban kiểm soát</u>, Giám đốc và <u>người điều hành khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, <u>cẩn trọng</u> vì lợi ích <u>của Công ty.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp mục X Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 39.	<p><u>Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Giám đốc và <u>người điều hành khác</u> phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các <u>quy định pháp luật khác.</u></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Giám đốc và <u>Người điều hành khác</u> không được phép sử dụng những cơ hội</p>	<p><u>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Giám đốc và <u>người quản lý khác</u> phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các <u>văn bản pháp luật liên quan.</u></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Giám đốc, <u>người quản lý khác</u> và những <u>người có liên quan của các thành</u></p>	<p><i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 47 Điều lệ mẫu TT</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u></p>	<p><u>viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</u></p>	<p><i>116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và <u>Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u></p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và <u>người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị <u>không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 47 Điều</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<u>thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u>	<i>lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<p><u>6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. Đối với <u>hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội</u></p>	<p><u>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. Đối với <u>giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên</u></p>	<p><i>Sửa đổi, hủy bỏ phù hợp khoản 6 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với <u>những hợp đồng</u> có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch</u> này cũng như mối quan hệ và lợi ích của <u>Người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố</u> cho các cổ đông không có lợi ích liên quan <u>có quyền biểu quyết về vấn đề đó</u>, và những <u>cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này</u>;</p> <p>c. <u>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></p>	<p>quan;</p> <p>b. Đối với <u>giao dịch</u> có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>nội dung quan trọng của giao dịch</u> này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</u></p> <p>Hủy bỏ.</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 40.	<p>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Giám đốc, <u>Người điều hành khác</u> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình <u>với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn</u> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>Người điều hành</u>, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <u>Người điều hành</u>, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. <u>Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty</u>, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Giám đốc, <u>Người điều hành khác</u>, nhân viên hoặc là</p>	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</u></p> <p>a. <u>Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</u></p> <p>b. <u>Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</u></p>		
	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>CHƯƠNG XI</p>	<p>CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Mục XI Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</i></p>
<p>Điều 41.</p>	<p>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p>	<p><i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i></p>
	<p><u>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua</u></p>	<p><u>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</u></p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</u></p>	<p>a. <u>Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</u></p>	<p><i>khoản 1 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo</u></p>	<p><u>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và <u>bất cứ giấy tờ nào khác</u> theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các <u>giấy tờ này</u>.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên <u>website</u> của <u>công ty</u>.</p>	<p>bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu <u>giữ</u> Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và <u>các tài liệu khác</u> theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các <u>tài liệu này</u>.</p> <p>5. Điều lệ công ty phải được công bố trên <u>trang thông tin điện tử</u> của <u>Công ty</u>.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 42.	<p><u>Điều 42. Công nhân viên và công đoàn</u></p> <p>1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động <u>thời viêc</u>, lương , bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <u>cán bộ quản lý</u>.</p>	<p><u>Điều 46. Công nhân viên và công đoàn</u></p> <p>1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động <u>ngghi viêc</u>, <u>tiền</u> lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <u>người điều hành doanh nghiệp</u>.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 50 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 43.	<p><u>Điều 43. Phân phối lợi nhuận</u></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình</p>	<p><u>Điều 47. Phân phối lợi nhuận</u></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp quy định</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. <u>Cụ thể:</u></p> <p>a. <u>Lợi nhuận của Công ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính và bù lỗ năm trước theo quy định pháp luật, sẽ được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông do Hội đồng quản trị lập và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định từng năm.</u></p> <p>b. <u>Thứ tự phân phối lợi nhuận cụ thể như sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.</u> - <u>Lợi nhuận sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp được tiếp tục phân phối:^(*)</u> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);</u> • <u>Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;</u> • <u>Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp. Tỷ lệ trích lập quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.</u> • <u>Trích Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý Công ty^(**). Tỷ lệ trích lập quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết</u> 	<p><i>về phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ tại Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và ý kiến DN.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Quỹ công tác xã hội công đồng, quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan và quỹ khác do Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u> • <u>Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u> <p><i>(Bổ sung footnote vào sau các dấu (*) và (**)) như sau:</i></p> <p><i>* Theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 (các nội dung có liên quan đến Nghị định 140/2020/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).</i></p> <p><i>** Thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 (các nội dung có liên quan đến khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).</i></p>	
	<p><u>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 51 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và</u></p>	<p><u>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 51 Điều lệ mẫu TT</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông <u>thụ hưởng</u>. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <u>Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam</u>.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, <u>lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu</u>, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về <u>tài khoản</u> ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty <u>đã chuyển cho cổ đông này</u>. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/<u>đăng ký giao dịch</u> tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <u>Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</u>.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, <u>quyết định</u> xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức <u>bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu</u>, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 51 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 51 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
CHƯƠNG XIV	CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI	CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI	<i>Sửa đổi phù hợp Mục XIV Điều lệ mẫu</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	CHÍNH VÀ <u>HỆ THỐNG KẾ TOÁN</u>	CHÍNH VÀ <u>CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</u>	<i>TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 44.	<u>Điều 44. Tài khoản ngân hàng</u> 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	<u>Điều 48. Tài khoản ngân hàng</u> 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các <u>chi nhánh</u> ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 52 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 46.	<u>Điều 46. Chế độ kế toán</u> 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <u>Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS)</u> hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	<u>Điều 50. Chế độ kế toán</u> 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <u>chế độ kế toán doanh nghiệp</u> hoặc chế độ kế toán <u>đặc thù</u> được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 54 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo <u>loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia</u> . Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo <u>quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan</u> . Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	
	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng <u>đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam</u> . Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được <u>tự chọn ngoại tệ đó</u> làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, <u>chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp</u> .	
CHƯƠNG XV	CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, <u>THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u>	CHƯƠNG XV. <u>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</u>, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	<i>Sửa đổi phù hợp Mục XV Điều lệ mẫu TT</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			116/2020/TT-BTC.
Điều 47.	<u>Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</u>	<u>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</u>	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Công ty phải lập <u>bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính</u> , Công ty <u>nộp báo cáo tài chính hàng năm</u> cho cơ quan <u>thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</u>	1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo <u>tài chính năm</u> phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty <u>công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp</u> cho cơ quan <u>nhà nước có thẩm quyền.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm <u>báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</u>	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm <u>đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo <u>sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp</u> cho cơ quan	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo <u>tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp</u> cho cơ quan <u>nhà</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp</u>	<u>nước có thẩm quyền.</u>	
	4. Các báo cáo tài chính được <u>kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 49.	<u>Điều 49. Kiểm toán</u> 1. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. <u>Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u> 2. Công ty kiểm toán độc lập <u>kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị</u>	<u>Điều 53. Kiểm toán</u> 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán <u>báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</u> Hủy bỏ.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 57 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p> <p><u>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</u></p> <p><u>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</u></p>	<p><u>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</u></p> <p><u>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</u></p>	
CHƯƠNG XVII	CHƯƠNG XVII. CON DẤU	CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	<i>Sửa đổi phù hợp Mục XVII Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 50.	<p><u>Điều 50. Con dấu</u></p> <p>Chưa có.</p> <p><u>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</u></p> <p><u>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<p><u>Điều 54. Dấu của doanh nghiệp</u></p> <p><u>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u></p> <p><u>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u></p> <p><u>3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 58 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
CHƯƠNG XVIII	<u>CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</u>	<u>CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Mục XVIII Điều lệ mẫu</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 51.	<p><u>Điều 51. Chấm dứt hoạt động</u></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể <u>hoặc chấm dứt hoạt động</u> trong những trường hợp sau:</p> <p>a. <u>Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</u></p> <p>b. <u>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <p>c. <u>Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (<u>kể cả thời hạn đã gia hạn</u>) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo <u>hay xin</u> chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p><u>Điều 55. Giải thể Công ty</u></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>a. <u>Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>b. <u>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</u></p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải <u>được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi</u> cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p><i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 59 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 59 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 52.	<u>Điều 52. Thanh lý</u>	<u>Điều 56. Thanh lý</u>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>1. Tối thiểu <u>sáu</u> (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có <u>một</u> quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm <u>ba</u> (03) thành viên. <u>Hai</u> (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và <u>một</u> (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ <u>một</u> công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	<p>1. Tối thiểu 06 (<u>sáu</u>) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (<u>ba</u>) thành viên, <u>trong đó</u> 02 (<u>hai</u>) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (<u>một</u>) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (<u>một</u>) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên <u>của</u> Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 61 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. <u>Tiền lương và chi phí</u> bảo hiểm <u>cho công nhân viên</u>;</p> <p>c. <u>Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước</u>;</p> <p>d. <u>Các khoản vay (nếu có)</u>;</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p><u>Số dư</u> còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được <u>phân</u> chia cho các cổ đông. Các cổ</p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. <u>Các khoản nợ</u> lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm <u>xã hội</u> và các quyền lợi khác <u>của</u> người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. <u>Nợ thuế</u>;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>đ. <u>Phần</u> còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 61 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	đãi được ưu tiên thanh toán trước.	
Điều 53.	<p><u>Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ</u></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp <u>hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định</u> giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay Người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị <u>hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các <u>yêu tố thực tiễn</u> liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập <u>để hành động với tư cách là trọng tài</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng <u>sáu</u> (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định</p>	<p><u>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</u></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, <u>Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận</u> giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị <u>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các <u>thông tin</u> liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập <u>làm trung gian hòa giải</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 <u>(sáu)</u> tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 62 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <u>Trong tài kinh tế</u> hoặc <u>Toà án kinh tế</u>.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của <u>mình</u> có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.</p>	<p>trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra <u>Trong tài</u> hoặc <u>Tòa án</u>.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	
<p>Điều 54.</p>	<p><u>Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</u></p> <p>1. Việc bổ sung, <u>sửa đổi</u> Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2. <u>Trong trường hợp có những quy định của pháp luật</u> có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc <u>trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</u></p>	<p><u>Điều 58. Điều lệ công ty</u></p> <p>1. Việc <u>sửa đổi</u>, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. <u>Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty</u> chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có <u>quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 63 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 55.</p>	<p><u>Điều 55. Ngày hiệu lực</u></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <u>55 điều</u> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa nhất trí, <u>thông qua tại Nghị quyết số 017/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2018</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. <u>Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.</u></p>	<p><u>Điều 59. Ngày hiệu lực</u></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, <u>59 điều</u> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa nhất trí <u>thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ...</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp dự thảo Điều lệ.</i></p> <p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 64 Điều lệ mẫu</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<p><u>3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</u></p> <p><u>a. Hai (02) bản nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;</u></p> <p><u>b. Tám (08) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p><u>2. Điều lệ được lập thành ... bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 64 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

Trong Điều lệ này:

- 1. Các số thứ tự điều khoản, tham chiếu điều khoản, số lượng điều khoản sẽ tự động được cập nhật sau khi nội dung dự thảo Điều lệ được thông qua;*
- 2. Các sai sót về tham chiếu, đánh số thứ tự điều khoản của Điều lệ hiện hành (nếu có) sẽ được tự động cập nhật lại sau khi dự thảo Điều lệ được thông qua mà không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp;*
Tương tự, các điều chỉnh nhưng không thay đổi về nội dung Điều lệ (ví dụ: giải thích/bỏ giải thích bằng chữ các con số, ...) cũng không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp.
- 3. Ngoài các điều khoản thay đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty đã tổng hợp nêu trên để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, các nội dung sửa đổi tại toàn văn dự thảo Điều lệ (mà chưa được đề cập) và các điều khoản thuộc trường hợp nêu tại mục 1, 2 thì các điều khoản khác sẽ giữ nguyên không thay đổi.*



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm 2022
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cấp nước Tân Hòa)*

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và mục đích ban hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa là hệ thống các nguyên tắc cho toàn bộ các hoạt động quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa, được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các văn bản hướng dẫn.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người điều hành Công ty nhằm đánh giá hiệu quả việc thực hiện quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

3. Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

4. Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

5. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị

1. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;
- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty;
- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch trong hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng;

2. Trong Quy chế này, bất kỳ một tham chiếu nào tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Trong Quy chế này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
- a. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa.
 - b. “Điều lệ Công ty” có nghĩa là Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm mọi sửa đổi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại từng thời điểm.
 - c. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
 - d. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;
 - e. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - f. “Người quản lý công ty” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
 - g. “Người điều hành Công ty” theo Quy chế này được hiểu là Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - h. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
 - i. “Hệ thống trực tuyến” là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.
 - j. “Bỏ phiếu điện tử” là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc tại đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.
 - k. “Bỏ phiếu truyền thống” là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Công ty hoặc theo các hình thức khác được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật mà không phải hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Những chữ viết tắt:
 - HĐQT : Hội đồng quản trị
 - ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
 - BKS : Ban kiểm soát

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ và lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 6. Thông báo triệu tập, chương trình họp ĐHĐCĐ

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên Hệ thống trực tuyến (trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử), trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục gửi kiến nghị, chấp nhận hoặc từ chối kiến nghị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức tùy theo quyết định của người triệu tập Đại hội. Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo các quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ:

Để chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức Đại hội, Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự cuộc họp theo các cách sau: chuyển tận tay, gửi theo đường bưu điện, fax, gửi thư điện tử giấy đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự họp hoặc điện thoại xác nhận về trụ sở chính của Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc hoặc đăng ký trực tuyến (nếu có) theo cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp.

2. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ:

Công ty có trách nhiệm tổ chức đăng ký cổ đông vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định sau đây:

a. Đối với Đại hội truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp:

- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

- Khi đến tham dự Đại hội, cổ đông/ người được ủy quyền có nghĩa vụ sau:

- Xuất trình bản chính giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

- Nộp bản chính Giấy ủy quyền đối với trường hợp người được ủy quyền dự họp.

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết các tài liệu sau:

- Một (01) Thẻ biểu quyết có đóng dấu Công ty. Trên Thẻ biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức **Giơ thẻ**.

- Một (01) Phiếu biểu quyết có đóng dấu Công ty. Trên Phiếu biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua bằng hình thức **Bỏ phiếu kín**.

- Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS có đóng dấu Công ty trong trường hợp ĐHĐCĐ có bầu thành viên HĐQT, BKS.

b. Đối với Đại hội trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua Hệ thống trực tuyến:

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp.

- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.

- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Quy chế này và có nghĩa vụ:

- Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.

- Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

- Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

c. Đối với Đại hội tổ chức kết hợp các hình thức quy định tại điểm a và b khoản này:

- Các cổ đông đến dự họp trực tiếp tại Đại hội sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này.

- Các cổ đông chỉ dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến nhưng vẫn đến dự họp/ủy quyền dự họp trực tiếp thì Công ty tổ chức đăng ký cổ đông như quy định đối với cổ đông đến dự họp trực tiếp.

3. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ:

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định Điều 16 của Điều lệ và pháp luật.

a. Đối với ủy quyền dự họp Đại hội truyền thống:

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

b. Đối với ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến trên Hệ thống trực tuyến:

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến theo các quy định sau đây:

- Phải có/nộp Giấy ủy quyền hợp lệ trước khi dự họp;

- Hình thức ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này hoặc hình thức khác do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

Điều 8. Điều kiện tiến hành, hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo các điều kiện quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu

1. Cách thức biểu quyết:

Đối với mỗi hình thức tổ chức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết:

a. Bỏ phiếu truyền thống: bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội hoặc ủy quyền cho một người khác hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử);

b. Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.

Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (*máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ...*).

2. Biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a. Biểu quyết truyền thống đối với cổ đông đến/ủy quyền dự họp trực tiếp:

- Biểu quyết bằng cách Giơ thẻ:

• Cách thức Giơ thẻ được áp dụng để xin ý kiến ĐHĐCĐ về các nội dung chủ yếu gồm:

+ Chương trình đại hội;

+ Quy chế làm việc và cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ;

+ Danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết;

+ Quy chế đề cử, ứng cử và thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, BKS;

+ Danh sách Ban bầu cử và đề cử Trưởng ban bầu cử;

+ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết;

+ Biên bản, Nghị quyết đại hội;

+ Các vấn đề khác mà Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ có quy định lấy ý kiến theo hình thức Giơ thẻ.

• Cách thực hiện: Cổ đông hoặc người được ủy quyền Giơ thẻ để biểu quyết **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến** với những nội dung biểu quyết khi Ban Tổ chức hoặc Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết.

• Nội dung được thông qua khi tỷ lệ biểu quyết đạt các tỷ lệ theo quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.

- Bỏ phiếu kín (sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban tổ chức cấp):

• Hình thức bỏ phiếu kín được áp dụng để xin ý kiến ĐHĐCĐ về các nội dung chính trong chương trình họp (được ghi cụ thể trên Phiếu biểu quyết) gồm:

+ Các báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS;

+ Các báo cáo và tờ trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

- Cách thực hiện: Cổ đông hoặc người được ủy quyền thực hiện biểu quyết đối với các vấn đề ghi trên Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu vào một trong các ô tương ứng: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến**. Cổ đông lựa chọn phương án nào thì đánh dấu vào ô đó.

- Bỏ phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS:

Cách thức bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo Điều 18, Điều 34 Quy chế này và theo Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, BKS được ĐHCĐ thông qua.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muợn tham dự không bị ảnh hưởng.

b. Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến; chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết **tán thành, không tán thành, không có ý kiến** đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống điện tử, sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả; đối với nội dung bầu cử, cổ đông thực hiện bầu cử tại mục Bầu cử theo phương thức quy định tương tự như bầu cử trực tiếp. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ thống trực tuyến như sau:

- Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến.

- Đối với nội dung bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát: thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến theo phương thức quy định tương tự như bầu cử trực tiếp.

- Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội đồng cổ đông. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi Đại hội đồng cổ đông diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.

- Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

c. Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được

lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thống sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện theo nguyên tắc:

1. Ban Kiểm phiếu phổ biến thông tin về việc biểu quyết/bầu cử công khai tại Đại hội;
2. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại Đại hội ngay sau khi cổ đông cuối cùng hoàn thành việc bỏ phiếu;
3. Trường hợp Đại hội bầu cử thành viên HĐQT/BKS thì thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong Danh sách bầu cử HĐQT/BKS;
4. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
5. Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.
6. Việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu được thực hiện như sau:
 - a. Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu và/hoặc Biên bản bầu cử.
 - b. Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả biểu quyết bỏ phiếu điện tử.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ, đồng thời báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch và có thể gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Điều 12. Cách thức phản đối nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 14. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 15. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý

của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không bao gồm điểm g khoản này.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Ngoài những tiêu chuẩn được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, thành viên HĐQT phải có thêm các tiêu chuẩn sau:

- a. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, Điều lệ Công ty;
- b. Có sức khỏe, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực thực hiện nhiệm vụ;
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông.

Điều 17. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên HĐQT

1. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên HĐQT cần đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ. Hồ sơ ứng viên phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, gồm có:

- a. Văn bản ứng cử/ đề cử;
- b. Lý lịch của người ứng cử/đề cử: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua, chức vụ và nghề nghiệp hiện tại, số lượng tham gia thành viên hội đồng quản trị của các công ty khác, các chức danh quản lý khác tại Công ty và công ty khác, các lợi ích có liên quan đến Công ty và các thông tin khác (nếu có);
- c. Văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

3. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT hoặc tổ chức cho cổ đông khác đề cử ứng viên và HĐQT đánh giá lại hoặc theo cơ chế khác quy định tại Quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội

đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên mà mình lựa chọn.

2. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì ĐHĐCĐ có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.

Điều 19. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong trường hợp thành viên HĐQT là đại diện vốn góp của pháp nhân và pháp nhân có văn bản thay đổi người đại diện vốn góp (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác).

Điều 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán.

Điều 22. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Các ứng viên HĐQT phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của

các thông tin được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ chuyên môn;
3. Quá trình công tác;
4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
5. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
6. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương IV

HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 24. Cuộc họp HĐQT

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

1. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát.
4. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Điều 25. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo mời họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản được gửi kèm Phiếu lấy ý kiến biểu quyết và tài liệu giải trình đến các thành viên HĐQT ít nhất trước 03 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến biểu quyết.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 26. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 27. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: việc biểu quyết có thể thực hiện bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng cách giơ tay theo thống nhất của Hội đồng quản trị;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

2. Trừ quy định tại Khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

4. Theo quy định tại Khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

6. Kiểm soát viên có quyền tham dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 28. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 29. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài) và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

2. Đối với trường hợp lấy ý kiến HĐQT bằng phiếu biểu quyết thì thư ký Công ty và một thành viên BKS do Trưởng BKS cử có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và ký tên vào Biên bản.

Điều 30. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các thành viên và các bên có liên quan đến nội dung đã được thông qua tại cuộc họp để thực hiện.

Điều 31. Hoạt động giúp việc cho Hội đồng quản trị

Giúp việc cho Hội đồng quản trị gồm các Phòng – Đội chuyên môn của Công ty, giao Phòng Tổ chức hành chính làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc xây dựng, theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Dự thảo, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cung cấp cho các thành viên để phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc chuẩn bị văn bản lấy ý kiến/dự thảo nghị quyết xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

3. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu do Giám đốc Công ty trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến Hội đồng quản trị;

4. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu của HĐQT; cung cấp và thông báo cho các bộ phận liên quan về các nghị quyết, văn bản của HĐQT.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

Chương V

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của người quản lý, người điều hành và hoạt động của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 33. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, việc ứng cử, đề cử thành viên BKS phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ ứng viên phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, gồm có:
 - a. Văn bản ứng cử/đề cử;
 - b. Lý lịch của người ứng cử/đề cử: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua, chức vụ và nghề nghiệp hiện tại, các lợi ích có liên quan đến Công ty và các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - c. Văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên BKS một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS.
3. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên BKS (trong trường hợp đã xác định được các ứng cử viên) phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế bầu cử. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên mà mình lựa chọn. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Ban kiểm soát cần bầu thì ĐHĐCĐ có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định pháp luật;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Thành viên Ban kiểm soát là người do pháp nhân cử khi có văn bản thôi cử (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm tại đại hội đồng cổ đông gần ngay sau đó;

d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật chứng chứng khoán.

Chương VI

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 37. Các tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty, HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng Người điều hành Công ty khi cần thiết. Tiêu chuẩn, số lượng Người điều hành Công ty phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;

c. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, nhiệt tình, có uy tín, gương mẫu chấp hành pháp luật, Điều lệ và nội quy Công ty;

d. Có sức khỏe, trình độ và năng lực quản trị;

e. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông.

Điều 38. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Tiền lương của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Giám đốc có quyền quyết định quyền hạn của từng thành viên Ban điều hành thông qua các văn bản quy định nội bộ (bao gồm về phân cấp quản lý và các quy định, tài liệu khác);

d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư;

j. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm.

k. Tổ chức công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, 6 (sáu) tháng, hàng năm, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo chung tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ của Công ty.

l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 39. Việc bổ nhiệm Người điều hành khác

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác là các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Nhiệm kỳ của Người điều hành Công ty do HĐQT quy định cụ thể không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 40. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty

Công ty ký hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty theo quy định của pháp luật lao động và Điều lệ công ty.

Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Doanh nghiệp xin từ chức phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị. Đối với người điều hành là Phó Giám đốc và Kế toán trưởng thì phải gửi đơn thông qua Giám đốc để tham mưu, đề xuất cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có

ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành Doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm;

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành Doanh nghiệp trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của công ty nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty, quy định nội bộ và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 42. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Chương VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo; biên bản cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên HĐQT;
 - b. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu đề có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan và khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của BKS theo quy định của Công ty.
 - d. Trừ trường hợp Quy chế này có quy định khác, các nội dung cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc, HĐQT có trách nhiệm phản hồi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;
 - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả kiểm tra trên, BKS cần bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHCĐ gần nhất;
 - d. Trong quá trình thực hiện kiểm tra giám sát của mình, nếu BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả. BKS có trách nhiệm

báo cáo trước ĐHĐCĐ, đồng thời báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận phản hồi.

f. Các nội dung cần xin ý kiến của BKS, BKS phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Người điều hành Công ty

1. Phối hợp hoạt động chung giữa HĐQT, Giám đốc và Người điều hành khác:

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo; biên bản cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên HĐQT (trong trường hợp Giám đốc cùng tham dự họp hoặc có nội dung cần thông báo đến Giám đốc để phục vụ mục đích công việc);

b. Trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, Giám đốc vẫn có quyền dự họp các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận góp ý kiến, nhưng không được quyền biểu quyết.

c. Thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Ban giám đốc chủ trì. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

d. Trong các vấn đề quan trọng của Công ty như tham gia khảo sát, mở rộng thị trường trong và ngoài nước hoặc đàm phán, ký các hợp đồng vượt quá quyền hạn của Giám đốc, Chủ tịch HĐQT có quyền đề cử Giám đốc tham dự với tư cách là tư vấn cho Chủ tịch HĐQT.

e. Đối với các cuộc họp mời Công ty tham dự, trừ những trường hợp mời đích danh thì tùy theo tính chất cuộc họp để phân công cụ thể như sau:

– Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT và Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cá nhân, bộ phận liên quan (nếu cần thiết)

– Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách trước mắt hoặc điều hành thì Giám đốc hoặc Phó Giám đốc không tham dự thì thành viên khác của HĐQT tham dự sau đó thông báo lại Chủ tịch HĐQT và Giám đốc.

– Các cuộc họp khác do Giám đốc quyết định cử người tham dự.

f. Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận. Riêng đối với nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn mười lăm (15) ngày;

g. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

h. Các nội dung khác cần ý kiến của Giám đốc, Giám đốc phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

2. Vấn đề thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

a. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể:

– Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện vấn đề khó khăn, không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên BKS Công ty.

– Trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT trái quy định pháp luật, trái Điều lệ Công ty thì Giám đốc báo cáo lên HĐQT, nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc có quyền không thực hiện và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty. Tùy theo yêu cầu về thời gian, tính chất vụ việc cụ thể, Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông để xử lý hoặc báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

– Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố ...).

– Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc: Trên cơ sở báo của Giám đốc theo quy định tại Điều này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Giám đốc, HĐQT tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc. Việc kiểm điểm được lập thành biên bản và được các thành viên HĐQT thống nhất thông qua.

b. Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty. Hàng tháng, Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo nhanh cho HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên HĐQT kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

Điều 45. Việc tiếp cận thông tin

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Người điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu cung cấp trước ít nhất 24 giờ. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

2. Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

a. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

– Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;

– Biên bản, Nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông;

– Báo cáo của Giám đốc hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành;

- Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành, hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính;
 - Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
 - Tài liệu khác liên quan.
- b. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ.

Điều 46. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát

1. Trong các cuộc họp của BKS: BKS có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc có thể yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
2. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả kiểm tra trên, BKS cần bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
3. Trong quá trình thực hiện kiểm tra giám sát của mình, nếu BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả. BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ, đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS

1. Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
3. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
4. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:
 - a. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT
 - Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT.
 - Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
 - b. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.
- Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.
- c. Những vấn đề Ban kiểm soát tham khảo ý kiến HĐQT:
 - Vấn đề chọn công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của BKS.
 - Đề xuất của BKS về số lượng thành viên BKS.
 - Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên ĐHĐCĐ.

Chương VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 48. Đánh giá hoạt động

1. HĐQT căn cứ kết quả thực hiện định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm để đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc và Người điều hành khác.
2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả sản xuất kinh doanh và các quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
3. Việc đánh giá hoạt động của thành viên BKS được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
4. Việc đánh giá hoạt động của Người điều hành thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của Người điều hành này.

Điều 49. Khen thưởng và kỷ luật

1. Đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, căn cứ vào đánh giá hoạt động trên, HĐQT, BKS xem xét khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền và hình thức tương ứng do HĐQT, BKS quy định.
2. Đối với Giám đốc và Người điều hành khác, việc khen thưởng, kỷ luật được thực hiện theo thẩm quyền và hình thức tương ứng quy định tại quy chế nội bộ của Công ty.

Chương IX

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Khi cần thiết Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác hỗ trợ hoạt động Công ty nếu thấy cần thiết. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, nhiệm kỳ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 51. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban

- Thành viên của tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách;
- Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định và cân nhắc tại từng thời điểm phù hợp với nhu cầu thực tế, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

– Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên còn lại trong Tiểu ban không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Các bên liên quan khác, nhất là các cán bộ quản lý, những người không phải là thành viên của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT, có thể được mời dự bàn về các vấn đề cụ thể nào đó, nhưng chỉ có tư cách quan sát và không có quyền can thiệp hoặc quyết định đối với các vấn đề dự bàn.

Điều 52. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

1. Trong quá trình thực hiện quyền được ủy thác, thành viên phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị;
2. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương X

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY, THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 53. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
2. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
11. Người phụ trách quản trị công ty được hưởng thù lao nếu kiêm nhiệm. Mức thù lao do Hội đồng quản trị xem xét quyết định và được tính vào chi phí của Công ty.

Điều 55. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm

Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 57. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty quản

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 58. Thư ký Công ty

1. HĐQT có thể cử 1 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có kiến thức về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp HĐQT và ĐHĐCĐ; ghi chép các biên bản họp;
- Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- Thực hiện những công tác khác theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Thư ký Công ty được hưởng thù lao nếu kiêm nhiệm. Mức thù lao do HĐQT xem xét quyết định và được tính vào chi phí của Công ty.

Chương XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 59. Công khai lợi ích có liên quan

1. Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích và Người có liên quan theo quy định sau đây:

a. Gửi danh sách những Người có liên quan theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 3 Quy chế này và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

b. Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan với Công ty, bao gồm:

– Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ sở hữu hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

– Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

c. Việc kê khai quy định tại điểm b Khoản này được thực hiện khi được đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS hoặc khi được đề bạt, bổ nhiệm Người điều hành, người quản lý doanh nghiệp; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

2. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục và sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người điều hành, người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc.

Điều 60. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 61. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người điều hành Công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản

trị đã thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người điều hành Công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành, người quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 62. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XII

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 63. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty phải công bố kịp thời, chính xác và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 64. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và công bố thông tin trong trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 65. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Chương XIII

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến Quy chế nội bộ về quản trị Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị Công ty.

Điều 67. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 13 chương 67 điều được Đại hội đồng cổ đông nhất trí theo Nghị quyết số ... ngày ... tháng ... năm ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định ban hành.
3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục của Quy chế nội bộ về quản trị công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN THỊ NGỌC LUYẾN

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p><u>Căn cứ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</u> - <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;</u> - <u>Nghi định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u> - <u>Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u> - <u>Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa;</u> - <u>Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ... ngày... tháng... năm...</u> <p><u>Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa bao gồm các nội dung sau:</u></p>	<i>Bổ sung theo ý kiến DN.</i>
Điều 1.	Điều 1. Phạm vi và mục đích ban hành	Điều 1. Phạm vi <u>điều chỉnh, đối tượng áp dụng</u> và mục đích ban hành	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 1 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p><i>BTC ngày 31/12/2020</i> <i>Hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“TT 116/2020/TT-BTC”).</i></p>
	<p>1. Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa là hệ thống các nguyên tắc cho toàn bộ các hoạt động quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa, được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các văn bản hướng dẫn.</p>	<p>1. Quy chế <u>nội bộ về quản trị công ty</u> của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa là hệ thống các nguyên tắc cho toàn bộ các hoạt động quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa, được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các văn bản hướng dẫn.</p>	<p><i>Sửa đổi tên Quy chế phù hợp TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>3. Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp Điều 1 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>3. Quy chế này được áp dụng đối với Công ty Cổ phần Cấp</u></p>	<p><u>4. Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị,</u></p>	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>nước Tân Hòa.</u>	<u>Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.</u>	
<p>Điều 2. Các nguyên tắc quản trị</p>	<p>1. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Đảm bảo một</u> cơ cấu quản trị hợp lý; <p>Chưa có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Đảm bảo</u> quyền lợi của cổ đông; - <u>Đối xử công bằng</u> giữa các cổ đông; <p>Chưa có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Đảm bảo vai trò của những người có</u> quyền lợi liên quan đến Công ty; - Minh bạch trong hoạt động của Công ty; - <u>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.</u> 	<p>1. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;</u> - <u>Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;</u> - <u>Bảo đảm</u> quyền lợi của cổ đông, <u>đối xử bình đẳng</u> giữa các cổ đông; - <u>Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty;</u> - <u>Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;</u> - <u>Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch</u> trong hoạt động của Công ty; <u>bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng;</u> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 40 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019 (“LCK 2019”).</i></p>
	<u>3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định Nghị</u>	Hủy bỏ.	<i>Nghị định số 71/2017/NĐ-CP</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>định 71/2017/NĐ-CP thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.</u>		<i>đã hết hiệu lực.</i>
Điều 3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	1. Trong Quy chế này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: c. “Cổ đông lớn” là <u>tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.</u>	1. Trong Quy chế này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: c. “Cổ đông lớn” là <u>cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 18 Điều 4 LCK 2019.</i>
	d. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định <u>trong khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;</u>	d. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định <u>tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm i khoản 1 Điều 1 TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và <u>các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</u>	e. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và <u>những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 56 Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“NĐ 155/2020/NĐ-CP”).</i>
	f. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện <u>sau:</u> - <u>Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người nắm giữ vị trí quản lý khác trong công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</u> - <u>Không phải là thành viên Hội</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp thực tế DN – không có thành viên HĐQT độc lập.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty Cổ Phần Cấp nước Tân Hòa nắm quyền kiểm soát;</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không phải là cổ đông lớn hoặc là người đại diện của cổ đông lớn hoặc là người có liên quan đến cổ đông lớn của Công ty;</u> - <u>Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;</u> - <u>Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.</u> 		
	<p><u>h. “Người điều hành Công ty” theo Quy chế này được hiểu là Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</u></p>	<p><u>g. “Người điều hành Công ty” theo Quy chế này được hiểu là Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</u></p>	<p><i>Sửa đổi linh hoạt theo hướng dẫn chiếu đến Điều lệ công ty.</i></p>
	<p><u>i. Người phụ trách quản trị Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;</u></p>	<p><u>h. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;</u></p>	<p><i>Sửa đổi văn bản tham chiếu phù hợp thực tế.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>i. “Hệ thống trực tuyến” là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.</u></p>	<p><i>Bổ sung quy định về ĐHCĐ trực tuyến.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>j. “Bỏ phiếu điện tử” là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của</u></p>	<p><i>Bổ sung quy định về</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<u>cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc tại đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.</u>	<i>ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
	Chưa có.	k. <u>“Bỏ phiếu truyền thống” là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Công ty hoặc theo các hình thức khác được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật mà không phải hình thức bỏ phiếu điện tử.</u>	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
	Chưa có.	3. <u>Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.</u>	<i>Bổ sung để dự phòng các trường hợp thuật ngữ chưa được định nghĩa.</i>
CHƯƠNG II	CHƯƠNG II. <u>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm a</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>2. Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p>	<p><i>khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 4.</p>	<p><u>Điều 4.</u> Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</p>	<p><u>Điều 5.</u> Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ <u>và lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp điểm b khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	<p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	
<p>Điều 5.</p>	<p><u>Điều 5.</u> Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</p>	<p><u>Điều 6.</u> Thông báo triệu tập, <u>chương trình họp ĐHĐCĐ</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp điểm đ khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công</p>	<p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức <u>đề</u> bảo đảm <u>đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</u>, đồng thời công bố</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, <u>được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</u>).</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>trên <u>Hệ thống trực tuyến (trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử)</u>, trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>hai mươi một (21) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>d. <u>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p>	<p>ngày 17/06/2020 (“LDN 2020”).</p> <p><i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 143 LDN 2020.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 143 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục gửi kiến nghị, chấp nhận hoặc từ chối kiến nghị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 142 LDN 2020, điểm đ khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 6.	<u>Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm e khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>DHĐCĐ có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức tùy theo quyết định của người triệu tập Đại hội. Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo các quy định sau đây:</u>	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
	Chưa có.	1. Trước ngày khai mạc cuộc họp <u>DHĐCĐ:</u> <u>Để chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức Đại hội, Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự cuộc họp theo các cách sau: chuyên tận tay, gửi theo đường bưu điện, fax, gửi thư điện tử giấy đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự họp hoặc điện thoại xác nhận về trụ sở chính của Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc hoặc đăng ký trực</u>	<i>Bổ sung theo logic xây dựng quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<u>tuyên (nếu có) theo cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp.</u>	
	<p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p><u>1.</u> Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p><u>2.</u> Khi đến tham dự Đại hội, cổ đông/ người được ủy quyền có nghĩa vụ sau:</p> <p><u>a.</u> Xuất trình bản chính giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;</p> <p><u>b.</u> Nộp bản chính Giấy ủy quyền theo mẫu Công ty đối với trường hợp người được ủy quyền dự họp.</p> <p><u>3.</u> Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết các tài liệu sau:</p> <p><u>a.</u> Một (01) Thẻ biểu quyết có đóng dấu Công ty. Trên Thẻ biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số <u>quyền</u> biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức Giơ thẻ.</p>	<p><u>2. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ:</u></p> <p>Công ty có trách nhiệm tổ chức đăng ký cổ đông vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định sau đây:</p> <p><u>a. Đối với Đại hội truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. - Khi đến tham dự Đại hội, cổ đông/ người được ủy quyền có nghĩa vụ sau: <ul style="list-style-type: none"> • Xuất trình bản chính giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; • Nộp bản chính Giấy ủy quyền đối với trường hợp người được ủy quyền dự họp. - Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> • Một (01) Thẻ biểu quyết có đóng dấu Công ty. Trên Thẻ biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông <u>hoặc</u> họ và tên đại diện được ủy quyền và số <u>phiếu</u> biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức Giơ thẻ. 	<p><i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i></p> <p><i>Khoản 2 Điều 16 LDN 2020 đã không còn yêu cầu <u>GUQ</u> phải theo mẫu của Công ty.</i></p> <p><i>Sửa đổi để thuận tiện hơn cho việc thực hiện của DN.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>b. Một (01) Phiếu biểu quyết có đóng dấu Công ty. Trên Phiếu biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số <u>quyền</u> biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua bằng hình thức Bỏ phiếu kín.</p> <p>c. Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS có đóng dấu Công ty trong trường hợp ĐHĐCĐ có bầu thành viên HĐQT, BKS.</p> <p>Chưa có.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Một (01) Phiếu biểu quyết có đóng dấu Công ty. Trên Phiếu biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số <u>phiếu</u> biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết được cổ đông sử dụng để biểu quyết những nội dung cần thông qua bằng hình thức Bỏ phiếu kín. Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS có đóng dấu Công ty trong trường hợp ĐHĐCĐ có bầu thành viên HĐQT, BKS. <p>b. Đối với Đại hội trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua Hệ thống trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp. Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự. Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Quy chế này và có nghĩa vụ: <ul style="list-style-type: none"> Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác 	<p><i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p><u>(nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.</u> • <u>Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.</u> <p>c. <u>Đối với Đại hội tổ chức kết hợp các hình thức quy định tại điểm a và b khoản này:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Các cổ đông đến dự họp trực tiếp tại Đại hội sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này.</u> - <u>Các cổ đông chỉ dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này.</u> 	<p><i>Bổ sung quy định về DHDCĐ trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>- <u>Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến nhưng vẫn đến dự họp/ủy quyền dự họp trực tiếp thì Công ty tổ chức đăng ký cổ đông như quy định đối với cổ đông đến dự họp trực tiếp.</u></p>	
	<p>Chưa có.</p>	<p>3. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ:</p> <p><u>Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định Điều 16 của Điều lệ và pháp luật.</u></p> <p>a. Đối với ủy quyền dự họp Đại hội truyền thống:</p> <p>- <u>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p>- <u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u></p> <p>b. Đối với ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến trên Hệ thống trực tuyến:</p> <p><u>Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến theo các quy định sau đây:</u></p>	<p><i>Bổ sung cơ sở quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến và phù hợp với khoản 2 Điều 144 LDN 2020, khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>- Phải có/nộp Giấy ủy quyền hợp lệ trước khi dự họp;</p> <p>Hình thức ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này hoặc hình thức khác do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.</p>	
	Chưa có.	<p><u>Điều 8. Điều kiện tiến hành, hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>1. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo các điều kiện quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung phù hợp điểm h, i, m khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
Điều 7.	<u>Điều 7. Cách thức bỏ phiếu</u>	<u>Điều 9. Cách thức bỏ phiếu</u>	<p>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo quy chế.</p>
	Chưa có.	<p><u>1. Cách thức biểu quyết:</u></p> <p><u>Đối với mỗi hình thức tổ chức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết:</u></p> <p>a. Bỏ phiếu truyền thống: bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội hoặc ủy quyền cho một người khác hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa</p>	<p>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>(gửi thư, fax, thư điện tử);</p> <p><u>b. Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.</u></p> <p><u>Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ...).</u></p>	
	<p>Chưa có.</p> <p><u>1. Biểu quyết bằng cách giơ thẻ:</u></p> <p>...</p> <p>- Cách thực hiện: Cổ đông hoặc người được ủy quyền Giơ thẻ để biểu quyết Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến với những nội dung biểu quyết khi Ban Tổ chức hoặc Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết.</p> <p>- Nội dung được thông qua khi tỷ lệ biểu quyết đạt <u>đa số quá bán</u>.</p> <p><u>2. Bỏ phiếu kín (sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban tổ chức cấp):</u></p> <p>...</p>	<p><u>2. Biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ</u></p> <p><u>a. Biểu quyết truyền thống đối với cổ đông đến/ủy quyền dự họp trực tiếp:</u></p> <p>- Biểu quyết bằng cách giơ thẻ:</p> <p>...</p> <p>• Cách thực hiện: Cổ đông hoặc người được ủy quyền Giơ thẻ để biểu quyết Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến với những nội dung biểu quyết khi Ban Tổ chức hoặc Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết.</p> <p>• Nội dung được thông qua khi tỷ lệ biểu quyết đạt <u>các tỷ lệ theo quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.</u></p> <p>- Bỏ phiếu kín (sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban tổ chức cấp):</p> <p>...</p>	<p><i>Cơ cấu lại điều khoản và bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 146 LDN 2020.</i></p> <p><i>Sửa lại nội dung này theo hướng dẫn chiếu đến Điều lệ công ty. Tùy theo vấn đề được thông qua, DN sẽ tuân thủ các tỷ lệ tương ứng.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>- Cách thực hiện: Cổ đông hoặc người được ủy quyền thực hiện biểu quyết đối với các vấn đề ghi trên Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu vào một trong các ô tương ứng: <u>Đồng ý</u>, <u>Không đồng ý</u>, <u>Không có ý kiến</u>. Cổ đông lựa chọn phương án nào thì đánh dấu vào ô đó.</p> <p>- Bỏ phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS:</p> <p>Cách thức bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo <u>Điều 16, Điều 29</u> Quy chế này và theo Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, BKS được ĐHCĐ thông qua.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>• Cách thực hiện: Cổ đông hoặc người được ủy quyền thực hiện biểu quyết đối với các vấn đề ghi trên Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu vào một trong các ô tương ứng: <u>Tán thành</u>, <u>Không tán thành</u>, <u>Không có ý kiến</u>. Cổ đông lựa chọn phương án nào thì đánh dấu vào ô đó.</p> <p>- Bỏ phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS:</p> <p>Cách thức bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo <u>Điều 18, Điều 34</u> Quy chế này và theo Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, BKS được ĐHCĐ thông qua.</p> <p><u>b. Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:</u></p> <p>- <u>Mỗi cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến; chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết <u>tán thành</u>, <u>không tán thành</u>, <u>không có ý kiến</u> đối với từng nội dung được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp đã được cài đặt trên hệ thống điện tử, sau đó, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả; đối với nội dung bầu cử, cổ đông thực hiện bầu cử tại mục Bầu cử theo phương thức quy định tương tự như bầu cử trực tiếp. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.</u></p> <p><u>Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 146 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ thống trực tuyến như sau:</u> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến.</u> • <u>Đối với nội dung bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát: thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến theo phương thức quy định tương tự như bầu cử trực tiếp.</u> - <u>Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội đồng cổ đông. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.</u> - <u>Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.</u> - <u>Việc bỏ phiếu điện tử có thể</u> 	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p><u>thực hiện trước khi Đại hội đồng cổ đông diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>- <u>Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.</u></p> <p>- <u>Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế này.</u></p> <p><u>c. Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thống sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.</u></p>	
Điều 8.	<p><u>Điều 8. Cách thức kiểm phiếu</u></p> <p><u>4. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số Thẻ biểu quyết tán thành được thu trước, số Thẻ biểu quyết phản đối được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo sau khi tiến hành biểu quyết. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị</u></p>	<p><u>Điều 10. Cách thức kiểm phiếu</u></p> <p>4. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp phạm vi điều chỉnh của điều khoản (quy định về kiểm phiếu, không quy định về cách thức biểu quyết).</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	của Chủ tọa cuộc họp.		
	Chưa có.	5. Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 149 LDN 2020</i>
	Chưa có.	6. Việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu được thực hiện như sau: a. Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu và/hoặc Biên bản bầu cử. b. Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả biểu quyết bỏ phiếu điện tử.	<i>Bổ sung quy định về DHCĐ trực tuyến.</i>
Điều 9.	<u>Điều 9. Thông qua</u> kết quả kiểm phiếu	<u>Điều 11. Thông báo</u> kết quả kiểm phiếu	<i>Sửa đổi phù hợp điểm n khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ, đồng thời báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch và có thể gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</u>	<i>Bổ sung quy định về thông báo kết quả kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, phù hợp khoản 6 Điều 149 LDN 2020.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>Điều 10.</p>	<p>Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 12. Cách thức phản đối <u>nghị quyết</u>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 151 LDN 2020.</i></p>
	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng</u> theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p><u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết hoặc</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 151 LDN 2020.</i></p>
<p>Điều 11.</p>	<p>Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và</p>	<p><i>Sửa đổi cụm từ chính xác hơn.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số <u>phiếu bầu</u> tương ứng;</p> <p>4. <u>Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u></p>	<p>có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số <u>phiếu biểu quyết</u> tương ứng;</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC không còn ghi nhận nội dung này.</i></p>
<p>Điều 13.</p>	<p><u>Điều 13.</u> ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <u>khi</u> xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 <u>Điều 143</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo <u>quyết</u></p>	<p><u>Điều 15.</u> ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <u>bất cứ lúc nào nếu</u> xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 <u>Điều 147</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo <u>nghị quyết</u> và tài</p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 149 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>định</u> và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <u>ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận</u> phiếu lấy ý kiến;</p>	<p>liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức <u>đề</u> bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <u>chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại</u> phiếu lấy ý kiến;</p>	
	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>c. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số <u>quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và <u>người đại diện theo pháp luật của công ty</u>.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>c. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, số <u>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số <u>giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính <u>đối với cổ đông là tổ chức</u> hoặc họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, số <u>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện</u> của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến <u>đối với từng vấn đề lấy ý kiến</u>;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p><u>Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 149 LDN 2020.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về DHĐCĐ trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<u>hoặc hình thức điện tử khác, nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không bao gồm điểm g khoản này.</u>	
	4. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u>	Hủy bỏ.	<i>Đã quy định ở khoản 4 dự thảo Điều này.</i>
	<p>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến</p>	<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư: <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>c. <u>Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, <u>bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 149 LDN 2020, điểm a khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về DHDCĐ trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p> <p><u>6.</u> Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>e. <u>Các</u> vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của công ty</u>, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p><u>9.</u> Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u>khác</u> là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p> <p><u>5.</u> Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, <u>giám sát</u> của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số <u>phiếu</u> biểu quyết không hợp lệ <u>và phương thức gửi phiếu biểu quyết</u>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>e. Vấn đề đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p><u>8.</u> Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp điểm c, đ, e khoản 5 Điều 149 LDN 2020.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 148 LDN 2020</i></p>
Điều 14.	<u>Điều 14.</u> Thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 16.</u> Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp điểm a, b khoản</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	1. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.	2 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 15.	<p>Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên HĐQT</p> <p>1. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần <u>có quyền biểu quyết</u> trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên HĐQT cần đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ. Hồ sơ ứng viên phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, gồm có:</p> <p>b. Lý lịch của người ứng cử/đề cử: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua, chức vụ và nghề nghiệp hiện tại, số lượng tham gia thành viên hội đồng quản trị của các công ty khác, các lợi ích có liên quan đến Công ty và các thông tin khác (nếu có);</p> <p>c. Văn bản cam kết về tính trung</p>	<p>Điều 17. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên HĐQT</p> <p>1. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần <u>phổ thông</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên HĐQT cần đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này. <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên</u>, việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ. Hồ sơ ứng viên phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, gồm có:</p> <p>b. Lý lịch của người ứng cử/đề cử: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua, chức vụ và nghề nghiệp hiện tại, số lượng tham gia thành viên hội đồng quản trị của các công ty khác, <u>các chức danh quản lý khác tại Công ty và công ty khác</u>, các lợi ích có liên quan đến Công ty và các thông tin khác (nếu có);</p> <p>c. Văn bản cam kết về tính trung</p>	<p>Khoản 5 Điều 115 LDN 2020 đã không còn quy định về thời hạn nắm giữ tối thiểu.</p> <p>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Quy chế.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, khoản 1 Điều 274 NB 155/2020/NĐ-CP.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>thực, chính xác và <u>hợp lý</u> của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.</p>	<p>thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực, <u>cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.</u></p>	
	<p>3. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày <u>triệu tập</u> họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.</p>	<p>3. Thông tin liên quan đến các ứng <u>cử</u> viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng <u>cử</u> viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày <u>khai mạc</u> cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 274 ND 155/2020/NĐ-CP.</i></p>
	<p>4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể <u>đề cử</u> thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế <u>được Công ty quy định</u>. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và <u>phải được</u> Đại hội đồng cổ đông <u>thông qua trước khi tiến hành đề cử</u> theo quy định pháp luật.</p>	<p>4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể <u>giới thiệu</u> thêm ứng cử viên <u>đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT</u> hoặc tổ chức <u>cho cổ đông khác</u> đề cử <u>ứng viên và HĐQT đánh giá lại hoặc</u> theo cơ chế <u>khác</u> quy định <u>tại Quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</u>. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu <u>thêm ứng cử viên</u> Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>trước khi</u> Đại hội đồng cổ đông <u>biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị</u> theo quy định pháp luật.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 274 ND 155/2020/NĐ-CP, khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 16.</p>	<p><u>Điều 16. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p>1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của</p>	<p><u>Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p>1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 148 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên mà mình lựa chọn.</p> <p>2. Trong trường hợp <u>chỉ có bầu bổ sung một thành viên HĐQT và chỉ có một ứng cử viên ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT; hoặc trong trường hợp quy định thành viên HĐQT do HĐQT bổ nhiệm tạm thời tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty</u> thì ĐHĐCĐ có thể thực hiện <u>bầu dồn phiếu hoặc</u> theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.</p>	<p>đông có quyền dồn hết <u>hoặc một phần</u> tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên mà mình lựa chọn.</p> <p>2. Trong trường hợp <u>số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu</u> thì ĐHĐCĐ có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.</p>	<p><i>Sửa đổi để bao quát trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên HĐQT cần bầu để linh hoạt cho DN.</i></p> <p><i>Bổ nội dung quy định về bầu tạm thời TV HĐQT phù hợp Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC - không còn quy định về việc này.</i></p>
Điều 17.	<p><u>Điều 17. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT</u></p> <p>1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty.</p>	<p><u>Điều 19. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT</u></p> <p>1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán</u>, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, <u>Luật Chứng khoán</u>, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty <u>và các nghĩa vụ sau:</u></p>	<p><i>Bổ sung đầy đủ văn bản quy định về quyền của thành viên HĐQT.</i></p> <p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 41 LCK 2019; khoản 2 Điều 277 ND 155/2020/NĐ-</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi hợp pháp của cổ đông và của Công ty.</u></p> <p><u>4. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.</u></p> <p><u>5. Thành viên HĐQT có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.</u></p> <p><u>6. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.</u></p> <p><u>b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.</u></p> <p><u>c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.</u></p> <p>Hủy bỏ.</p> <p><u>d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</u></p> <p><u>e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p><i>CP.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 18.	<u>Điều 18.</u> Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	<u>Điều 20. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm h khoản 2 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 Điều lệ Công ty.	
	<p>Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp quy định tại <u>Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty</u>:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; 2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; 3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; 4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 5. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 	<p>2. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp quy định tại <u>Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty</u>. Ngoài ra, thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong trường hợp thành viên HĐQT là đại diện vốn góp của pháp nhân và pháp nhân có văn bản thay đổi người đại diện vốn góp (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác).</p> <p>Hủy bỏ 1 → 7.</p>	<p><i>Sửa đổi theo hướng tham chiếu đến Điều lệ công ty, không liệt kê lại các trường hợp chấm dứt tư cách TV HĐQT. Ngoài ra, bổ sung 1 trường hợp để phù hợp đặc thù DN.</i></p> <p><i>=> DN có thể bỏ nội dung bổ sung (“Ngoài ra, ... lý do khác”) nếu không muốn ghi nhận nội dung này.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>6. <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>7. <u>Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện vốn góp của pháp nhân khi có văn bản thay đổi người đại diện vốn góp (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Hội đồng thành viên mặc nhiên được miễn nhiệm và chính thức được bãi nhiệm tại đại hội cổ đông gần ngay sau đó.</u></p>		
<p>Điều 19.</p>	<p><u>Điều 19.</u> Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán.</p>	<p><u>Điều 21.</u> Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>thay thế</u> thành viên HĐQT</p> <p>Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>thay thế</u> thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán.</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 160 LDN 2020.</i></p>
<p>Điều 20.</p>	<p><u>Điều 20.</u> Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Các ứng viên HĐQT phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.</p>	<p><u>Điều 22.</u> Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên HĐQT tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Các ứng viên HĐQT phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực <u>cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty</u> nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 274 NB 155/2020/NĐ-CP, khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm <u>các nội dung tối thiểu sau đây:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; 2. <u>Trình độ học vấn;</u> 3. <u>Trình độ chuyên môn;</u> 4. <u>Quá trình công tác;</u> 5. <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;</u> 6. <u>Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u> 7. <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u> 8. <u>Các thông tin khác (nếu có).</u> 	<p>HĐQT được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; <p>Hủy bỏ.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. <u>Trình độ chuyên môn;</u> 3. <u>Quá trình công tác;</u> 4. <u>Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</u> 5. <u>Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</u> <p>Hủy bỏ.</p> <ol style="list-style-type: none"> 6. <u>Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại quy chế bầu cử.</u> 	
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Chương IV</p>	<p>Chương IV HỢP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Chưa có.</p>	<p>Chương IV HỢP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p><u>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.	BTC.
	Chưa có.	<p><u>Điều 24. Cuộc họp HĐQT</u></p> <p>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác; 2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát. 4. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị. 	<p>Bổ sung phù hợp điểm a, b khoản 4 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
Điều 21.	<p><u>Điều 21: Thông báo họp HĐQT</u></p> <p>1. Thông báo mời họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>2. Thông báo lấy ý kiến HĐQT</p>	<p><u>Điều 25: Thông báo họp HĐQT</u></p> <p>1. Thông báo mời họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>2. Thông báo lấy ý kiến HĐQT</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 157 LDN 2020; khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>bằng văn bản được gửi kèm Phiếu lấy ý kiến biểu quyết và tài liệu giải trình đến các thành viên HĐQT ít nhất trước <u>05 ngày</u> lấy biểu quyết.</p> <p>3. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác</u>, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>bằng văn bản được gửi kèm Phiếu lấy ý kiến biểu quyết và tài liệu giải trình đến các thành viên HĐQT ít nhất trước <u>03 ngày</u> làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến biểu quyết.</p> <p>3. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác</u>, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ <u>liên lạc</u> của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	
Điều 22.	<u>Điều 22.</u> Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	<u>Điều 26.</u> Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	
	<p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị <u>lần thứ nhất chỉ</u> được tiến hành <u>các quyết định</u> khi có <u>ít nhất</u> ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị <u>có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền)</u>.</p> <p>2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập <u>lại</u> trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <u>lại</u> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có <u>từ</u> ba phần tư (3/4) <u>tổng</u> số thành viên Hội đồng quản trị <u>dự họp</u>.</p> <p>2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập <u>lần thứ hai</u> trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <u>lần thứ hai</u> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>3. Thành viên <u>phải</u> tham dự <u>đầy đủ</u> các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được <u>ủy quyền</u> cho người khác dự họp và <u>biểu quyết</u> nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị <u>chấp thuận</u>.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 8 Điều 157 LDN 2020; khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 157 LDN 2020; khoản 5 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 11 Điều 157 LDN 2020; khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</i></p>
Điều 23.	<u>Điều 23.</u> Cách thức biểu quyết	<u>Điều 27.</u> Cách thức biểu quyết	
	Chưa có.	<p><u>1.</u> Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và <u>biểu</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 9</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: việc biểu quyết có thể thực hiện bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng cách giơ tay theo thống nhất của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b. <u>Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp;</u></p> <p>c. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p>d. <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</u></p> <p>e. <u>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</u></p>	<p><i>Điều 157 LDN 2020.</i></p> <p><i>Bổ sung hình thức biểu quyết giơ tay theo ý kiến DN để mở rộng cách thức biểu quyết trong họp HĐQT.</i></p>
	<p><u>1. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều 23 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.</u></p>	<p><u>2. Trừ quy định tại Khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.</u></p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Quy chế.</i></p>
	<p><u>3. Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát</u></p>	<p><u>4. Theo quy định tại Khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh</u></p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. ...	trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. ...	<i>chiếu phù hợp dự thảo Quy chế.</i>
	4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	5. Kiểm soát viên có quyền tham dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.	6. Kiểm soát viên có quyền tham dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 157 LDN 2020.</i>
Điều 24.	<u>Điều 24:</u> Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	<u>Điều 28:</u> Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	
	1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 12 Điều 157 LDN 2020. (Lưu ý cập nhật nếu tỷ lệ này tại dự thảo Điều lệ có thay đổi)</i>
Điều 25.	<u>Điều 25.</u> Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị	<u>Điều 29.</u> Biên bản họp Hội đồng quản trị	
	1. <u>Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các</u>	1. <u>Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng nước</u>	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp điểm k khoản 4 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</u></p> <p>2. Đối với trường hợp lấy ý kiến HĐQT bằng phiếu biểu quyết thì thư ký Công ty và một thành viên BKS do Trưởng BKS cử có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và ký tên vào Biên bản.</p>	<p><u>ngoài) và phải có chữ ký của Chủ toạ và người ghi biên bản. Trường hợp chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ toạ, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</u></p> <p>2. Đối với trường hợp lấy ý kiến HĐQT bằng phiếu biểu quyết thì thư ký Công ty và một thành viên BKS do Trưởng BKS cử có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và ký tên vào Biên bản.</p>	<p><i>về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự.</i></p> <p><i>Nội dung tại khoản 2 DN có thể xem xét giữ hoặc sửa đổi (theo hướng chỉ cần HĐQT tự thực hiện kiểm phiếu).</i></p> <p><i>=> Giữ nguyên theo ý kiến DN.</i></p>
Điều 26.	<p><u>Điều 26. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị</u></p> <p>Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan <u>theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p>	<p><u>Điều 30. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị</u></p> <p>Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các <u>thành viên và các bên có liên quan đến nội dung đã được thông qua tại cuộc họp để thực hiện.</u></p>	<p><i>Sửa đổi cụ thể điều khoản (không dẫn chiếu vì Điều lệ công ty không có quy định này).</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p><u>Điều 31. Hoat động giúp việc cho Hội đồng quản trị</u></p> <p><u>Giúp việc cho Hội đồng quản trị gồm các Phòng – Đội chuyên môn của Công ty, giao Phòng Tổ chức hành chính làm đầu mỗi thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <u>1. Giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc xây dựng, theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u> <u>2. Dự thảo, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cung cấp cho các thành viên để phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc chuẩn bị văn bản lấy ý kiến/dự thảo nghị quyết xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u> <u>3. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu do Giám đốc Công ty trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến Hội đồng quản trị;</u> <u>4. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu của HĐQT; cung cấp và thông báo cho các bộ phận liên quan về các nghị quyết, văn bản của HĐQT.</u> <u>5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.</u> 	<i>Bổ sung theo ý kiến DN.</i>
CHƯƠNG V.	CHƯƠNG V. <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>	CHƯƠNG V. <u>BAN KIỂM SOÁT</u>	<i>Sửa đổi tên chương phù hợp Điều 4 Mẫu</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của người quản lý, người điều hành và hoạt động của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 4 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 27.	<u>Điều 27. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</u>	<u>Điều 32. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</u>	
	Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: ...</u>	Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: ...</u>	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</i>
Điều 28.	<u>Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên</u>	<u>Điều 33. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên</u>	
	1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 <u>Điều 35 Điều lệ Công ty.</u>	1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 <u>Điều 37 Điều lệ Công ty.</u>	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	2. <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, việc ứng cử, đề cử thành viên BKS phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ ứng viên phải được lập theo</u>	2. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Hồ sơ ứng viên phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, gồm có:	<i>Bổ sung để linh hoạt hơn cho việc thực hiện của DN.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>mẫu do Công ty quy định, gồm có:</p> <p>b. Lý lịch của người ứng cử/đề cử: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua, chức vụ và nghề nghiệp hiện tại, các lợi ích có liên quan đến Công ty và các thông tin khác (nếu có);</p> <p>c. Văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và <u>hợp lý</u> của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên BKS một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên BKS.</p>	<p>b. Lý lịch của người ứng cử/đề cử: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua, chức vụ và nghề nghiệp hiện tại, các lợi ích có liên quan đến Công ty và các thông tin khác (nếu có) <u>theo quy định tại Điều lệ công ty</u>;</p> <p>c. Văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên BKS một cách trung thực, <u>cân trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS</u>.</p>	<p><i>Bổ sung tham chiếu đến Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 274 ND 155/2020/ND-CP.</i></p>
	<p><u>3.</u> Thông tin liên quan đến các ứng viên BKS (trong trường hợp đã xác định được <u>trước</u> các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày <u>triệu tập</u> họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.</p>	<p><u>3.</u> Thông tin liên quan đến các ứng cử viên BKS (trong trường hợp đã xác định được các ứng cử viên) <u>phải</u> được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày <u>khai mạc cuộc</u> họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 274 ND 155/2020/ND-CP.</i></p>
	<p><u>4.</u> Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại <u>Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị này</u>. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và <u>phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</u>.</p>	<p><u>4.</u> Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại <u>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế bầu cử</u>. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm <u>giới thiệu thêm</u> ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng <u>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật</u>.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 274 ND 155/2020/ND-CP; khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 29.	Điều 29. Cách thức bầu Kiểm soát viên	Điều 34. Cách thức bầu Kiểm soát viên	
	<p>1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số <u>phiếu bầu</u> của mình cho một hoặc một số ứng viên mà mình lựa chọn. ...</p>	<p>1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết <u>hoặc một phần</u> tổng số <u>phiếu biểu quyết</u> của mình cho một hoặc một số ứng cử viên mà mình lựa chọn. ...</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 148 LDN 2020.</i></p>
	<p>2. Trong trường hợp <u>chỉ có bầu bổ sung một thành viên BKS và chỉ có một ứng cử viên ứng cử hoặc đề cử vào BKS</u>, ĐHĐCĐ có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.</p>	<p>2. Trong trường hợp <u>số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Ban kiểm soát cần bầu thì ĐHĐCĐ có thể thực hiện bầu bổ sung</u> theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.</p>	<p><i>Sửa để đồng bộ khoản 2 Điều 18 dự thảo Quy chế này và linh động hơn cho DN, bao quát trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên BKS cần bầu.</i></p>
Điều 30.	Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	
	<p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Luật doanh nghiệp</u>;</p> <p>b. <u>Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự</u>;</p> <p>c. <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường</u></p>	<p>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều lệ công ty và quy định pháp luật</u>;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 174 LDN 2020.</i></p> <p>Đối với quy định tại Điểm c: pháp luật không quy định. Tuy nhiên, Khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020 cho phép Công ty quy định các điều kiện miễn nhiệm thành</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>hợp bất khả kháng</u>;</p> <p>d. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>e. Thành viên Ban kiểm soát là <u>đại diện vốn góp của pháp nhân khi có văn bản thay đổi người đại diện vốn góp</u> (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban kiểm soát <u>mặc nhiên</u> được miễn nhiệm và chính thức được <u>bãi nhiệm</u> tại đại hội cổ đông gần ngay sau đó.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Thành viên Ban kiểm soát là <u>người do pháp nhân cử khi có văn bản thôi cử</u> (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban kiểm soát <u>được miễn nhiệm</u> tại đại hội đồng cổ đông gần ngay sau đó;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p>	<p><i>viên Ban Kiểm soát. Công ty đã bổ sung các điều kiện khác theo yêu cầu của doanh nghiệp (các điều kiện bổ sung được ghi nhận theo khoản 4 Điều 36 Điều lệ hiện hành của Công ty Tân Hòa). Do đó, Công ty bổ sung nội dung "Thành viên Ban Kiểm soát là người do pháp nhân cử khi có văn bản thôi cử (do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc lý do khác) thì chức danh thành viên Ban Kiểm soát được bãi nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông gần ngay sau đó" để phù hợp với mô hình thực tế và thuận tiện cho doanh nghiệp trong quản lý.</i></p>
	<p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>Chưa có.</p>	<p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 174 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>b.</u> Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p><u>c.</u> Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><u>d.</u> Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p>	<p><u>c.</u> Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, <u>Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>d.</u> Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><u>e.</u> Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, <u>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</u></p>	
Điều 32.	<p><u>Điều 32. Các tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty</u></p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty, HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng Người điều hành Công ty khi cần thiết. Tiêu chuẩn, số lượng Người điều hành Công ty <u>do HĐQT quyết định tùy theo từng thời điểm.</u> Người điều hành Công ty phải có <u>sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</u></p>	<p><u>Điều 37. Các tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty</u></p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty, HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng Người điều hành Công ty khi cần thiết. Tiêu chuẩn, số lượng Người điều hành Công ty <u>phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.</u> Người điều hành Công ty phải có <u>trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 33.	<p><u>Điều 33: Giám đốc Công ty</u></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>một người khác làm Giám đốc;</u> ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. <u>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác</u> của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm <u>và được nêu trong Báo cáo thường niên</u></p>	<p><u>Điều 38: Giám đốc Công ty</u></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>thuê người khác làm Giám đốc;</u> ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Tiền lương của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, khoản 1 Điều 162 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	của Công ty.		
	<p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được <u>tái</u> bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm <u>lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, khoản 2 Điều 162 LDN 2020.</i></p>
	<p>3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, kế hoạch kinh doanh và <u>kế hoạch đầu tư</u> của Công ty đã được <u>Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua</u>;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề <u>không cần phải có nghị quyết</u> của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. <u>Kiến nghị số lương và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định</u>;</p> <p>d. <u>Quyết định về cơ cấu tổ chức</u></p>	<p>3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. <u>Tổ chức</u> thực hiện các nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và <u>phương án đầu tư</u> của Công ty;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề <u>liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền</u> của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ phù hợp khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung điểm i, j, k theo ý kiến DN.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty (<u>trừ những thẩm quyền của HĐQT</u>) và thực hiện <u>bất cứ nhiệm vụ nào khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ hoặc nghị quyết của HĐQT.</u></p> <p>e. Giám đốc có quyền quyết định quyền hạn của từng thành viên Ban điều hành thông qua các văn bản quy định nội bộ (bao gồm về phân cấp quản lý và các quy định, tài liệu khác);</p> <p>f. <u>Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lương người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</u></p> <p>g. <u>Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</u></p> <p>h. <u>Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</u></p> <p>i. <u>Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và</u></p>	<p>c. Giám đốc có quyền quyết định quyền hạn của từng thành viên Ban điều hành thông qua các văn bản quy định nội bộ (bao gồm về phân cấp quản lý và các quy định, tài liệu khác);</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</u></p> <p><u>j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</u></p> <p><u>k. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</u></p> <p>Chưa có e → l.</p>	<p>Chuyển xuống quy định tại điểm i khoản này.</p> <p><u>d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</u></p> <p><u>e. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</u></p> <p><u>g. Tuyển dụng lao động;</u></p> <p><u>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p><u>i. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư;</u></p> <p><u>j. Châm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm.</u></p> <p><u>k. Tổ chức công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, 6 (sáu) tháng, hàng</u></p>	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>năm, công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo chung tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ của Công ty.</u></p> <p>1. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</u></p>	
	<p><u>4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</u></p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p><u>5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế.</u></p>	<p><u>4. Miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, Điều 162 LDN 2020.</i></p>
<p>Điều 34.</p>	<p><u>Điều 34. Việc bổ nhiệm Người điều hành khác</u></p> <p>Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác là các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và <u>thông lệ</u> quản lý công ty do Hội đồng quản trị <u>đề xuất tùy từng thời điểm</u>. Nhiệm kỳ của Người điều hành Công ty do HĐQT quy định cụ thể không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm</p>	<p><u>Điều 39. Việc bổ nhiệm Người điều hành khác</u></p> <p>Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác là các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và <u>quy chế</u> quản lý công ty do Hội đồng quản trị <u>quy định</u>. Nhiệm kỳ của Người điều hành Công ty do HĐQT quy định cụ thể không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	lại.		
Điều 35.	<p>Điều 35. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty</p> <p>Công ty ký hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty theo quy định của pháp luật lao động.</p>	<p>Điều 40. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty</p> <p>Công ty ký hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty theo quy định của pháp luật lao động và Điều lệ công ty.</p>	<p><i>Bổ sung đầy đủ quy định thực hiện.</i></p>
Điều 36.	<p>Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành Công ty</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành Công ty</p> <p>1. <u>Người điều hành Doanh nghiệp xin từ chức phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị. Đối với người điều hành là Phó Giám đốc và Kế toán trưởng thì phải gửi đơn thông qua Giám đốc để tham mưu, đề xuất cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành Doanh nghiệp đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm;</u></p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành Doanh nghiệp trong trường hợp sau:</u></p> <p>a. <u>Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;</u></p> <p>b. <u>Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</u></p> <p>c. <u>Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của công ty nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.</u></p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy</p>	<p><i>Bổ sung quy định về từ chức để thêm căn cứ thực hiện cho DN.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>Người điều hành Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.</u>	<u>định tại Điều lệ công ty, quy định nội bộ và hợp đồng lao động đã ký kết.</u>	
Điều 38.	<p><u>Điều 38: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS</u></p> <p>1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:</p> <p>a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi tài các thành viên HĐQT;</p> <p>b. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 43: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS</u></p> <p>1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:</p> <p>a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo; <u>biên bản cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</u> được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên HĐQT;</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm a.</p> <p>b. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Khi tiếp nhận các biên bản <u>kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của BKS, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan và khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của BKS theo quy định của Công ty.</u></p> <p>d. Trừ trường hợp Quy chế này có quy định khác, các nội dung cần xin ý kiến của HĐQT phải</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 171 LDN 2020.</i></p> <p><i>Sửa đổi nhằm đảm bảo tính nhất quán của điều khoản (chỉ quy định về mối quan hệ phối hợp giữa HĐQT và BKS).</i></p> <p><i>Bổ sung quy định nhằm đảm bảo tính phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS trong công tác giám sát của BKS.</i></p> <p><i>Chuyển lên từ khoản 2 Điều này, phù hợp</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p>	<p><u>được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc, HĐQT có trách nhiệm phản hồi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</u></p> <p>Chuyển xuống quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p><i>phạm vi điều chỉnh của khoản này (trách nhiệm của HĐQT).</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp phạm vi điều chỉnh của khoản này (trách nhiệm của HĐQT).</i></p>
	<p>2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:</p> <p>f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất 07 ngày làm việc, HĐQT có trách nhiệm phản hồi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.</p> <p>f. Các nội dung cần xin ý kiến của BKS, BKS phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp phạm vi điều chỉnh của khoản này (trách nhiệm của BKS).</i></p> <p><i>Chuyển xuống từ khoản 1 Điều này, phù hợp phạm vi điều chỉnh của khoản này (trách nhiệm của BKS).</i></p>
Điều 39.	<u>Điều 39.</u> Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Người điều hành Công ty	<u>Điều 44.</u> Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Người điều hành Công ty	
	<p>1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Giám đốc và Người điều hành khác:</p> <p>Chưa có a → e.</p>	<p>1. Phối hợp hoạt động <u>chung</u> giữa HĐQT, Giám đốc và Người điều hành khác:</p> <p>a. <u>Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo; biên bản cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên HĐQT (trong trường hợp Giám đốc cùng tham dự họp</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp điểm a khoản 1 Điều 6 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>hoặc có nội dung cần thông báo đến Giám đốc để phục vụ mục đích công việc);</u></p> <p><u>b. Trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, Giám đốc vẫn có quyền dự họp các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận góp ý kiến, nhưng không được quyền biểu quyết.</u></p> <p><u>c. Thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Ban giám đốc chủ trì. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.</u></p> <p><u>d. Trong các vấn đề quan trọng của Công ty như tham gia khảo sát, mở rộng thị trường trong và ngoài nước hoặc đàm phán, ký các hợp đồng vượt quá quyền hạn của Giám đốc, Chủ tịch HĐQT có quyền đề cử Giám đốc tham dự với tư cách là tư vấn cho Chủ tịch HĐQT.</u></p> <p><u>e. Đối với các cuộc họp mời Công ty tham dự, trừ những trường hợp mời đích danh thì tùy theo tính chất cuộc họp để phân công cụ thể như sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT và Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cá nhân, bộ phận liên quan (nếu cần thiết)</u> - <u>Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách trước mắt hoặc điều hành thì Giám đốc hoặc Phó Giám đốc không tham</u> 	<p><i>116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Chuyển lên từ điểm c khoản 2 Điều này của Quy chế hiện hành.</i></p> <p><i>Chuyển lên từ điểm d khoản 2 Điều này của Quy chế hiện hành.</i></p> <p><i>Chuyển lên từ điểm e khoản 2 Điều này của Quy chế hiện hành.</i></p> <p><i>Chuyển lên từ điểm f khoản 2 Điều này của Quy chế hiện hành.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>a. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty và gửi cho HĐQT trước ít nhất 24 giờ. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>b. Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận;</p> <p>Chưa có.</p> <p>c. Các nội dung khác cần ý kiến của Giám đốc, Giám đốc phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận</p>	<p><u>đư thì thành viên khác của HĐQT tham dự sau đó thông báo lại Chủ tịch HĐQT và Giám đốc.</u></p> <p>- <u>Các cuộc họp khác do Giám đốc quyết định cử người tham dự.</u></p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>f. Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận. Riêng đối với nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn mười lăm (15) ngày;</p> <p>g. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>h. Các nội dung khác cần ý kiến của Giám đốc, Giám đốc phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận</p>	<p><i>Chuyển xuống quy định tại khoản 1 Điều 45 dự thảo Quy chế này về việc tiếp cận thông tin.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 42 Quy chế hiện hành và khoản 2 Điều 167 LDN 2020.</i></p> <p><i>Chuyển lên từ khoản 4 Điều 42 Quy chế hiện hành, phù hợp với phạm vi điều chỉnh của điều khoản.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	được yêu cầu.	được yêu cầu.	
	<p><u>2. Mối quan hệ giữa HĐQT và Người điều hành Công ty:</u></p> <p>a. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện vấn đề khó khăn, không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên BKS Công ty. <p>Chưa có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; quyết định các biện pháp 	<p><u>2. Vấn đề thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:</u></p> <p>a. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện vấn đề khó khăn, không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên BKS Công ty. - <u>Trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT trái quy định pháp luật, trái Điều lệ Công ty thì Giám đốc báo cáo lên HĐQT, nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc có quyền không thực hiện và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty. Tùy theo yêu cầu về thời gian, tính chất vụ việc cụ thể, Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông để xử lý hoặc báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</u> - Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; quyết định các biện pháp vượt 	<p><i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp với nội dung điều chỉnh và điểm đ, e, g khoản 1 Điều 6 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định điều chỉnh trong trường hợp Nghị quyết, quyết định của HĐQT trái pháp luật, Điều lệ công ty.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố ...).</p> <p>Chưa có.</p> <p>b. Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty. Hàng tháng, Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo nhanh cho HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên HĐQT kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.</p> <p>c. <u>Trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, Giám đốc vẫn có quyền dự họp các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận góp ý kiến, nhưng không được quyền biểu quyết.</u></p> <p>d. <u>Thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Ban giám đốc chủ trì. Thành viên HĐQT có quyền</u></p>	<p>thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố ...).</p> <p>- <u>Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc: Trên cơ sở báo của Giám đốc theo quy định tại Điều này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Giám đốc, HĐQT tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc. Việc kiểm điểm được lập thành biên bản và được các thành viên HĐQT thống nhất thông qua.</u></p> <p>b. <u>Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty. Hàng tháng, Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo nhanh cho HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên HĐQT kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.</u></p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp điểm e khoản 1 Điều 6 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung về việc báo cáo đột xuất nhằm đảm bảo tính giám sát kịp thời của HĐQT.</i></p> <p><i>Sắp xếp lại nội dung phù hợp phạm vi điều chỉnh của các điều khoản.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.</u></p> <p><u>e. Trong các vấn đề quan trọng của Công ty như tham gia khảo sát, mở rộng thị trường trong và ngoài nước hoặc đàm phán, ký các hợp đồng vượt quá quyền hạn của Giám đốc, Chủ tịch HĐQT có quyền đề cử Giám đốc tham dự với tư cách là tư vấn cho Chủ tịch HĐQT.</u></p> <p><u>f. Đối với các cuộc họp mời Công ty tham dự, trừ những trường hợp mời đích danh thì tùy theo tính chất cuộc họp để phân công cụ thể như sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT và Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cá nhân, bộ phận liên quan (nếu cần thiết)</u> - <u>Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách trước mắt hoặc điều hành thì Giám đốc hoặc Phó Giám đốc không tham dự thì thành viên khác của HĐQT tham dự sau đó thông báo lại Chủ tịch HĐQT và Giám đốc.</u> - <u>Các cuộc họp khác do Giám đốc quyết định cử người tham dự.</u> 	<p>Chuyển lên quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.</p>	
Điều 40.	<u>Điều 40.</u> Việc tiếp cận thông tin	<u>Điều 45.</u> Việc tiếp cận thông tin	
	Chưa có.	<p><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Người điều hành khác trong công</u></p>	<p><i>Chuyển xuống từ điểm a khoản 1 Điều 39 Quy</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu cung cấp trước ít nhất 24 giờ. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></p>	<p><i>chế hiện hành.</i></p>
	<p><u>1.</u> Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><u>2.</u> Các thông tin và tài liệu này bao gồm:</p> <p><u>a.</u> Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;</p> <p><u>b.</u> Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;</p> <p><u>c.</u> Báo cáo của Giám đốc;</p> <p><u>d.</u> Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;</p>	<p><u>2.</u> <u>Đối với</u> việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. <u>BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan:</u></p> <p>a. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT <u>và tài liệu kèm theo;</u> - Biên bản, Nghị quyết của HĐQT, <u>Đại hội đồng cổ đông;</u> - Báo cáo của Giám đốc <u>hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành;</u> - Thông tin, tài liệu về quản lý, <u>điều hành, hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính;</u> 	<p><i>Ghi nhận bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 41 Quy chế hiện hành.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 171 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;</p> <p>f. Tài liệu khác liên quan.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;</p> <p>- Tài liệu khác liên quan.</p> <p>b. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ.</p>	<p><i>Chuyển lên từ khoản 5 Điều 41 Quy chế hiện hành.</i></p>
Điều 41.	<p><u>Điều 41:</u> Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc</p> <p>5. <u>Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;</u></p>	<p><u>Điều 46:</u> Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 dự thảo Quy chế.</p>	<p><i>Sắp xếp lại nội dung phù hợp phạm vi điều chỉnh của các điều khoản.</i></p>
Điều 42.	<p><u>Điều 42:</u> Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS</p> <p>...</p> <p>Chưa có.</p> <p>3. <u>Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.</u></p> <p>4. <u>Giám đốc phải lập kế hoạch</u></p>	<p><u>Điều 47.</u> Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS</p> <p>...</p> <p>3. <u>Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</u></p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 170 LDN 2020.</i></p> <p><i>Nội dung này đã được quy định tại điểm f khoản 1 Điều 44 dự thảo Quy chế.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</u></p> <p><u>5. Các nội dung khác cần ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng năm (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>g khoản 1 Điều 44 dự thảo Quy chế.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p><u>4. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:</u></p> <p><u>a. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT.</u> - <u>Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.</u> <p><u>b. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u> - <u>Các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.</u> - <u>Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin</u> 	<p><i>Nội dung này đã được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 và điểm f khoản 1 Điều 44 dự thảo Quy chế.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp điểm d khoản 1 Điều 6 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p><u>ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT nhân thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.</u></p> <p><u>c. Những vấn đề Ban kiểm soát tham khảo ý kiến HĐQT:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Vấn đề chọn công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của BKS.</u> - <u>Đề xuất của BKS về số lượng thành viên BKS.</u> - <u>Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên ĐHĐCĐ.</u> 	
Điều 44.	<u>Điều 44. Đánh giá hoạt động.</u>	<u>Điều 48. Đánh giá hoạt động</u>	
	<p>2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả sản xuất kinh doanh và các quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.</p>	<p>2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả sản xuất kinh doanh và các quy định của Điều lệ, Quy chế <u>nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</u>, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.</p>	<p><i>Bổ sung theo ý kiến DN để có thêm cơ sở đánh giá hàng năm đối với thành viên HĐQT.</i></p>
Điều 45.	<u>Điều 45. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u>	<u>Điều 50. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u>	
	<p>Khi cần thiết Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác hỗ trợ hoạt động Công ty nếu thấy cần thiết.</p>	<p>Khi cần thiết Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, <u>quản lý rủi ro</u> và các tiểu ban khác hỗ trợ hoạt động Công ty nếu thấy cần thiết. <u>Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền, nhiệm kỳ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và Điều 31 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 47.	<u>Điều 47. Nguyên tắc hoạt động</u>	<u>Điều 52. Nguyên tắc hoạt động</u>	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>của các tiểu ban</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện quyền được ủy thác, thành viên phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị; - Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban <u>là thành viên Hội đồng quản trị.</u> - Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị <u>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u> 	<p>của các tiểu ban</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong quá trình thực hiện quyền được ủy thác, thành viên phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị; 2. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị <u>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u> 	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 31 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 48.</p>	<p><u>Điều 48:</u> Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Có hiểu biết về pháp luật;</u> 2. <u>Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</u> 	<p><u>Điều 53:</u> Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>Hủy bỏ.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</u> 	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 281 ND 155/2020/ND-CP; khoản 2 Điều 32 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 49.</p>	<p><u>Điều 49.</u> Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; 8. <u>Hỗ trợ trong việc xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ</u> 	<p><u>Điều 54.</u> Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát,</u> Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 281 ND 155/2020/ND-CP; khoản 3 Điều 32 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</u></p> <p>9. <u>Giữ vai trò liên lạc giữa các cổ đông trong những giao dịch kiểm soát;</u></p> <p>10. <u>Chuyển tất cả những thắc mắc mà các cổ đông đã đề trình một cách hợp lệ cho các chủ thể quản trị và các phòng ban liên quan của Công ty;</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p>8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>11. <u>Người phụ trách quản trị công ty được hưởng thù lao nếu kiêm nhiệm. Mức thù lao do Hội đồng quản trị xem xét quyết định và được tính vào chi phí của Công ty.</u></p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p> <p><i>Lưu ý: Khoản 10 này DN có thể giữ lại nếu phù hợp nhu cầu của DN.</i></p> <p><i>Bổ sung theo ý kiến DN.</i></p>
<p>Điều 50.</p>	<p><u>Điều 50:</u> Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p><u>Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.</u></p>	<p><u>Điều 55:</u> Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị <u>phải</u> bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 281 ND 155/2020/NĐ-CP; khoản 1 Điều 32 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 53.</p>	<p><u>Điều 53:</u> Thư ký Công ty</p> <p>1. <u>HĐQT có thể cử 1 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty (hoặc Thư ký HĐQT Công ty). Thư ký Công ty phải là người có kiến thức về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời</u></p>	<p><u>Điều 58:</u> Thư ký Công ty</p> <p>1. <u>HĐQT có thể cử 1 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có kiến thức về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang</u></p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 156 LDN 2020 – không có chức danh Thư ký HĐQT.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS; <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn về thủ tục các cuộc họp; - Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với pháp luật; - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT, BKS; - Thực hiện những công tác khác theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT. 	<p>thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp HĐQT và ĐHCĐ; ghi chép các biên bản họp; - Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; - Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; - Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện những công tác khác theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT. 	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 156 LDN 2020.</i></p>
Điều 54.	<p><u>Điều 54:</u> Công khai lợi ích có liên quan</p> <p>1. Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích và Người có liên quan theo quy định sau đây:</p> <p>b. Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người điều hành</p>	<p><u>Điều 59:</u> Công khai lợi ích có liên quan</p> <p>1. Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích và Người có liên quan theo quy định sau đây:</p> <p>b. Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người quản lý khác</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2, 3, 4 Điều 164 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan với Công ty, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ. <p>c. Việc kê khai quy định tại điểm b Khoản 1 Điều <u>này</u> được thực hiện khi được đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS hoặc khi được đề bạt, bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>2. Việc <u>công khai hóa và xem xét, trích lục và sao chép</u> Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan <u>trong báo cáo thường niên Công ty</u>; b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; 	<p>của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan với Công ty, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ <u>làm chủ sở hoặc</u> sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm <u>làm chủ hoặc</u> sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng <u>làm chủ, cùng</u> sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ. <p>c. Việc kê khai quy định tại điểm b Khoản <u>này</u> được thực hiện khi được đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS hoặc khi được đề bạt, bổ nhiệm Người điều hành, <u>người quản lý</u> doanh nghiệp; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>2. Việc <u>lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục và sao chép</u> Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan <u>cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</u>; b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; <u>trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các</u> 	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người điều hành khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc,	<u>chi nhánh của Công ty;</u> c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và Người điều hành, <u>người quản lý</u> khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc.	
Điều 55.	<u>Điều 55.</u> Trách nhiệm cán trọng Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích <u>cao nhất</u> của Công ty và với <u>mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương</u> và trong hoàn cảnh tương tự.	<u>Điều 60.</u> Trách nhiệm cán trọng Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, <u>cẩn trọng</u> vì lợi ích của Công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp mục X Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 56.	<u>Điều 56.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và <u>Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và <u>Người điều hành khác</u> có nghĩa vụ thông báo cho Hội	<u>Điều 61.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và <u>Người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và <u>Người quản lý khác</u> có nghĩa vụ thông báo <u>bằng văn bản</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u></p>	<p>cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p>BTC.</p>
	<p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý khác không phải là cổ đông và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p><u>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty:</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 293 ND 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>Chưa có.</p>		<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác <u>hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá</u> trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <u>từ dưới 20%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>yếu tố</u> quan trọng <u>về</u> hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người điều hành Công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị <u>hoặc tiểu ban liên quan</u>. Đồng thời, Hội đồng quản trị <u>hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực</u> bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>yếu tố</u> quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người điều hành Công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông <u>không có lợi ích liên quan có</u></p>	<p><u>định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u></p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác <u>và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <u>nhỏ hơn 35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>nội dung</u> quan trọng <u>của</u> hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người điều hành Công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị <u>đã thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</u></p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35%</u> hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng <u>12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <u>nội dung</u> quan trọng <u>của</u> hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ</p>	<p><i>BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi, hủy bỏ phù hợp khoản 6 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</u></p> <p><u>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</u></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng <u>các thông tin chưa được phép công bố của công ty</u> hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>và lợi ích của Người điều hành Công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</u></p> <p>Hủy bỏ.</p> <p><u>6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành, người quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></p>	
Điều 57.	<p><u>Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình <u>với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn</u> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có</p>	<p><u>Điều 62. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 48</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, <u>mẫn cán</u> vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p>thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền đã hoặc đang <u>thực hiện nhiệm vụ</u> theo uỷ quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	<p><i>Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>4. Chi phí bồi thường bao gồm <u>các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư)</u>, chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế <u>hoặc được coi là mức hợp lý</u> khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người <u>đó</u> để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế <u>(kể cả phí thuê luật sư)</u> khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người <u>này</u> để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 58.</p>	<p><u>Điều 58:</u> Nghĩa vụ công bố thông tin</p> <p>1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất <u>kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty. Ngoài ra,</u> Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông và nhà đầu tư.</p> <p>2. <u>Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời.</u> Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.</p>	<p><u>Điều 63.</u> Nghĩa vụ công bố thông tin</p> <p>1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật <u>chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư.</u> Công ty phải công bố kịp thời, <u>chính xác</u> và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông và nhà đầu tư.</p> <p>2. <u>Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</u> nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 295 ND 155/2020/ND-CP.</i></p>
<p>Điều 59.</p>	<p><u>Điều 59:</u> Công bố thông tin về <u>tình hình</u> quản trị Công ty</p>	<p><u>Điều 64.</u> Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Công ty</p>	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Công ty phải <u>công bố thông tin</u> về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>1. Công ty phải <u>báo cáo</u> về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và <u>công bố thông tin</u> trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p><i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 297 ND 155/2020/NĐ-CP.</i></p>
Điều 60.	<u>Điều 60:</u> Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc	<u>Điều 65.</u> Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc	
	<p>Ngoài các trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Người điều hành Công ty</u> có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là <u>thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc/ Giám đốc điều hành</u> trong thời gian 03 (ba) năm trước.</p> <p>2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, <u>Giám đốc điều hành</u> hoặc cổ đông lớn.</p> <p>3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất</p>	<p>Ngoài các trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Giám đốc Công ty</u> có trách nhiệm báo cáo <u>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u> trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là <u>người quản lý doanh nghiệp</u> trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, <u>Tổng giám đốc (Giám đốc)</u> hoặc cổ đông lớn.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi, hủy bỏ phù hợp Điều 299 ND 155/2020/NĐ-CP.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>đổi với các thành viên nêu trên.</u>		
Điều 62.	Điều 62. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 13 chương <u>62 điều</u> được Đại hội đồng cổ đông nhất trí theo Nghị quyết số <u>017/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2018</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	Điều 67. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm 13 chương <u>67 điều</u> được Đại hội đồng cổ đông nhất trí theo Nghị quyết số <u>... ngày ... tháng ... năm ...</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	<i>Sửa đổi phù hợp dự thảo Quy chế.</i>

Trong Quy chế này:

1. *Các số thứ tự điều khoản, tham chiếu điều khoản, số lượng điều khoản sẽ tự động được cập nhật sau khi dự thảo Quy chế và Điều lệ được thông qua;*
2. *Tên gọi “Quy chế quản trị nội bộ” được điều chỉnh thành “Quy chế nội bộ về quản trị/Quy chế nội bộ về quản trị công ty” để phù hợp quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 mà không cần ghi nhận chi tiết, đầy đủ vào bảng tổng hợp;*
3. *Các sai sót về tham chiếu, đánh số thứ tự điều khoản của Quy chế hiện hành (nếu có) sẽ được tự động cập nhật lại sau khi dự thảo Quy chế được thông qua mà không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp;*
4. *Ngoài các điều khoản thay đổi Quy chế nội bộ về quản trị của Công Ty đã tổng hợp nêu trên để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Các điều khoản khác không được đề cập và không thuộc trường hợp nêu tại mục 1, 2 sẽ giữ nguyên không thay đổi.*

MỤC LỤC

Chương I:	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
Chương II:	4
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Chương III:	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	11
Chương IV:	11
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	13
Chương V:	14
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	15
Điều 20. Đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị	15
Điều 21. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị	15
Chương VI:	16

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.....	16
Chương VII:	16
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	17
Điều 26. Hiệu lực thi hành	17

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-TH-HĐQT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cấp nước Tân Hòa)

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”).
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”).
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“NĐ 155/2020/NĐ-CP”).
- Thông số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“TT 116/2020/TT-BTC”).
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ Phần Cấp nước Tân Hòa thông qua ngày ... tháng ... năm
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể được quy định tại Điều lệ công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác;
4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương thức như trên.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan

- trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp này;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Hội đồng quản trị quyết định các nội dung sau:
 - Ban hành hoặc giao Giám đốc ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp quy định của pháp luật hiện hành;
 - Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Quyết định sau khi có ý kiến của Công ty mẹ các nội dung về người lao động: Định mức lao động, kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện hàng năm của người lao động; hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương mới. Báo cáo Công ty mẹ sau khi ban hành và thực hiện;
 - Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, mức lương và lợi ích khác đối với Kế toán trưởng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải

cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty và quy chế khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc nhận được

yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp tình hình Công ty nhưng nên có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Tùy vào thực tế nhân sự của công ty, các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV:

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu

giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V:

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói

theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 20. Đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy Phòng – Đội chuyên môn của Công ty, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu, biểu tượng của Công ty để thực hiện chức năng quản lý, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 21. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định hiện hành và được tính vào chi phí quản lý của Công ty, được quyết toán hàng năm trong Báo cáo tài chính.
2. Ngoài chi phí thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị còn bao

gồm:

- Chi phí các cuộc họp Hội đồng quản trị, chi phí đi lại, ăn, ở trong thời gian họp.
 - Chi phí tư vấn.
 - Chi phí đào tạo, tập huấn.
 - Và các chi phí khác.
3. Kinh phí hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị được lập kế hoạch trong tổng chi phí hàng năm của Công ty, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Chương VI:

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng quản trị Công ty xem xét, trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa bao gồm 07 chương, 26 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRẦN THỊ NGỌC LUYẾN

Số: 006 /TH-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022.

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát

Kính gửi : Đại Hội Đồng Cổ Đông
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”).
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”).
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“NĐ 155/2020/NĐ-CP”).
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“TT 116/2020/TT-BTC”).

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát Công ty Cổ Phần cấp Nước Tân Hòa trước đây được xây dựng dựa trên luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014 và Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/07/2012 quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng

Nay Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“TT 116/2020/TT-BTC”) do đó Điều lệ của Công ty được rà soát, sửa đổi để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật sửa đổi Luật.

Khi Điều lệ được sửa đổi thì Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát cũng phải được rà soát, sửa đổi tương ứng để đảm bảo phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty Cổ Phần cấp Nước Tân Hòa, quy chế được xây dựng hoàn toàn theo mẫu đã ban hành tại TT 116/2020/TT-BTC.

Từ các lý do trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước



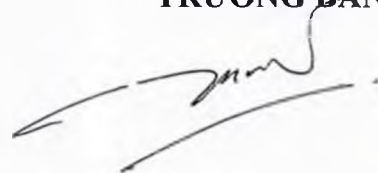
Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Thông số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“TT 116/2020/TT-BTC”).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Các TV BKS;
- Lưu

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Khánh Trùng Dương



MỤC LỤC

Chương I:	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	4
Chương II:	4
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	4
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Chương III:	7
BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	7
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	9
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	9
Chương IV:	10
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	10
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	10
Chương V:	10
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hằng năm	10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	11
Chương VI:	12
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12

Chương VII:	12
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 22. Hiệu lực thi hành	12

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-TH-HĐQT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cấp nước Tân Hòa)*

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”).
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”).
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“NĐ 155/2020/NĐ-CP”).
- Thông số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“TT 116/2020/TT-BTC”).
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ Phần Cấp nước Tân Hòa thông qua ngày ... tháng ... năm
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II:

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ công ty quy định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám

độc và người quản lý khác;

4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.
8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng

cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Ban kiểm soát cần bầu thì Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương thức như trên.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng

- quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
 13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
 14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
 18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
 20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
 21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 25. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 26. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và

địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

27. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
28. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
 - a. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1

Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV:

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V:

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập, các chi phí khác theo quy định tại Điều lệ công ty với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

- Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI:

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Tân Hòa bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.
- Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên)

...



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

"NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 035 /TTr-TH-HĐQT

TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-TCT-HĐTV ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về cử, thôi cử người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và giới thiệu nhân sự tham gia Ban quản lý điều hành tại doanh nghiệp khác;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TCT-HĐTV ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn về cử nhân sự làm Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Căn cứ công văn số 10/TCT-HĐTV, ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn về việc đề cử nhân sự làm người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Hội đồng quản trị);

Căn cứ Nghị quyết số 034/NQ-TH-HĐQT ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng quản trị về miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;

Ngày 20/01/2022, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (sở hữu 3.250.000 cổ phiếu, chiếm 65% trên vốn điều lệ) đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-TCT-HĐTV, trong đó, thôi cử ông Phạm Khương Thảo – Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa làm Người đại diện vốn của Tổng Công ty và điều động đến nhận công tác tại đơn vị khác. Song song đó, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn cũng đã cử ông Nguyễn Mười làm Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa và giới thiệu ứng cử chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời giới thiệu để Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa xem xét và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc thay thế ông Phạm Khương Thảo;

Theo Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa quy định "Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới



không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực”

Tại Khoản 2 Điều 16 Quy chế Quản trị Công ty quy định “Trong trường hợp chỉ có bầu bổ sung một thành viên HĐQT và chỉ có một ứng cử viên ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT; hoặc trong trường hợp quy định thành viên HĐQT do HĐQT bổ nhiệm tạm thời tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty thì ĐHCĐ có thể thực hiện bầu dồn phiếu hoặc theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHCĐ đồng ý phương thức như trên.”

Trên cơ sở đó, để đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động sản xuất của Công ty được liên tục, Hội đồng quản trị đã lập các thủ tục miễn nhiệm ông Phạm Khương Thảo đối với chức danh thành viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm ông Nguyễn Mười làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày 26/01/2022 theo Nghị quyết số 034/NQ-TH-HĐQT ngày 25 tháng 01 năm 2022.

Để thực hiện đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Khương Thảo kể từ ngày 26/01/2022.

2. Bầu ông Nguyễn Mười làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, nhiệm kỳ 2020-2025, kể từ ngày 26/01/2022.

• Nguyên tắc bầu cử: Việc bầu cử được thực hiện theo phương thức biểu quyết bằng phiếu biểu quyết (Hội đồng quản trị đã trình cổ đông thông qua trong thể lệ làm việc và biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2022 – theo tài liệu đính kèm).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT.HĐQT, “P”.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
TÂN HÒA
Trần Thị Ngọc Luyến

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
ĐĂNG CỬ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA NHIỆM KỲ 2020 – 2025
(Theo thứ tự A, B, C)



stt	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐỊA CHỈ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Tóm tắt)
1	NGUYỄN MƯỜI	30/10/1973	10/9 đường 14A – Cư xá ngân hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.HCM.	<ul style="list-style-type: none"> Cử nhân Quản trị kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> Từ 09/1998 - 09/2005: Kiểm soát viên Phòng Thanh tra – Kiểm soát, Phòng Thanh tra pháp chế tại Công ty Cấp nước Tp.HCM Từ 10/2005 – 11/2005: Nhân viên Chi nhánh Cấp nước Sài Gòn nay là Cty CPCN Bến Thành. 11/2005 - 09/2007: Tổ trưởng Tổ Mã hóa, Ban kiểm tra – kiểm soát Chi nhánh Cấp nước Bến Thành Từ 09/2007 – 08/2013: Phó trưởng Phòng Thương vụ Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành Từ 09/2013 - 06/2016: Trưởng Phòng Thương vụ Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành Từ 07/2016 – 04/2017: Trưởng Phòng Kế hoạch – Vật tư Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành Từ 04/2017 đến 25/01/2022: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành Từ 26/01/2022 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

~ NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ ~

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2022

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
(Bầu bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;
- Căn cứ Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân,

Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2020-2025 Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Công ty) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được thực hiện như sau:

Điều 1. Nguyên tắc bầu cử

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Số lượng, nhiệm kỳ thành viên được bầu bổ sung vào HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT là: 01 người
- Nhiệm kỳ: 2020-2025

Điều 3. Tiêu chuẩn của các ứng viên ứng cử vào HĐQT

- Theo Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 14 Quy chế Quản trị Công ty được thể hiện tại mục 3 Thông báo số 032/TB-TH-HĐQT ngày 01/04/2022 về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (đã đăng tải trên website Công ty).

- Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 Công ty khác.

Điều 4. Điều kiện đề cử, ứng cử vào HĐQT

Theo Khoản 2, khoản 3 Điều 24 Điều lệ công ty quy định được thể hiện tại mục 2 Thông báo số 032/TB-TH-HĐQT ngày 01/04/2022 về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (đã đăng tải trên website Công ty).

Điều 5. Phương thức bầu cử

Việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng



số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Và tại Khoản 2 Điều 16 Quy chế Quản trị Công ty quy định “Trong trường hợp chỉ có bầu bổ sung một thành viên HĐQT và chỉ có một ứng cử viên ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT; hoặc trong trường hợp quy định thành viên HĐQT do HĐQT bổ nhiệm tạm thời tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty thì ĐHĐCĐ có thể thực hiện bầu dồn phiếu hoặc theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.”

Do đó, trường hợp chỉ có một ứng cử viên ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT thì Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 tiến hành bầu thành viên HĐQT bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này đã được thống nhất biểu quyết tại Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 6. Thủ tục và hình thức tiến bầu cử

Mỗi cổ đông tham gia được phát Phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT cho toàn bộ số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

a. Hình thức Phiếu biểu quyết (thay cho Phiếu bầu):

Trên mỗi Phiếu biểu quyết bầu cử có ghi tên ứng cử viên vào thành viên HĐQT; tên từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát Phiếu biểu quyết bầu cử phải kiểm tra lại mã số và số cổ phần ghi trên Phiếu biểu quyết, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

b. Cách ghi Phiếu biểu quyết bầu cử

Cổ đông hoặc người ủy quyền thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu “x” hoặc dấu “✓” vào một trong các ô tương ứng: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến (Cổ đông lựa chọn phương án nào thì đánh dấu vào ô đó).

c. Phiếu biểu quyết bầu cử hợp lệ:

Phiếu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa; Không tẩy xóa, cạo sửa và có đánh dấu một trong các ô tương ứng: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến.

d. Phiếu biểu quyết bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung, rách, không còn nguyên vẹn;
- Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên;

e. Trường hợp xem là không tham gia bầu cử:

Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông có tham dự đại hội mà không bỏ phiếu bầu cử thì số Phiếu biểu quyết của cổ đông đó được xem là không bầu cử.

f. **Đổi lại Phiếu biểu quyết bầu cử**

Trong trường hợp Phiếu biểu quyết bầu cử không thể hiện đúng các thông tin liên quan đến cổ đông, hoặc do nhầm lẫn của cổ đông trong quá trình ghi phiếu cho ứng viên mà chưa bỏ vào thùng phiếu, hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu biểu quyết bầu cử (và nộp lại phiếu cũ).

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

– Số người trúng cử thành viên HĐQT là người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

– Trường hợp chỉ có 01 ứng cử viên tham gia ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT thì tính theo tổng số cổ phiếu tương ứng tham gia biểu quyết bầu cử với số phiếu của cổ đông hoặc người được ủy quyền tham gia biểu quyết.

Điều 8. Lập và công bố kết quả biểu quyết bầu cử

– Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trắng; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho ứng cử viên vào HĐQT;

– Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

– Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

– Thẻ lệ bầu cử này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

– Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Quy chế bầu cử này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thị Ngọc Luyến